



Audio Catalogue 2017 - 2018

Hướng dẫn ghép bộ - Thông tin sản phẩm - Karaoke - Thuật ngữ kỹ thuật

Accuphase | DENON | JAMO | Klipsch | MONITOR AUDIO[®]
design for sound

ACUSTICS | TANOY[®] | PATHOS | UNISON RESEARCH | OPERA[®]



1.	Mục Lục	2
2.	Giới thiệu	3
3.	Phối ghép Jamo	4 - 11
4.	Phối ghép Klipsch	12 - 15
6.	Phối ghép Monitor Audio	16 - 19
8.	Karaoke	20 - 29
9.	Denon	30 - 49
10.	Jamo	50 - 65
11.	Klipsch	66 - 101
12.	Monitor Audio	102 - 123
13.	Cambridge Audio	124 - 133
14.	Accuphase	134 - 149
15.	Tannoy	150 - 161
16.	Unison Research	162 - 171
17.	Pathos Acoustics	172 - 177
18.	Opera	178 - 181
19.	Linn	182 - 195
20.	Hidiamond	196 - 198
21.	EZ	199
22.	Eliacoustics	200 - 203

Công ty TNHH Quốc Tế Anh Duy (AnhDuy Audio) xây dựng cuốn catalogue này nhằm giới thiệu đến người tiêu dùng đầy đủ tất cả các nhãn hiệu do công ty phân phối chính thức tại Việt Nam.

Các sản phẩm do AnhDuyAudio phân phối thuộc lĩnh vực thiết bị âm thanh cao cấp, trong đó Quý khách hàng có thể tìm hiểu để xây dựng cho mình các bộ dàn âm thanh gia dụng như: Home Cinema (Phòng chiếu phim gia đình), Hi-Fi (Bộ dàn âm thanh nghe nhạc 2 kênh stereo), Hi-End (Bộ dàn âm thanh nghe nhạc chất lượng cao), bộ dàn nghe nhạc cá nhân (Mini Component), các thiết bị chiếu phim HD, thiết bị cho iPod, tai nghe, karaoke gia đình, cho đến những hệ thống âm thanh chuyên nghiệp cho phòng thu, sân khấu, rạp hát, rạp chiếu phim công cộng, nhà hàng-bar karaoke...

Các thương hiệu do AnhDuyAudio phân phối và làm đại lý từ lâu đã quen thuộc với Quý khách hàng như Denon, Jamo, Tannoy, Klipsch, Monitor Audio, Linn..., và các sản phẩm của tập đoàn Harman Pro như JBL Pro, Crown, BSS, Sound Craft, AKG.

Uy tín và chuyên nghiệp, giải quyết hậu mãi nhanh chóng là tôn chỉ của AnhDuyAudio trong phục vụ Quý khách hàng.

Chân thành cảm ơn Quý khách hàng đã sử dụng sản phẩm của AnhDuyAudio.

M U C L U C

PHỐI GHÉP XEM PHIM, NGHE NHẠC

Có thể xem đây là bộ dàn cơ bản để người thưởng thức cảm nhận thế nào là hiệu ứng âm thanh 5.1 với mức chi phí thấp nhất. Thấp nhưng hiệu quả cao là điều thích thú của bất kỳ ai yêu thích loại hình giải trí này.



Jamo S 426/S 428 HCS 3

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Bộ loa Loa Sub	Jamo S 428 HCS3 Jamo SUB J 12	Jamo S 426 HCS3 Jamo J 10/ SUB 210
Ampli đề nghị	Denon AVR-X2300W/AVR-X1300W Denon AVR-X2400H/AVR-X1400H	Denon AVR-X1300W/AVR-X540BT/AVR-X520BT
Đầu phát	Cambridge Audio CXU/ Đầu phát HD	Cambridge Audio CXU/ Đầu phát HD

PHỐI GHÉP XEM PHIM, NGHE NHẠC

Jamo S 526 HCS3

Jamo S 526 HCS3 là bộ loa 5.0 kênh, gồm 2 loa chính S 526, loa centre S 52 và 2 loa surround S 522.
Bộ loa này dùng kết nối với Ampli receiver dùng nghe nhạc, xem phim. Cần kết nối thêm loa Sub để hiệu ứng tiếng trầm hay hơn.



Thiết bị	Phòng từ 15m2 -25m ²
Bộ loa Loa Sub	Jamo S526 HCS3 Jamo SUB 210/SUB J10/SUB J12
Ampli đề nghị	Denon AVR-X2300W/AVR-X1300W Denon AVR-X2400H/AVR-X1400H
Đầu phát	Cambridge Audio CXU/Đầu phát HD



Jamo Studio

PHỐI GHÉP NGHE NHẠC 2 KÊNH STEREO



S 626 là đôi loa đứng có 3 đường tiếng, gồm 1 loa treble, 2 mid và 1 bass hông.
Loa thích hợp cho phòng rộng trên 20m2 và thể hiện các dòng nhạc mạnh, trữ tình.
S 626 cũng có thể dùng hát Karaoke gia đình với chất lượng âm thanh không thua gì loa Karaoke chuyên dụng.

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²
Loa	Jamo S 626
Ampli đề nghị	Denon PMA-1520AE/PMA-720AE
Đầu phát	Denon DCD-720AE

PHỐI GHÉP XEM PHIM, NGHE NHẠC

Jamo S 626 HCS3/S 628 HCS3



Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Bộ loa Loa Sub	Jamo S 628 HCS3 Jamo SUB J12	Jamo S 626 HCS3 Jamo SUB J10
Ampli đề nghị	AVR-X3300W/AVR-X3400H	Denon AVR-X2300W/AVR-2400H
Đầu phát	Cambridge Audio CXU/ Đầu phát HD	Cambridge Audio CXU/ Đầu phát HD

PHỐI GHÉP NGHE NHẠC 2 KÊNH STEREO

Jamo C 9

Series C 9 là sản phẩm mới của Jamo. Nó được cho là thay thế dòng C 60 đã tồn tại khá lâu.

Với thiết kế hoàn toàn mới từ hình dáng bên ngoài và kết cấu bên trong, Jamo C 9 sẽ làm cho những ai đã quen thuộc với Jamo sẽ hết sức bất ngờ về những cải tiến này.



Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m²	Phòng nhỏ hơn 20m²
Loa	Jamo C 97	Jamo C 95/ C 93
Ampli đề nghị	Denon PMA-1600NE Cambridge CXA80	Denon PMA-720AE/PMA-520AE Cambridge CXA60/AM10/AM5
Đầu phát	Denon DCD-1600NE/DCD-720AE Cambridge CXC	Denon DCD-720AE/DCD-520AE CD10/CD5

PHỐI GHÉP XEM PHIM, NGHE NHẠC

Jamo C 97/ C 95/ C 93



Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m²	Phòng nhỏ hơn 20m²
Loa chính	Jamo C 97	Jamo C 95/ C 93
Loa Sur	Jamo C 9 Sur	Jamo C 9 Sur
Loa Cent	Jamo C 9 Cent	Jamo C 9 Cent
Loa Sub	Jamo SUB J 112/ SUB J 110	Jamo SUB J12 / J 10/ SUB 210
Ampli đề nghị	Denon AVR-X3400H, AVR-X3300W/ AVR-X2300W/AVR-X2400H	Denon AVR-X2300W/AVR-X1300W/ AVR-X2400H/AVR-X1400H
Đầu phát	Cambridge Audio CXU	Cambridge Audio CXU

PHỐI GHÉP NGHE NHẠC 2 KÊNH STEREO

Jamo C 109/ C 103

Jamo C 10

C 10 là dòng loa mới của Jamo, thay thế cho dòng C 80, bao gồm một model loa đứng C 109, một model bookshelf C 103, bộ surround C 10 Sur và một loa centre C 10 Cent. Jamo đã làm một sự thay đổi toàn diện từ hình dáng cho đến kết cấu kỹ thuật, biến dòng loa này trở nên mới lạ hơn, chất âm trung thực và nhạc tính hơn.



Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa	Jamo C 109	Jamo C 103
Ampli đề nghị	Denon PMA-2500NE	Denon PMA-1600NE Cambridge CXA80
Đầu phát	Denon DCD-2500NE/DCD-1520AE	Denon DCD-1600NE/DCD-720AE Cambridge CXC

PHỐI GHÉP XEM PHIM, NGHE NHẠC

Jamo C 109/ C 103



Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa chính Loa Sur Loa Cent Loa Sub	Jamo C 109 Jamo C 10 Sur Jamo C 10 Cent Jamo SUB J 112/ SUB J 110	Jamo C 103 Jamo C 10 Sur Jamo C 10 Cent Jamo SUB J12 / J 10/ SUB 210
Ampli đề nghị	Denon AVR-X7200WA/AVR-X6200W/ AVR-X6300H	Denon AVR-X3300W/AVR-X3400H
Đầu phát	CAMBRIDGE AUDIO CXU	CAMBRIDGE AUDIO CXU

Klipsch Reference Base

PHỐI GHÉP NGHE NHẠC 2 KÊNH STEREO

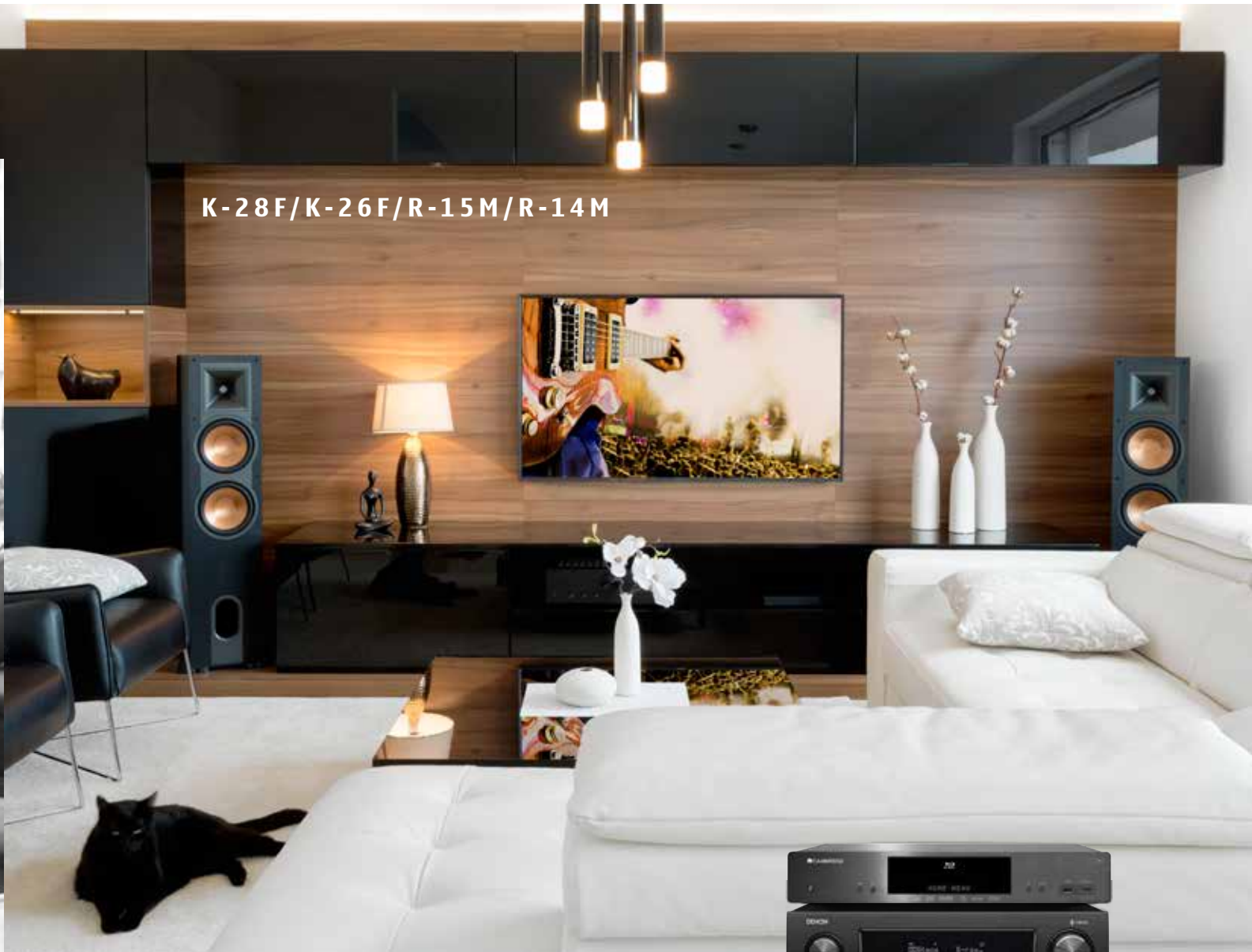
Reference là dòng loa mới của Klipsch, phát triển năm 2014. Loa vẫn giữ lại đường nét thiết kế của dòng Reference II và thay đổi củ loa thế hệ mới và bộ phân tần cũng được cải tiến cho âm thanh hay hơn.



K-28F/K-26F/R-15M/R-14M

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa	K-28F	K-26F /R-15M/R-14M
Ampli đề nghị	Denon PMA-1600NE Cambridge CXA80/CXA60	Denon PMA-720AE/PMA-520AE/PMA-50 Cambridge CXA60/AM10
Đầu phát	Denon DCD-1600NE Cambridge CXC	Denon DCD-720AE/DCD-520AE/DCD-50 Cambridge CD10/CD5

PHỐI GHÉP XEM PHIM, NGHE NHẠC



K-28F/K-26F/R-15M/R-14M



Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa chính	Klipsch K-28F	Klipsch K-26F/R-15M/R-14M
Loa Sur	Klipsch R-14S	Klipsch R-14S
Loa Cent	Klipsch R-25C	Klipsch R-25C
Loa Sub	Klipsch R-12W	Klipsch R-8SW/ R-10SW
Ampli đề nghị	Denon AVR-X4300H/AVR-X3300W/ AVR-3400H	Denon AVR-X2400H/AVR-2300W/AVR-1300W/ AVR-540BT/ AVR-X520BT
Đầu phát	Cambridge Audio CXU/ Đầu phát HD	Cambridge Audio CXU/ Đầu phát HD

Klipsch Reference Premiere

PHỐI GHÉP NGHE NHẠC 2 KÊNH STEREO

Reference Premier là dòng loa mới của Klipsch, phát triển năm 2015, thay thế dòng Reference II. Loa vẫn giữ lại đường nét thiết kế của dòng Reference II và thay đổi củ loa thế hệ mới và bộ phận tần cũng được cải tiến cho âm thanh hay hơn.



Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa	RF-7II/RP-280F/RP-260F	RP-250F/RP-160M/RP-150M
Ampli đề nghị	Denon PMA-2500NE/PMA-1600NE Cambridge 851A/CXA80/CXA60	Denon PMA-720AE/PMA-520AE/PMA-50 Cambridge CXA60/AM10
Đầu phát	Denon DCD-2500NE/DCD-1600NE Cambridge 851C/CXC	Denon DCD-720AE/DCD-520AE/DCD-50 Cambridge CD10/CD5

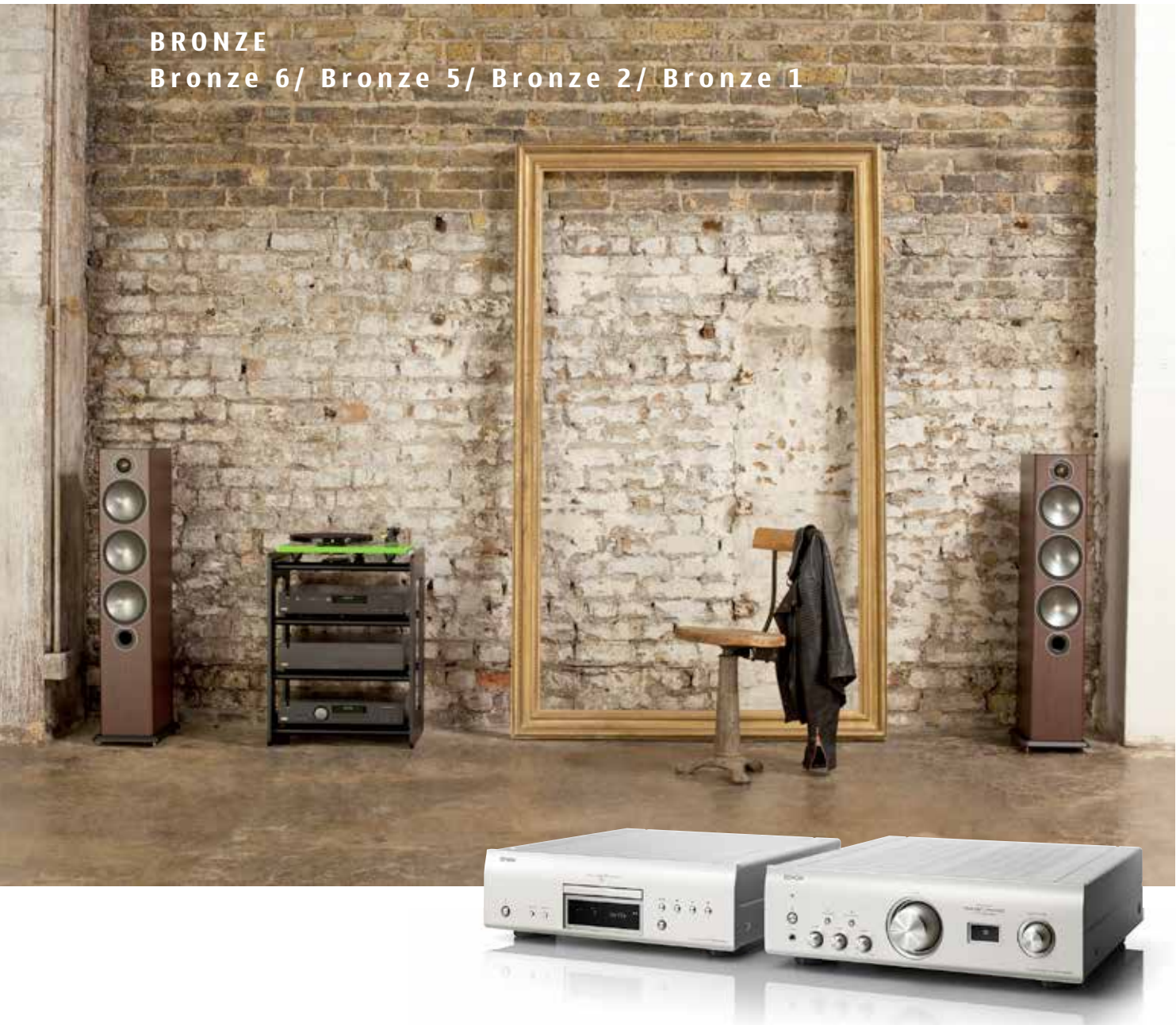
PHỐI GHÉP XEM PHIM, NGHE NHẠC



Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa chính Loa Sur Loa Cent Loa Sub	Klipsch RF7II/RP-280F/RP-260F Klipsch RP-250S Klipsch RP-450C/ RP-440C Klipsch R-115SW/ R-112SW	Klipsch RP-250F/RP-160M/RP-150M Klipsch RP-240S Klipsch RP-250C Klipsch R-110SW
Ampli đề nghị	Denon AVR-X7200WA/AVR X6200W/ AVR-X6300H/AVR-X4300H/AVR-X3300W/ AVR-X3400H	Denon AVR-2400H/AVR-X2300W/AVR-X1300W/ AVR-X1400H/AVR-X520BT/AVR-X540BT
Đầu phát	Cambridge Audio CXU/ Đầu phát HD	Cambridge Audio CXU/ Đầu phát HD

Monitor Audio

PHỐI GHÉP NGHE NHẠC 2 KÊNH STEREO



Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa	Monitor Audio Bronze 6	Monitor Audio Bronze 5/ Bronze 2/ Bronze 1
Ampli đề nghị	Denon PMA-1600NE Cambridge Audio 851A, CXA80	Denon PMA-1600NE /PMA-720AE/PMA-520AE Cambridge Audio CXA80, CXA60, AM10
Đầu phát	Denon DCD-1600NE Cambridge Audio 851C/CXC	Denon DCD-720AE/DCD-520AE Cambridge Audio CXC/CD5/CD10

PHỐI GHÉP XEM PHIM, NGHE NHẠC



Bronze là dòng loa dành cho phòng chiếu phim, nghe nhạc cao cấp. Với thiết kế mỹ thuật và chất liệu cao cấp.

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa chính Loa Sur Loa Cent Loa Sub	Monitor Audio Bronze 6 Bronze FX Bronze Centre Bronze W 10	Monitor Audio Bronze 5/ Bronze 2/ Bronze 1 Bronze FX Bronze Centre Bronze W 10
Ampli đề nghị	Denon AVR-X6300H/AVR-6200W AVR-X4300H/AVR-X3300W/AVR-X3400H	Denon AVR-X3300W/AVR-X2400H AVR-X2300W/AVR-X1400H/AVR-X1300W
Đầu phát	Cambridge Audio CXU/ĐẦU PHÁT HD	Cambridge Audio CXU/ĐẦU PHÁT HD

MONITOR REFERENCE

PHỐI GHÉP NGHE NHẠC 2 KÊNH STEREO



MR6/ MR4/ MR2/ MR1

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m²	Phòng nhỏ hơn 20m²
Loa	Monitor Audio MR6	Monitor Audio MR4/ MR2/ MR1
Ampli đề nghị	Denon PMA-1600NE Cambridge Audio 851A, CXA80	Denon PMA-1600NE /PMA-720AE/PMA-520AE Cambridge Audio CXA80, CXA60, AM10
Đầu phát	Denon DCD-1600NE Cambridge Audio 851C/CXC	Denon DCD-720AE/DCD-520AE Cambridge Audio CXC/CD5/CD10

PHỐI GHÉP XEM PHIM, NGHE NHẠC



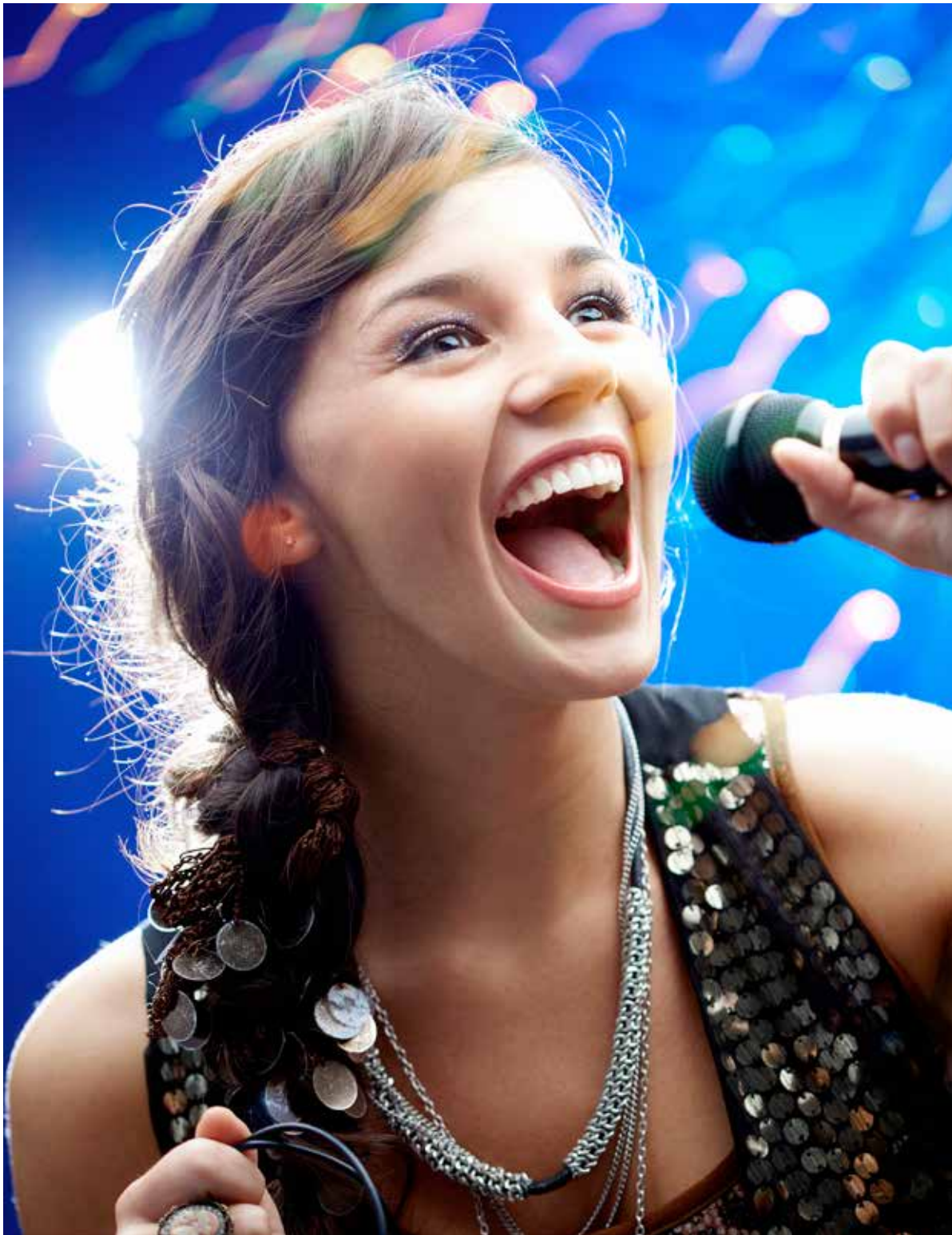
Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m²	Phòng nhỏ hơn 20m²
Loa chính Loa Sur Loa Cent Loa Sub	Monitor Audio Bronze 6 MR1 MR Centre MRW 10	Monitor MR4/ MR2/ MR1 MR1 MR Centre MRW 10
Ampli đề nghị	Denon AVR-X3400H/AVR-X3300W/ AVR-X2400H/AVR-X2300W	Denon AVR-X1400H/AVR-X1400H/AVR-X1300W
Đầu phát	Cambridge Audio CXU/ĐẦU PHÁT HD	Cambridge Audio CXU/ĐẦU PHÁT HD

Hát hay với hệ thống Karaoke cao cấp

Đối với những ai thích sự đơn giản, gọn gàng và giá tốt, chỉ cần một ampli Karaoke Sumico 3910 kết nối với loa Sumico KS 1101 hoặc KS 801 là có thể hát hay. Nếu muốn tiếng trầm mạnh, mềm và xuống thấp, chúng ta nên dùng thêm một loa sub để tăng hiệu ứng

Các bạn nào muốn hệ thống Karaoke “đỉnh đám” hơn thì có thể dùng Power đẩy kết hợp Mixer rời. Trường hợp nhưng vậy hãy dùng Power của Crown như Xli 1500/2500 hoặc KVS 300/500/700/1000 kết hợp với loa JBL Ki 310, Ki 312 hoặc các dòng loa cao cấp khác của JBL như PRX400 hoặc PRX800.

Micro là thành phần rất quan trọng trong hệ thống Karaoke. Nếu bạn đã sắm đầy đủ tất cả các thiết bị tốt nhất nhưng chỉ dùng Micro không chuẩn, sẽ làm cho giọng hát bạn không hay hoặc sẽ bị hụt hơi khi hát. Micro AKG với nhiều mẫu để bạn lựa chọn. Hàng nhập chính thức từ hãng, không nhái nên sẽ giúp bạn thoải mái hơn khi hát ca giải trí!



Loa JBL

JBL Pro là hàng chuyên làm loa phục vụ biểu diễn chuyên nghiệp. Hầu như tất cả các rạp hát, các show biểu diễn live trên khắp thế giới đều dùng JBL với niềm tin tuyệt đối về chất lượng âm thanh.

Dòng PRX 400



PRX412M

Dải tần (-10 dB)	: 50Hz - 20kHz
Độ nhạy (1w/1m)	: 95dB
Trở kháng	: 8 Ohms
Maximum SPL	: 126dB
Đường kích loa bass	: 300mm
Công suất chịu đựng	: 300W/ 600W/ 1200W
Kích thước (CxNxS)	: 574 x 353 x 399mm
Trọng lượng	: 16Kg



PRX415M

Dải tần (-10 dB)	: 55 Hz - 19kHz
Độ nhạy (1w/1m)	: 98 dB
Trở kháng	: 8 Ohms
Maximum SPL	: 129 dB
Đường kích loa bass	: 400mm
Công suất chịu đựng	: 300W/ 600W/ 1200W
Kích thước (CxNxS)	: 650 x 429 x 457mm
Trọng lượng	: 21Kg

Dòng PRX 800



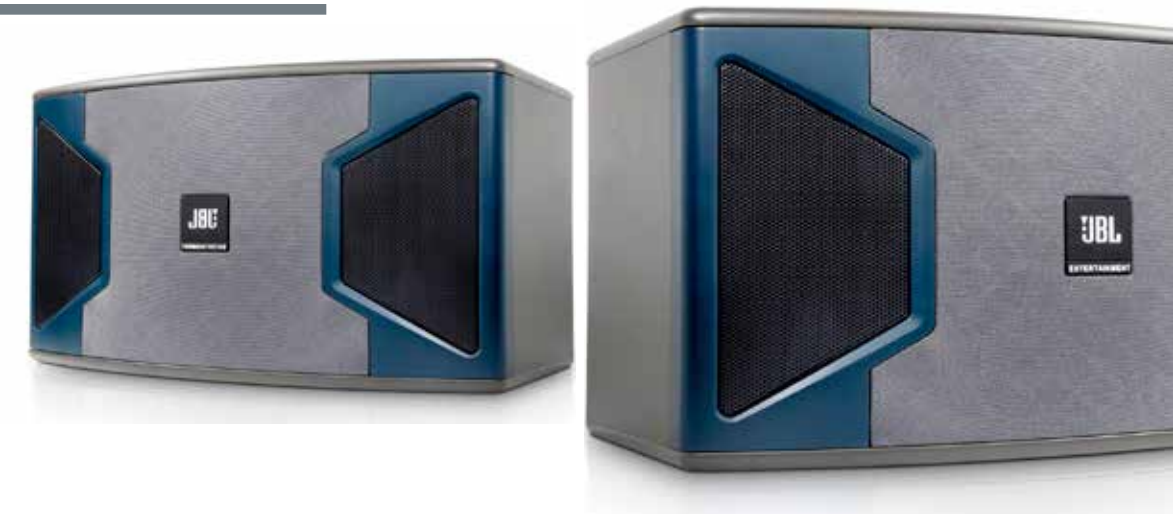
PRX812W

Loa PRX812W được phát triển để dùng trong các hệ thống âm thanh biểu diễn cao cấp. loa đã tích hợp Ampli bên trong giúp dễ dàng lắp đặt và bố trí. Loa có thể kết nối với iPad bằng wifi (loa tự phát sóng wifi) và dùng App trên iPad để chỉnh EQ trong Ampli.

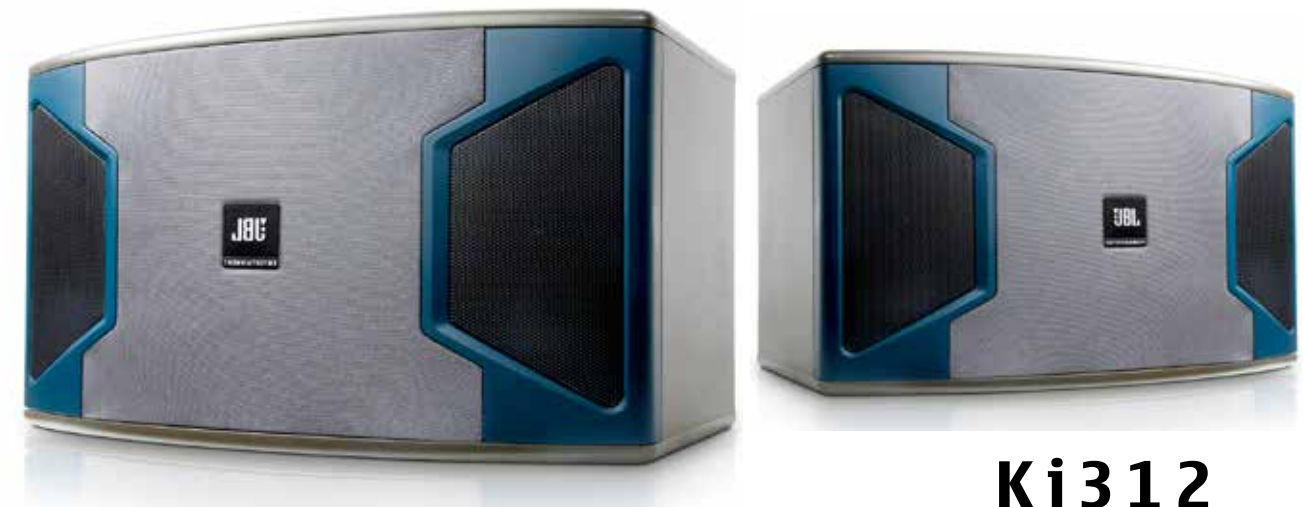
Dải tần (-10 dB) : 45Hz - 20kHz
 Maximum SPL : 135dB
 Đường kích loa bass : 300mm
 Ngõ vào : 2 x Balance, 2 x RCA
 Công suất chịu đựng : 300W/ 600W/ 1200W
 Điện thế : 220V
 Kích thước (CxNxS) : 599 x 385 x 341mm
 Trọng lượng : 21.2Kg

Ki310/Ki312

Ki310



Dải tần (-10 dB) : 52Hz - 20kHz
 Độ nhạy (1w/1m) : 90dB
 Trở kháng : 8 Ohms
 Maximum SPL : 114dB (121dB peak)
 Đường kích loa bass : 250mm
 Công suất chịu đựng : 250W/ 500W/ 1000W
 Kích thước (CxNxS) : 290 x 525 x 320mm
 Trọng lượng : 11.5Kg



Ki312

Dải tần (-10 dB) : 48Hz - 20KHz
 Độ nhạy (1w/1m) : 92dB
 Trở kháng : 8 Ohms
 Maximum SPL : 117dB (123dB peak)
 Đường kích loa bass : 300mm
 Công suất chịu đựng : 300W/ 600W/ 1200W
 Kích thước (CxNxS) : 344 x 595 x 360mm
 Trọng lượng : 16.2Kg

SUMICO

HỆ THỐNG KARAOKE CAO CẤP

Dễ Dùng - Hát Hay

Sumico được phát triển bởi nhóm kỹ sư Hàn Quốc giàu kinh nghiệm trong việc thiết kế các thiết bị karaoke. Ampli karaoke chất lượng cao Sumico đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường karaoke dân dụng và chuyên nghiệp. Sumico được nhập khẩu và phân phối chính thức tại Việt Nam bởi Anh Duy Audio.

Dùng cho kinh doanh karaoke và gia đình, quán bar, cafe, shop, nhà hàng ...



KS 1001

Công suất : 250W - 800W
 Trở kháng : 8 Ohm
 Độ nhạy (1w/1m) : 90dB
 Dải tần : 65Hz - 20KHz
 Loa bass : 1 x 250mm
 Loa treble : 4 x 75mm
 Kích thước : 525 x 305 x 285mm
 Trọng lượng : 11.5Kg



KA 450

Công suất : 120W - 250W
 Trở kháng : 8 Ohm
 Độ nhạy : 90dB
 Dải tần : 60Hz - 20kHz
 Loa bass : 1 x 200mm
 Loa treble : 2 x 75mm
 Kích thước : 450 x 265 x 240 mm (RxCxS)
 Trọng lượng : 6.5Kg



KS 801

Công suất : 150W - 600W
 Trở kháng : 8 Ohm
 Độ nhạy (1w/1m) : 89dB
 Dải tần : 70Hz - 20KHz
 Loa bass : 1 x 200mm
 Loa treble : 2 x 75mm
 Kích thước : 460 x 260 x 270mm (RxC xS)
 Trọng lượng : 7.5Kg

LOA KARAOKE CAO CẤP

Một thế hệ loa mới vừa ra đời, JBL dòng Ki, sẽ khai thác hết tiềm năng ca hát của chúng ta.

Dòng loa Ki được thiết kế chuyên dụng cho hát Karaoke gia đình, kinh doanh, các club, quán bar...

Loa treble thiết kế âm học phát huy tối đa hiệu suất âm thanh tần số cao và tăng độ rộng góc phát âm



JBL Ki 82

Đường kính loa treble : 2 x 76.2mm
 Đường kính loa bass : 1 x 300mm
 Đáp tuyến tần số : 45Hz - 17kHz
 Độ nhạy : 92dB
 Trở kháng : 8 ohm
 Công suất : 250W - 1000W
 Kích Thước : 350 x 575 x 355mm (CxNxS)
 Trọng lượng : 16.6kg



JBL Ki 81

Đường kính loa treble : 2 x 76.2mm
 Đường kính loa bass : 254mm
 Đáp tuyến tần số : 48Hz - 17kHz
 Độ nhạy : 90dB
 Trở kháng : 8 ohm
 Công suất : 200W - 800
 Kích Thước (mm) : 290 x 505 x 320 (CxNxS)
 Trọng lượng : 11kg



JBL Ki 08

Đường kính loa treble : 2 x 76.2mm
 Đường kính loa bass : 203mm
 Đáp tuyến tần số : 53Hz - 17kHz
 Độ nhạy : 88dB
 Trở kháng : 8 ohm
 Công suất : 150W - 600W
 Kích Thước (mm) : 245 x 435 x 285 (CxNxS)
 Trọng lượng : 8.8kg

LOA SIÊU TRẦM SUBWOOFER

Hỗ trợ tiếng bass cho bộ dàn thêm mạnh mẽ và trầm ấm, tiếng hát hay hơn, âm thanh hay hơn



Klipsch R-110SW

Công suất : 200 watts/400 watts
 woofer : 1 x 254mm
 Kích thước : 414 x 373 x 401mm (CxNxS)
 Trọng lượng : 18kg



Klipsch R-112SW

Công suất : 300 watts/600 watts
 woofer : 1 x 305mm
 Kích thước : 441 x 393 x 463mm (CxNxS)
 Trọng lượng : 22kg



Klipsch R-115SW

Công suất : 400 watts/800 watts
 woofer : 1 x 380mm
 Kích thước : 546 x 495 x 655mm (CxNxS)
 Trọng lượng : 35kg

Micro có dây



AKG P3 S Perception

Tần số : 40Hz-20000Hz
Độ nhạy : 2.5mV/Pa
Trở kháng : 600Ω
Trọng lượng : 320g



Dài tần : 40Hz-20000Hz
Độ nhạy : 2.5mV/Pa
Trở kháng : 580Ω
Trọng lượng : 320g

AKG P5 S Perception



AKG D5 S

Dài tần : 70Hz-20000Hz
Độ nhạy : 2.6mV/Pa
Trở kháng : 600Ω
Trọng lượng : 320g



DMS 70 Q là Micro dùng để cho ca sỹ chuyên nghiệp hoặc dùng hát Karaoke gia đình.

Thiết kế đặc biệt, giúp lấy giọng tốt. Kỹ thuật Varimotion cho âm thanh trung thực, sắc nét

Thiết kế phân cực Supercardioid với đầu thu giọng nói phía trước và làm giảm tiếng ồn không mong muốn phía sau kể cả trên sân khấu ồn ào.

Lưới bao được thiết kế ngăn ảnh hưởng của tiếng gió bên ngoài.

Đầu thu kết nối cùng lúc với 4 micro với mã hóa tiêu chuẩn AES 128 bit.

Tự động chọn tần số tối ưu nhất để kết nối.

Khởi động nhanh trong vòng vài giây.

Pin sạc sử dụng 6 giờ

Dài tần : 70Hz-20000Hz

Signal to noise : 120dB-A

Radio range : 30m

Pin AA

Trọng lượng : 260g

Đầu thu kết nối jack Balance XLR

Micro không dây

AKG WMS 40 Mini Vocal Set

Micro không dây, 1 cây (mua thêm cây thứ 2)



Âm thanh rõ ràng, trong trẻo

Thiết kế phân cực Cardioid với đầu thu giọng nói phía trước và làm giảm tiếng ồn không mong muốn phía sau.

Lưới được thiết kế ngăn ảnh hưởng của tiếng gió bên ngoài.

Khởi động nhanh trong vòng vài giây.

Dài tần : 40Hz-20000Hz

Signal to noise : 110dB-A

Radio range : 20m

Pin AA

Trọng lượng : 195g

Đầu thu kết nối jack 6 ly

AKG Perception 45 Vocal Set Micro Wireless

Micro không dây, 1 cây



Âm thanh trung thực, trong trẻo

Thiết kế phân cực Cardioid với đầu thu giọng nói phía trước và làm giảm tiếng ồn không mong muốn phía sau.

Lưới được thiết kế ngăn ảnh hưởng của tiếng gió bên ngoài.

Khởi động nhanh trong vòng vài giây.

Pin sạc sử dụng được 8 giờ

Dài tần : 70Hz-20000Hz

Signal to noise : 105dB-A

Radio range : 30m

Pin AA

Trọng lượng : 214g

Đầu thu kết nối jack Balance XLR

AKG DMS 70 Q Vocal Set

Micro không dây, 2 cây





AVR-X7200WA

Ampli Receiver 9.2 kênh với Dolby Atmos, Auro 3D, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D.

Với công suất 190W (60hm) cho mỗi kênh, VR-X7200WA cân thiết cho các phòng phim lớn với hệ thống loa cao cấp.

Đặc điểm kỹ thuật

Công suất :190W x 9 (6ohm, 1kHz,THD 0.7%)

150W x 9 (8ohm, 20Hz-20kHz,THD:0.08%)

- 9.2ch với mạch DHCT và 11.2 processing

Dolby Atmos 11 Channel processing (7.1.4)

Mạch DDSC-HD với AL32 Processing Plus nghe nhạc stereo hay hơn

Mạch DSD (Direct Stream Digital)

HDMI 2.0 với 4K Ultra HD 60Hz, HDCP 2.2 support

3 zone cho 3 nguồn phát khác nhau

Chuyển đổi tất cả các nguồn hình vào và up scale lên 4K (3840x 2160 pixels) cho ra ngõ HDMI

Hỗ trợ "Denon Remote App" để có thể điều khiển ampli từ iPod/iPhone hoặc smartphone chạy phần mềm Android.

Tính năng AirPlay,Bluetooth

Kỹ thuật setup phòng phim: Audyssey MultEQ XT32/LFC

Định dạng:

Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS-UHD, DTS Neo:X 11.1, Dolby Pro Logic IIz, Audyssey DSX,

DSD, FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB

Mạch Audyssey LFC giải quyết vấn đề âm thanh tần số thấp làm ảnh hưởng đến người phòng kế bên.

Kết nối:

Networking: AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5

Denon link HD

Ngõ vào: HDMI x 8 (1 trước, 7 sau), Opt x 2, Coax x 2, Composite x5, Component x2, RCA Audio x 7, USB x 1

Ngõ ra: HDMI x 3 (2Main + Zone HDMI out), Composite x 2, Component x 1

Ngõ ra Preout: 13.2

Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước

Trạm cắm loa mạ vàng

Kích thước: 196 x 434 x 437mm

Trọng lượng: 17.1Kg



AVR-X6400H

Cho một phòng phim hoành tráng nhất với Ampli Receiver 11.2 kênh với Dolby Atmos, Auro 3D, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, Full 4K Ultra HD, 3D, HEOS.

Sò công suất dòng cao loại đặt hàng riêng. Mạch công suất liền khối với 11 modul cho 11 kênh độc lập.

Đặc điểm kỹ thuật

Đặc điểm mới

AL32 multichannel - full 5.1ch Bi-Amping - Auro 3D built in - DTS Virtual: X (update) - Dolby Vision & HLG (update)

- Bass Sync - HDMI Sub output - eARC support - HDMI Diagnostic mode

Công suất: 175W x 11 (6ohm, 1kHz,THD 0.7%)

140W x 11 (8ohm, 20Hz-20kHz,THD:0.08%)

- 11.2ch và 11.2 processing

Dolby Atmos 11 CH và DTS: X (7.1.4); nâng cấp Auro-3D cho âm thanh cực kỳ độc đáo.

Mạch DDSC-HD với AL24 Processing Plus nghe nhạc stereo hay hơn

Hỗ trợ DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC và WAV

HDMI 2.0 với 4K Ultra HD 60Hz, HDCP 2.2 support

- 3 zone cho 3 nguồn phát khác nhau

Chuyển đổi tất cả các nguồn hình vào và up scale lên 4K (3840x 2160 pixels) cho ra ngõ HDMI

Tính năng AirPlay, Bluetooth

Kỹ thuật setup phòng phim: Audyssey MultEQ XT32/LFC

Định dạng:

Dolby Atmos, DTS:X, Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS-UHD, DTS Neo: X 11.1, Dolby Pro Logic IIz, Audyssey DSX, có thể nâng cấp lên Auro-3D.

DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB

Mạch Audyssey LFC giải quyết vấn đề âm thanh tần số thấp làm ảnh hưởng đến người phòng kế bên.

Kết nối:

Networking: HEOS, AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5

Denon link HD

Ngõ vào: HDMI x 8 (1 trước, 7 sau), Opt x 2, Coax x 2, Composite x5, Component x2, RCA Audio x 7, USB x 1

Ngõ ra: HDMI x 3 (2Main + Zone HDMI out), Composite x 2, Component x 1

Ngõ ra Preout: 11.2

Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước

Trạm cắm loa mạ vàng

Kích thước: 167x 434 x 393 mm

Trọng lượng: 14.2Kg

AVR-X4400H



Ampli Receiver 9.2 kênh với Dolby Atmos, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D và HEOS

Đặc điểm kỹ thuật

Đặc điểm mới

AL32 multichannel - AURO 3D built in - DTS Virtual: X (update) - Dolby Vision & HLG (update) - Audyssey LFC - Bass Sync - HDMI Sub output - eARC support - HDMI Diagnostic mode

Công suất :165W x 9(6ohm, 1kHz,THD 0.7%.)

125W x 9(8ohm, 20Hz-20kHz,THD:0.08%)

-9.2ch với transistor dòng cao (DHCT) và 11.2 processing

Dolby Atmos and DTS:X 5.1.4 & 7.1.2 có thể lên đến 7.1.4 dùng với Ampli ngoài

Mạch DDSC-HD với AL24 Processing Plus nghe nhạc stereo hay hơn.

Hỗ trợ DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC và WAV

HDMI 2.0 với 4K Ultra HD 60Hz, HDCP 2.2 support

3 zone cho 3 nguồn phát khác nhau

Chuyển đổi tất cả các nguồn hình vào và up scale lên 4K (3840x 2160 pixels) cho ra ngõ HDMI

AirPlay, Bluetooth, Internet Radio, kết nối Spotify, Tidal, Deezer, Network Audio Streaming

Kỹ thuật setup phòng phim: Audyssey MultEQ XT32/LFC

Định dạng:

Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS-UHD, DTS Neo:X 11.1, Dolby Pro Logic IIz, Audyssey DSX.

DSD, FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB

Mạch Audyssey LFC giải quyết vấn đề âm thanh tần số thấp làm ảnh hưởng đến người phòng kế bên.

Kết nối:

Networking: AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5

Denon link HD

Ngõ vào : HDMI x 8 (1 trước, 7 sau), Opt x 2, Coax x 2, Composite x 3, Component x 2, RCA Audio x 6

Ngõ ra: HDMI x 3 (2 Main + Zone HDMI out),

Ngõ ra Preout: 11.2

Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước

Kích thước: 167 x 434 x 389

Trọng lượng: 13.5Kg

AVR-X3400H

Ampli Receiver 7.2 kênh với Dolby Atmos, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D, HEOS

Đặc điểm kỹ thuật

Đặc điểm mới

HEOS built in - 32bit AKM DAC - DTS Virtual: X (update) - Dolby Vision & HLG (update) - Audyssey LFC - HDMI Sub output - eARC support - HDMI Diagnostic mode

Công suất :135W x 7(6ohm, 1kHz,THD 0.7%.)

105W x 7(8ohm, 20Hz-20kHz,THD:0.08%)

Dolby Atmos (5.1.2) và DTS:X (firmware update)

Hỗ trợ DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC và WAV

HDMI 2.0 với 4K Ultra HD 60Hz, HDCP 2.2, eARC

2 zone cho 2 nguồn phát khác nhau

Chuyển đổi tất cả các nguồn hình vào và up scale lên 4K (3840x 2160 pixels) cho ra ngõ HDMI.

AirPlay, Bluetooth, Internet Radio, kết nối Spotify, Tidal, Deezer, Network Audio Streaming

Kỹ thuật setup phòng phim: Audyssey MultEQ XT32

Định dạng:

Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS-UHD, DTS Neo:X 9.1, DTS Virtual: X (update), Dolby Pro Logic IIz, Audyssey DSX.

DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB

Kết nối:

Networking: AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5

Ngõ vào : HDMI x 8 (1 trước, 7 sau), Opt x 2, Coax x 2, Composite x3, Component x2, RCA Audio x 5

Ngõ ra: HDMI x 2 (Zone HDMI out)

HDMI sub out

Ngõ ra Preout: 7.2

Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước

Kích thước: 167 x 434 x 389 mm

Trọng lượng: 10.8Kg





AVR-X1400H

Ampli Receiver 7.2 kênh với Dolby Atmos, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D, HEOS.

Đặc điểm kỹ thuật

Công suất: 120W x 7 (6ohm, 1kHz, THD 0.7%)
80W x 7 (8ohm, 20Hz-20kHz, THD:0.08%)
Dolby Atmos (5.1.2), DTS:X (firmware update)
Hỗ trợ DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC và WAV
HDMI 2.0 với 4K Ultra HD 60Hz, HDCP 2.2 support
2 zone cho 2 nguồn phát khác nhau
Hỗ trợ "Denon 2016 AVR Remote" để có thể điều khiển ampli từ iPod/iPhone hoặc smartphone chạy phần mềm Android. Có thể căn chỉnh, cài đặt Ampli từ App như một remote control thực sự.
AirPlay, Bluetooth, Internet Radio, kết nối Spotify, Tidal, Deezer, Network Audio Streaming
Kỹ thuật setup phòng phim: Audyssey MultEQ với 8 chỗ ngồi nghe lý tưởng.

Định dạng:

Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS:X, Dolby Pro Logic IIz, Audyssey
DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB
Kết nối:
Networking: AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5
Ngõ vào: HDMI x 6 (1 trước, 5 sau), Opt x 2, Composite video x 2, RCA Audio x 2, USB x 1
Ngõ ra: HDMI x 1, composite monitor x 1,
Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước
Kích thước: 151 x 434 x 339 mm
Trọng lượng: 8.5 Kg



AVR-X2400H

Ampli Receiver 7.2 kênh với Dolby Atmos, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D, HEOS

Đặc điểm kỹ thuật

Công suất: 125W x 7 (6ohm, 1kHz, THD 0.7%)
95W x 7 (8ohm, 20Hz-20kHz, THD:0.08%)
Dolby Atmos (5.1.2) và DTS:X (firmware update)
Hỗ trợ DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC và WAV
HDMI 2.0 với 4K Ultra HD 60Hz, HDCP 2.2 support
2 zone cho 2 nguồn phát khác nhau
Chuyển đổi tất cả các nguồn hình vào và up scale lên 4K (3840x 2160 pixels) cho ra ngõ HDMI
Hỗ trợ "Denon 2016 AVR Remote" để có thể điều khiển ampli từ iPod/iPhone hoặc smartphone chạy phần mềm Android. Có thể căn chỉnh, cài đặt Ampli từ App như một remote control thực sự.
AirPlay, Bluetooth, Internet Radio, kết nối Spotify, Tidal, Deezer, Network Audio Streaming
Kỹ thuật setup phòng phim: Audyssey MultEQ XT với 8 chỗ ngồi nghe lý tưởng.

Định dạng:

Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS-UHD, DTS:X, DTS Virtual: X (update), Dolby Pro Logic IIz, Audyssey
DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB
Kết nối:
Networking: HEOS, AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5
Ngõ vào: HDMI x 8 (1 trước, 7 sau), Opt x 2, Composite x 2, RCA Audio x 4, USB x 1
Ngõ ra: HDMI x 2
Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước
Kích thước: 167 x 434 x 339 mm
Trọng lượng: 9.4Kg

AVR-X540 BT

Ampli Receiver 5.2 kênh, kết nối Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D, CEC, ARC

Đặc điểm kỹ thuật

Công suất: 90W x 5 (6ohm, 1kHz, THD 0.7%)

70W x 5 (8ohm, 20Hz-20kHz, THD: 0.08%)

4K Ultra HD/60 Hz Video Pass-through; HDCP 2.2

Bluetooth cho phép các thiết bị nghe nhạc cầm tay hoặc smartphone có thể phát nhạc trực tiếp vào Ampli.

Setup phòng phim tự động (Auto setup)

Điều khiển qua app đối với các smartphone kết nối Bluetooth chạy Android. Ứng dụng dùng cho IOS sẽ có trong thời gian sớm.

Định dạng:

Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio

Tương thích với FLAC HD (96 kHz/24-bit) khi dùng USB phát nhạc

Kết nối:

Ngõ vào : HDMI x 5, Opt x 2

Ngõ ra : HDMI x 1

Subwoofer Preout

Cắm và phát thẻ nhớ chưa các file nhạc vào ngõ USB

Kích thước : 151 x 434 x 319 mm

Trọng lượng : 7.5Kg



AVR-X520 BT

Ampli Receiver 5.2 kênh, kết nối Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D

Tương thích với FLAC HD (96 kHz/24-bit) khi dùng USB phát nhạc

Đặc điểm kỹ thuật

Công suất : 90W x 5 (6ohm, 1kHz, THD 0.7%)

70W x 5 (8ohm, 20Hz-20kHz, THD: 0.08%)

Kết nối:

Ngõ vào : HDMI x 5, Opt x 2

Ngõ ra : HDMI x 1

Subwoofer Preout

Cắm và phát thẻ nhớ chưa các file nhạc vào ngõ USB

Kích thước : 151 x 434 x 319 mm

Trọng lượng : 7.5Kg



AVR-X6300H

Cho một phòng phim hoành tráng nhất với Ampli Receiver 11.2 kênh với Dolby Atmos, Auro 3D, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, Full 4K Ultra HD, 3D, HEOS.

Sở công suất dòng cao loại đặt hàng riêng. Mạch công suất liền khối với 11 modul cho 11 kênh độc lập.

Đặc điểm kỹ thuật

Công suất : 175W x 11 (6ohm, 1kHz, THD 0.7%)

140W x 11 (8ohm, 20Hz-20kHz, THD: 0.08%)

-11.2ch và 11.2 processing

Định dạng:

Dolby Atmos, DTS :X, Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS-UHD, DTS Neo:X 11.1, Dolby Pro Logic IIz, Audyssey DSX, có thể nâng cấp lên Auro-3D.

DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB

Kết nối:

Networking: HEOS, AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5

Denon link HD

Ngõ vào: HDMI x 8 (1 trước, 7 sau), Opt x 2, Coax x 2, Composite x5, Component x2, RCA Audio x 7, USB x 1

Ngõ ra: HDMI x 3 (2Main + Zone HDMI out), Composite x 2, Component x 1

Ngõ ra Preout: 11.2

Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước

Trạm cắm loa mạ vàng

Kích thước: 167x 434 x 393 mm

Trọng lượng: 14.2Kg



AVR-X4300H

Ampli Receiver 9.2 kênh với Dolby Atmos, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D và HEOS

Đặc điểm kỹ thuật

Công suất: 165W x 9 (6ohm, 1kHz, THD 0.7%)

125W x 9 (8ohm, 20Hz-20kHz, THD: 0.08%)

9.2ch với transistor dòng cao (DHCT) và 11.2 processing

Định dạng:

Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS-UHD, DTS Neo:X 11.1, Dolby Pro Logic IIz, Audyssey DSX.

DSD, FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB

Mạch Audyssey LFC giải quyết vấn đề âm thanh tần số thấp làm ảnh hưởng đến người phòng kế bên.

Kết nối:

Networking: AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5

Denon link HD

Ngõ vào: HDMI x 8 (1 trước, 7 sau), Opt x 2, Coax x 2, Composite x 3, Component x 2, RCA Audio x 6

Ngõ ra: HDMI x 3 (2 Main + Zone HDMI out)

Ngõ ra Preout: 11.2

Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước

Kích thước: 167 x 434 x 389

Trọng lượng: 13.5Kg



AVR-X3300 W

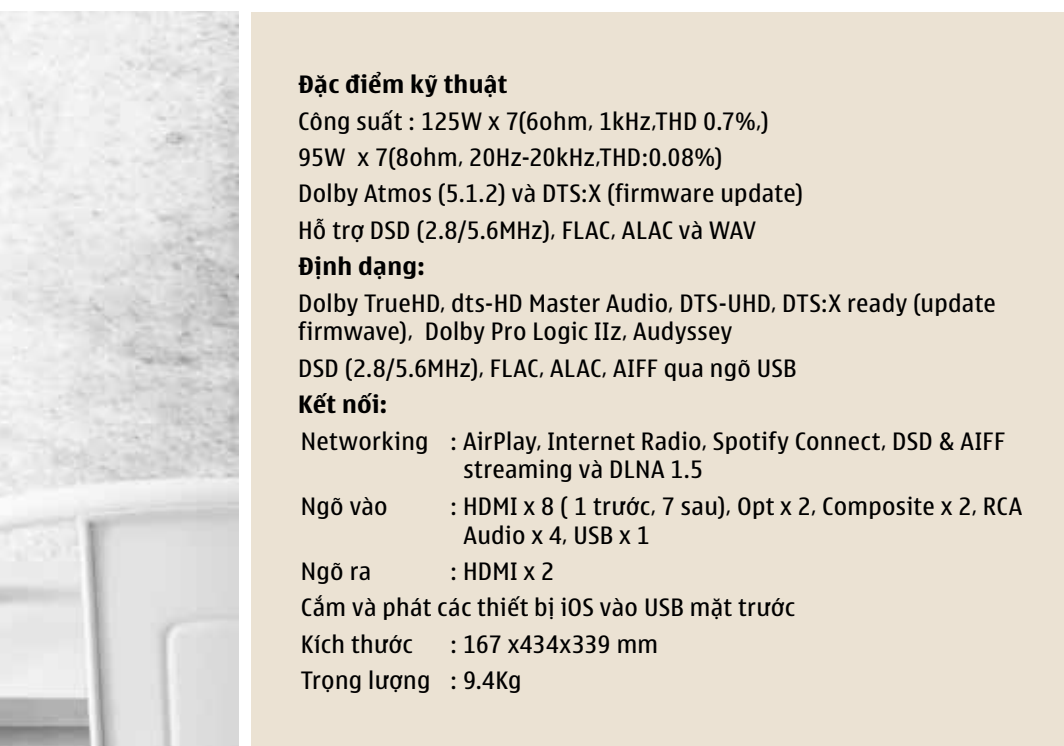
Ampli Receiver 7.2 kênh với Dolby Atmos, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D.

Đặc điểm kỹ thuật

Công suất: 135W x 7 (6ohm, 1kHz, THD 0.7%)
105W x 7 (8ohm, 20Hz-20kHz, THD:0.08%)
Dolby Atmos (5.1.2) và DTS:X (firmware update)
Hỗ trợ DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC và WAV
Định dạng:
Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS-UHD, DTS Neo: X 9.1, Dolby Pro Logic IIz, Audyssey DSX.
DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB

Kết nối:

Networking: AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5
Ngõ vào: HDMI x 8 (1 trước, 7 sau), Opt x 2, Coax x 2, Composite x3, Component x2, RCA Audio x 5
Ngõ ra: HDMI x 2 (Zone HDMI out)
Ngõ ra Preout: 7.2
Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước
Kích thước: 167 x 434 x 389 mm
Trọng lượng: 10.8Kg



Đặc điểm kỹ thuật

Công suất : 125W x 7(6ohm, 1kHz,THD 0.7%),
95W x 7(8ohm, 20Hz-20kHz,THD:0.08%)
Dolby Atmos (5.1.2) và DTS:X (firmware update)
Hỗ trợ DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC và WAV

Định dạng:

Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS-UHD, DTS:X ready (update firmware), Dolby Pro Logic IIz, Audyssey
DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB

Kết nối:

Networking : AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5
Ngõ vào : HDMI x 8 (1 trước, 7 sau), Opt x 2, Composite x 2, RCA Audio x 4, USB x 1
Ngõ ra : HDMI x 2
Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước
Kích thước : 167 x434x339 mm
Trọng lượng : 9.4Kg

AVR-X2300 W

Ampli Receiver 7.2 kênh với Dolby Atmos, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D.



AVR-X1300 W



Ampli Receiver 7.2 kênh với Dolby Atmos, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D.

Đặc điểm kỹ thuật

Công suất : 120W x 7(6ohm, 1kHz,THD 0.7%),
80W x 7(8ohm, 20Hz-20kHz,THD:0.08%)
Dolby Atmos (5.1.2), DTS:X (firmware update)
Hỗ trợ DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC và WAV
Định dạng:
Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS:X Ready, Dolby Pro Logic IIz, Audyssey
DSD (2.8/5.6MHz), FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB

Kết nối:

Ngõ vào : HDMI x 6 (1 trước, 5 sau), Opt x 2, Composite video x 2, RCA Audio x 2, USB x 1
Ngõ ra : HDMI x 1, composite monitor x 1,
Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước
Kích thước : 151 x 434 x 339 mm
Trọng lượng : 8.5 Kg

Hi-Fi Component

DCD-2500NE

Mạch điện cải tiến, linh kiện chọn lọc cho audiophile, thừa hưởng đặc tính kỹ thuật của dòng đầu phát hiend là dòng SX. Mạch Advanced AL32 Processing Plus chỉnh sửa sóng hình SIN cho âm thanh mượt hơn
Bộ chuyển đổi 192kHz/32bit siêu chính xác, mạch triệt nhiễu jitter cho DAC
Tương thích CD, SACD, file DSD (2.8 MHz / 5.6 MHz) và file PCM lên đến 192 kHz / 24 bits
Tương thích WMA / MP3 / AAC
Kích thước (C x N x S) : 138 x 434 x 335
Trọng lượng: 13.7Kg

PMA-2500NE

Ampli tích hợp + DAC

Mạch điện cải tiến, linh kiện chọn lọc cho audiophile
Advanced Ultra High Current (UHC)-MOS Single-Push-Pull Circuit Power Amplifier
Công suất: 80 W + 80 W (8 ohm), 160 W + 160 W (4 ohm)
Transistor loại UHC-MOS-FET , mạch công suất Single Push-Pull Circuit
DAC HỖ TRỢ 11.2-MHZ DSD VÀ 384-KHZ/32 - BIT PCM
Các giao thức truyền dẫn DSD hỗ trợ ASIO native và DSD Audio thông qua PCM Frames (DoP).
Kích thước (C x N x S) : 181 x 434 x 431
Trọng lượng: 25 Kg



DCD-1600NE

Đầu phát CD/SACD
Mạch Advanced AL32 Processing Plus chỉnh sửa sóng hình SIN cho âm thanh mượt hơn
Bộ chuyển đổi 192kHz/32bit siêu chính xác, mạch triệt nhiễu jitter cho DAC
Tương thích CD, SACD, file DSD (2.8 MHz / 5.6 MHz) và file PCM lên đến 192 kHz / 24 bits
Tương thích AAC/WMA
Kích thước (C x N x S) : 134 x 434 x 328mm
Trọng lượng: 8.2 Kg



PMA-1600NE

Ampli tích hợp + DAC

PMA-1600NE thực sự là một kiệt tác của công nghệ âm thanh. Nhờ trang bị ngõ vào USB-B và bộ chuyển đổi D/A chất lượng cao, Ampli phát các file nhạc có độ phân giải cao lên đến 384kHz / 32bit và file DSD lên đến 11.2MHz từ máy tính với chất lượng âm thanh hoàn hảo. Chế độ Analog cho phép tắt tất cả các phần không sử dụng như các mạch đầu vào kỹ thuật số hoặc màn hình hiển thị tiếng ồn thấp, giúp âm thanh tái tạo sạch và rõ nhất.
Ultra High Current (UHC)-MOS Single-Push-Pull Circuit Power Amplifier
DAC HỖ TRỢ 11.2-MHZ DSD VÀ 384-KHZ/32 - BIT PCM
Các giao thức truyền dẫn DSD hỗ trợ ASIO native và DSD Audio thông qua PCM Frames (DoP).
Công suất : 70 W + 70 W (8 ohm), 140 W + 140 W (4 ohm)
Transistor loại UHC-MOS-FET , mạch công suất Single Push-Pull Circuit
Kích thước (C x N x S) : 135 x 434 x 411
Trọng lượng: 17.6Kg

DCD-720AE

Đầu phát CD

Mạch xử lý AL32 Processing và bộ chuyển đổi D/A 32-bit /192 kHz
Ngõ vào USB mặt trước, tương thích iPod/iPhone/iPad
Tương thích MP3/WMA
Kích thước : 107 x 434 x 279mm (C x N x S)
Trọng lượng : 4.2 Kg

PMA-720AE

Advanced High Current (HC) Single-Push-Pull Circuit
Mặt nhôm phay sang trọng
Mạch Loudness
Speaker A/B
Công suất : 50 W + 50 W (8 ohm), 85 W + 85 W (4 ohm)
Kích thước : 121 x 434 x 308mm (C x N x S)
Trọng lượng : 7.1Kg

DCD-520AE

Đầu phát CD

Bộ chuyển đổi 32-bit 192kHz D/A dùng chip Burr Brown PCM1791
Tương thích MP3/WMA
Kích thước (C x N x S) : 107 x 434 x 279mm
Trọng lượng: 4.0 Kg

PMA-520AE

Advanced High Current (HC) Single-Push-Pull Circuit
Mặt nhôm phay sang trọng
Mạch Loudness
Công suất : 45 W + 45 W (8 ohm), 70 W + 70 W (4 ohm)
Kích thước (C x N x S) : 121 x 434 x 308mm
Trọng lượng: 6.8g



DCD-720AE

PMA-720AE



DCD-520AE

PMA-520AE



DCD-50

PMA-50

DCD-50

Player/Transport

DCD-50 được thiết kế để đi chung với PMA-50. Nó gồm 1 ngõ ra Coaxial và 1 ngõ RCA. Bộ chuyển đổi DA 32 bit/192kHz. Đồng hồ hiển thị OLED. Có thể đặt nằm ngang hoặc đứng.
Tương thích MP3/WMA.
Kích thước (CxNXS): 86x200 x 240mm
Trọng lượng: 2.4kg.

PMA-50

Ampli digital tích hợp DAC, Bluetooth, digital-in

Ampli nhỏ gọn kết nối Bluetooth, ngõ vào digital để dùng DAC trong ampli
DAC giải mã dùng mạch Advanced AL32 Processing
Kỹ thuật ampli digital mới nhất
Công suất: 50W x 2ch (4ohms, 1kHz, THD 0.7%), khả năng đánh những đôi loa trên 100W
Kết nối:
Ngõ vào USB-B (hỗ trợ 192/24 và DSD High-Res Audio)
Asynchronous mode and bit transparent operation
Kết nối Bluetooth (hỗ trợ aptX và NFC) cho smartphone / tablet
Ngõ vào optical x 2 và coaxial x 1 dùng kết nối TV, media player, etc
Ngõ vào Analogue
Ngõ ra tai nghe

DA-10

DAC cầm tay, dùng khi ra ngoài và trong nhà. Pin sạc lithium-ion

Chất lượng âm thanh cao cấp của Denon dùng cho Smartphone / Tablet / Computer
Advanced AL32 Processing
DAC master clock design
PCM1795 - 192kHz/32bit D/A Cùng loại với DCD-1520AE
Hỗ trợ các file âm thanh phân giải cao 192kHz/24bit and DSD (2.8MHz/5.6MHz) files
Asynchronous mode
Hỗ trợ ASIO, WASAPI EVENT
Chế độ analogue output để kết nối Hi-Fi Amp
USB Micro-B input dùng cho computer
USB-A input (cho iPod/iPhone/iPad)
Mini Jack (AUX) input cho Android hoặc các thiết bị nghe nhạc khác
Pin sạc 8 giờ loại lithium-ion
Túi đi kèm đủ chứa DA-10 và thiết bị nghe nhạc cầm tay
Ngõ ra tai nghe, lỗ cắm mạ vàng
Volume núm vặn
Vỏ máy bằng Aluminium





DA-300USB

Bộ DAC chuyển đổi tín hiệu và Headampli chất lượng cao, tương thích định dạng DSD

DA-300USB là bộ DAC dùng bộ xử lý trong đầu phát cao cấp của Denon là DCD-2020AE. Bộ xử lý dùng thuật toán để nâng độ bit cũng như tần số lấy mẫu làm âm thanh ra hay hơn rất nhiều lần. DA-300USB còn tương thích định dạng DSD. Đây còn là một headampli chất lượng cao, thích hợp cho các audiophile thích nghe tai nghe. Cổng USB-B cho phép kết nối với máy vi tính như laptop để chuyển phát các file nhạc chứa trong ổ cứng, được tải về từ internet, cho ra chất lượng âm thanh cao nhất. DAC DA-300USB tương thích hầu hết các định dạng âm thanh như MP3/MP4, AAC, ALAC, WAV and FLAC HD (up to 192 kHz/24 bit) và DSD (2.5Mhz and 5.6Mhz).

3 ngõ vào digital, 1 coaxial và 2 optical cho phép các audiophile kết nối nhiều thanh phần và DAC DA-300USB để thưởng thức âm thanh chất lượng cao nhất. Ngõ Coaxial và optical hỗ trợ tín hiệu vào PCM lên đến 192/24bit

Bộ xử lý Advanced AL32 chuyển đổi và nâng tần số lấy mẫu từ tất cả các nguồn tín hiệu vào (ngoại trừ DSD) thành ra các dữ liệu có độ phân giải cao 192 kHz/32 bit, cho âm thanh trung thực nhất.

Bộ vi xử lý Denon Advanced AL32 Processing (32 bits, 192 kHz)

Tương thích với PCM 192/24, DSD64 và DSD128

Đầu vào: 2 x optical, 1 x coaxial, 1 x USB-B không đồng bộ
Jack cắm 6.3 mm cho headphone, núm âm lượng, nút chọn đầu vào (cảm ứng)

USB 2.0 High speed/USB Audio Class Ver.2.0

Màn hình OLED với khả năng xoay theo tư thế sử dụng (ngang hoặc đứng)

Master clock có độ chính xác cao

Thiết kế cổng USB-B cô lập với nguồn điện

Linh kiện cao cấp cho đầu ra (RCA và headphone)

Đáp tần: DSD: 2 Hz ~ 50 kHz (-3 dB) và PCM: 2 Hz ~ 20 kHz (+/-0.5 dB)

Nhiều âm SNR (Signal-to-noise ratio): DSD: 112dB và PCM: 112dB

Tổng méo hài 0.0018% cho cả DSD lẫn PCM

Tần số lấy mẫu cho tín hiệu DSD: 2.8224/5.6448MHz

Tần số lấy mẫu cho tín hiệu 32/44.1/48/64/88.2/96/176.4/192kHz

Đầu ra cho tai nghe: 55 mW/32Ω (1 kHz 0 dB)



DP-300F

Mâm đĩa than

Hoàn toàn tự động với đầu kim MM đi kèm

Đã tích hợp phono equalizer để có thể kết nối đầu vào ampli tích hợp hoặc receiver mà không cần đầu giải mã phono.

Tốc độ đầu quay đĩa là 33 1/3 hoặc 45 vòng/mỗi phút.

Kích thước: N434 x C122x S381 mm

Trọng lượng: 5.5 kg



Bộ dàn Mi-Ni



Ceol D-N9

Bộ dàn mini nghe nhạc CD, kết nối iPod/iPhone, Network, Airplay, Bluetooth

Kết nối:

Kết nối iPod/iPhone/iPad qua cổng USB
Kết nối wifi, phát nhạc bằng Airplay, internet radio
Cắm và phát được các ổ cứng ngoài chứa file nhạc
Truyền phát nhạc bằng sóng Bluetooth và NFC
Ngõ vào optical x 2 dùng kết nối tivi
Ngõ vào Jack 3.5 ly phía sau máy
Computer/NAS music file streaming (DLNA1.5)

Các đặc điểm khác:

Tương thích với các file nhạc lossless như WAV, FLAC, AIFF, ALAC 192kHz/24bit
Tương thích với App Remote Denon
Công suất 65w x 2 kênh (4 Ohm)
Cắm và phát nhạc trong thẻ nhớ USB.
Phát được CD, CD-R /CD-RW (WMA or MP3).
Nghe FM/AM.
Có 2 màu đen, trắng.



D-F109

Dàn máy mini nghe nhạc

Dàn máy mini D-F109 với 3 thớt (tùy chọn). Đầu CD có ngõ cắm USB. Thớt Network ngõ USB chạy được WAV 192kHz/24bit, FLAC 192kHz/24bit. Ampli có tăng công suất mạch class D, mạnh mẽ, công suất ra loa 60W x 2 kênh (ohm). Ngõ vào digital gồm ngõ Coaxial và Optical có thể dùng kết nối với đầu HD xem phim. Ampli có ngõ ra SUB OUT dùng kết nối loa sub ngoài để tăng cường bass. Thích hợp phòng nhỏ, cá nhân, phòng ngủ. Thiết kế sang trọng, nhỏ gọn.

D-M41

Bộ dàn nghe nhạc cá nhân D-M41, kết nối bluetooth

Cắm trực tiếp iPod vào máy qua cổng USB.
Tương thích định dạng MP3, WMA, FLAC, WAV, AAC, M4A
Âm thanh trong trẻo, mượt mà. Kiểu dáng sang trọng và hiện đại.

Thích hợp phòng ngủ, đọc sách và các phòng cá nhân có kích thước vừa và nhỏ.

Công suất: 30W x 2 kênh.

Đồng hồ báo giờ.

Mạch chỉnh âm thiết kế tại Châu Âu

Mạch giảm ồn.

Ngõ ra cho subwoofer.

Headphone jack - Ngõ cắm USB - Ngõ cắm iPod 3.5 ly.

2 ngõ vào optical dùng kết nối đầu HD hoặc Tivi.

Kích thước loa: 238 x 145 x 234 mm.

Kích thước máy: 115 x 210 x 308 mm.

Trọng lượng: 4 Kg

Màu: đen và vàng sáng



Sound Bar



DHT-S514



Cải thiện chất lượng âm thanh tuyệt vời từ TiVi. Nghe nhạc bằng kết nối Bluetooth hay không có chỗ chê DHT-S514 trang bị hệ thống con loa 2 đường tiếng với treble 14mm và 2 loa bass/mid 127mm. Loa subwoofer với 2 loa bass 133mm và kết nối với sound bar bằng Bluetooth. Âm thanh cực hay khi nghe nhạc, sống động mạnh mẽ khi xem phim. Có thể treo lên tường hoặc đặt trước TiVi

HDMI: ARC/CEC (1 x vào/ 1 x ra)

Digital input: Optical/ Coaxial

Ngõ vào jack 3.5mm mini jack

Bluetooth: A2DP/ aptX

Giải mã Dolby Digital/ DTS

Chế độ nghe: Tin tức/ Âm nhạc/ Xem phim

DHT-T110



DHT-T110 sẽ giúp bạn thưởng thức âm thanh hay hơn nhờ hệ thống loa được thiết kế đặc biệt và các hệ thống tăng cường âm bass. 2 ngõ vào digital gồm Optical và Coaxial kết nối ngõ ra TiVi hoặc các đầu HD. Có thể đặt TiVi lên trên một cách gọn gàng, không chiếm chỗ.

Loa 2 đường tiếng: 2x 1/2" tweeters và 2x oval 2" x 5" mid/ woofer

Giải mã Dolby digital với Denon Virtual Surround

Kỹ thuật Dynamic Bass cho âm thanh mạnh mẽ dù không có loa sub.

Kết nối Bluetooth với aptX streaming.



Thuật ngữ kỹ thuật



Anti-Diffraction Waveguide:

Khó khăn lớn nhất của nhà thiết kế loa thường gặp đó là giải quyết vùng giao thoa giữa 3 tần số cao, trung và thấp sao cho hài hòa. Tại vùng giao thoa này, hai dải tần số trung và thấp có khuynh hướng lấn lướt dải tần số cao. Loa treble được thiết kế với kỹ thuật WaveGuide, có hõng loa dẹt và to ra, hướng sóng âm thanh tỏa ra có góc rộng hơn, giúp giảm tối đa độ nhiễu, gia tăng độ mạnh mẽ dải treble thấp. Điều này có nghĩa là cần ít công suất hơn khi đánh và độ méo tiếng thấp hơn.



DTT (Decoupled Tweeter Technology) Kỹ thuật cách ly loa treble với thùng loa.

Khi loa hoạt động ở volume lớn, sóng âm từ các loa mid và bass tác động vào thùng loa, gây rung chấn, ảnh hưởng đến sự tái tạo âm thanh. Chịu ảnh hưởng nhiều nhất là âm tần số cao. Để khắc chế vấn đề này, Jamo sáng chế ra kỹ thuật định vị loa treble trên một nổi đúc bằng hợp chất gang, giữa loa và nổi đúc này được lót các tấm ron có đặc tính triệt tiêu rung chấn. Như vậy khi sóng âm tác động vào loa treble, nhờ kỹ thuật này, rung chấn sẽ bị triệt tiêu, không làm ảnh hưởng đến âm thanh khi tái tạo, giúp âm tần số cao trung thực và chi tiết hơn.

Tweeter Distortion Reduction (TDR):

Màng loa treble được thiết kế với viền loa rộng hơn giúp tái tạo tần số cao và trung cao tốt hơn

Thiết kế cộng hưởng thấp hơn, cho phép âm treble phù hợp với trung âm

Tái hiện tần số cao hơn, mịn hơn, không méo tiếng



HCCC (Hybrid Composition Conical Cone)

Màng loa được làm bằng hợp chất nhôm và sợi gỗ đặc biệt và được dệt có hình tổ ong. Đặc tính màng loa này vừa nhẹ vừa cứng, đáp ứng nhanh các tần số âm thanh. Loa còn có gân nhún làm bằng cao su tự nhiên, giúp giảm rung chấn từ các tác động ngược vào màng loa. Kết quả là loa tái tạo âm tần số trung rất chuẩn xác và trung thực

Aluminum centre-plug: Mũi loa trước đây được thay bằng kỹ thuật Centre Plug. Nó là một thanh nhôm được anode hóa có trọng lượng rất nhẹ, cắm thẳng xuống tiếp giáp với nam châm, tạo khe hở giữa thỏi nhôm và màng loa, giúp màng loa nhẹ và khi chuyển động hơi nóng thoát ra ngoài, làm mát cuộn coil. Kỹ thuật này cho phép loa đánh thời gian lâu, âm lượng cao mà không méo tiếng.

Long Displacement Surround (LDS)

Gân nhún loại hoàn toàn mới dùng cho loa bass và mid giúp tiếng bass sâu và chặt hơn



D 590

Đôi loa “huyền thoại” D590 vẫn còn mãi với thời gian khi nó vẫn được sự ưu ái của người nghe nhạc trên 20 năm kể từ phiên bản đầu tiên của nó là Jamo 707. Với tiếng trầm đặc trưng và độ ấm áp, chi tiết của của dải mid, D 590 gần như là đôi loa thành công nhất trong lịch sử của hãng Jamo

Thông số:

Tần số	: 35Hz-20kHz
Công suất	: 200W/280W
Độ nhạy	: 90dB
Trở kháng	: 4ohm
Tweeter	: 25mm dome lụa
Mid	: 2 x 127mm, sợi thủy tinh đặc chế, định hình với một hợp chất nhựa.
Woofer	: 1 x 203, đánh xuống sàn
Kích thước	: 1060x261x390/41 (CxRxS)
Trọng lượng	: 25.8kg

C 109 thay thế cho C 809 trước đây, tuy nhiên kiểu dáng loa này hoàn toàn mới. Loa được thiết kế bởi nhóm kỹ sư Đan Mạch. Chất âm được cải thiện tốt hơn rất nhiều.

Đặc điểm kỹ thuật:

Thông số kỹ thuật

Tần số	: 30Hz-27kHz
Công suất	: 200W/400W
Độ nhạy	: 89dB
Trở kháng	: 6 Ohm
Tweeter	: 25mm dome lụa, Wave Guide
Mid	: 177mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất bằng sợi gỗ, cứng và nhẹ
Woofer	: 2 x 177, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
Kích thước	: 1132 x 234 x 417
Trọng lượng	: 36Kg

C 109

CONCERT

Sau nhiều năm thành công với hai dòng loa C80 và C 60, Jamo quyết định thay thế chúng bằng hai dòng mới là C10 và C9. Hai dòng này vẫn thuộc series Concert. Jamo cũng đã thay đổi thiết kế hoàn toàn mới từ kiểu dáng cho đến kết cấu kỹ thuật, nhằm cải thiện chất âm hay hơn và kiểu dáng mỹ thuật hơn rất nhiều. Đặc tính kỹ thuật của dòng loa này bao gồm ADW(Anti-Diffraction Waveguide) DTT (Decoupled Tweeter Technology) TDR(Tweeter Distortion Reduction) HCCC (Hybrid Composition Conical Cone) Aluminum centre-plug LDS(Long Displacement Surround) (Xem phần Thuật ngữ kỹ thuật của Jamo)



Thông số kỹ thuật

Tần số	: 45Hz-27kHz
Công suất	: 150W/300W
Độ nhạy	: 88 dB
Trở kháng	: 6 Ohm
Tweeter	: 25mm dome lụa, Wave Guide
Mid/woofer	: 177mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
Kích thước	: 420 x 244 x 297
Trọng lượng	: 11.4 Kg

C 103

Loa bookshelf





Thông số kỹ thuật

Tần số : 65 Hz- 27kHz
 Công suất : 160/320W
 Độ nhạy : 87dB
 Trở kháng : 6 Ohm
 tweeter : 25mm dome lụa, Wave Guide
 woofer : 2 x 152mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
 Kích thước : 350 x 400 x200
 Trọng lượng : 9.5 Kg

C 10 SUR

Loa Surround

Jamo C 97 thuộc dòng C 9, được thiết kế để thay thế cho dòng C 60 trước đây. Hình dáng hoàn toàn khác so với dòng C 60. Kết cấu kỹ thuật và chất liệu cũng được cải tiến, sao cho chất âm trung thực và nhạc tính hơn.

Thông số kỹ thuật

Tần số : 32Hz-24kHz
 Công suất : 180W/360W
 Độ nhạy : 89dB
 Trở kháng : 6 Ohm
 tweeter : 25mm dome lụa, Wave Guide
 Mid : 152, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất bằng sợi gỗ, cứng và nhẹ
 woofer : 2 x 152mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
 Kích thước : 1072 x 215 x 342
 Trọng lượng : 23Kg

C 97

Thông số kỹ thuật

Tần số : 37Hz-24kHz
 Công suất : 165W/330W
 Độ nhạy : 89dB
 Trở kháng : 6 Ohm
 tweeter : 25mm dome lụa, Wave Guide
 Mid : 152mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
 woofer : 1 x 152, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
 Kích thước : 982 x 215 x 317
 Trọng lượng : 20Kg

C 95

Thông số kỹ thuật

Tần số : 55Hz-24 kHz
 Công suất : 140W/200W
 Độ nhạy : 88dB
 Trở kháng : 6 Ohm
 tweeter : 25mm dome lụa, Wave

woofer : 2 x 101mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ

Kích thước : 179 x 460 x 219

Trọng lượng : 6.8 Kg

C 10 CEN

Loa centre

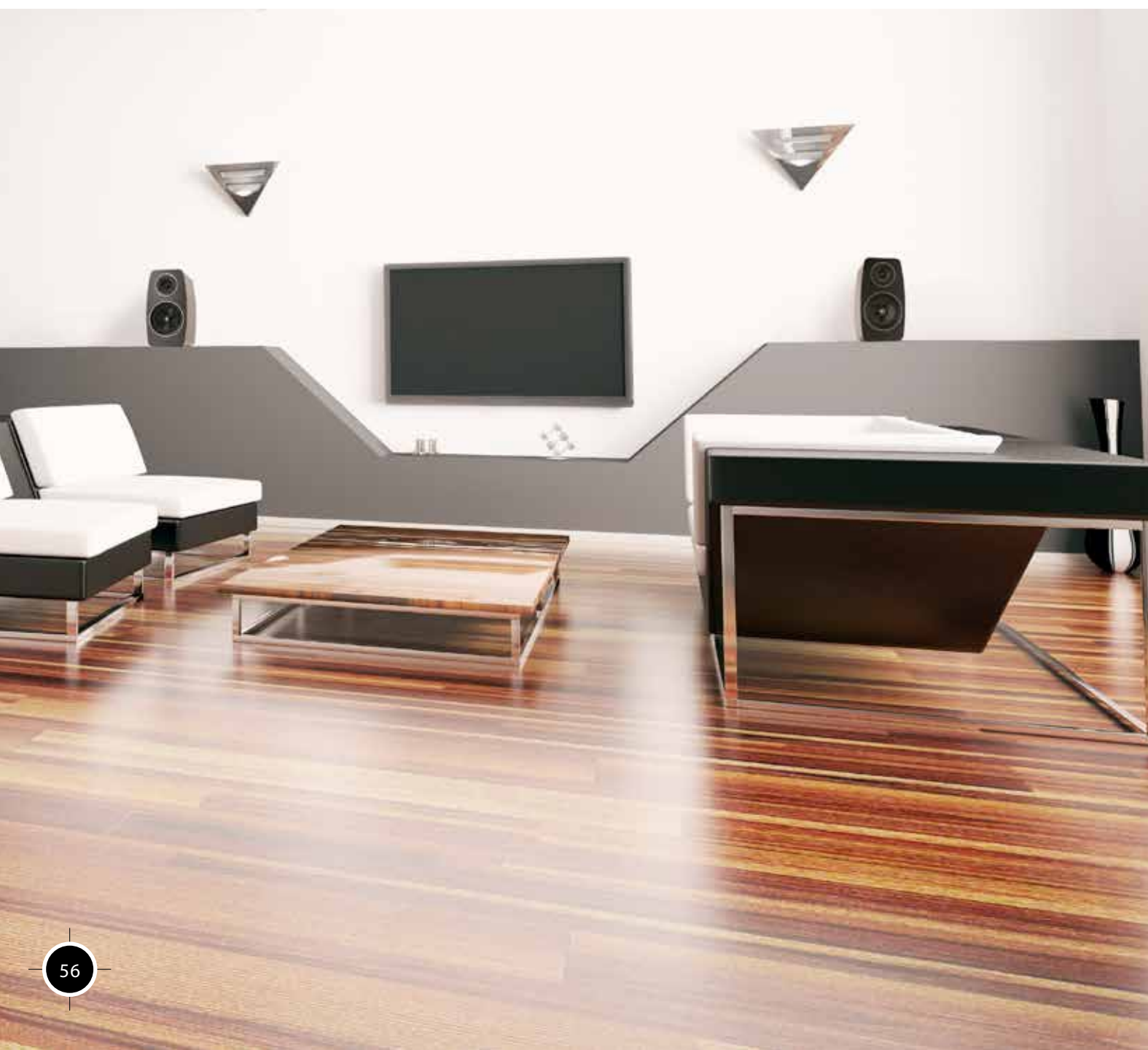




C 93

Thông số kỹ thuật

Tần số : 45Hz-24kHz
 Công suất : 120W/240W
 Độ nhạy : 88dB
 Trở kháng : 6 Ohm
 tweeter : 25mm dome lụa, Wave Guide
 Mid/bass : 152mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
 Kích thước : 350 x 200 x 259
 Trọng lượng : 6.4Kg



Thông số kỹ thuật

Tần số : 55Hz-24kHz
 Công suất : 140W/200W
 Độ nhạy : 88dB
 Trở kháng : 6 Ohm
 tweeter : 25mm dome lụa, Wave Guide
 Mid/bass : 2 x 101mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
 Kích thước : 179 x 460 x 219
 Trọng lượng : 6.8Kg

C 9 CEN

Loa centre



C 9 SUR

Loa Surround

Thông số kỹ thuật

Tần số : 80Hz-24kHz
 Công suất : 120W/180W
 Độ nhạy : 87dB
 Trở kháng : 6 Ohm
 tweeter : 25mm dome lụa, Wave Guide
 Mid : 95mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
 Woofer : 1 x 101mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
 Kích thước : 350 x 318 x 196
 Trọng lượng : 8.2Kg

STUDIO SERIES

Dòng loa Studio được thiết kế để cho chất âm mạnh mẽ, sống động. Loa thiết kế thích hợp cho phần đông người yêu thích xem phim, nghe nhạc và cả ca hát gia đình



Studio 8

Studio 8 là dòng sản phẩm mới với kiểu dáng thanh lịch, đậm chất Châu Âu. Nó cũng được thiết kế để có thể thiết lập hệ thống âm thanh Dolby Atmos dạng Speaker Enable với modul rời S 8 ATM đặt trên đầu loa trước. Studio 8 bao gồm các model S 809, S 807, S 805, S 803, S 801, S 8 ATM, S 83 CENT, S 81 CENT và 2 loa Sub S 810 SUB, S 808 SUB

FLOORS



S 809 Floorstander

3 x 5.25" Polyfiber HCC Woofers
1" Soft Dome DTT Tweeter

Studio 8

INDIVIDUAL MODELS



S 807 Floorstander

2 x 5.25" Polyfiber HCC Woofers
1" Soft Dome DTT Tweeter



S 805 Floorstander

1 x 5.25" Polyfiber HCC Woofer
1" Soft Dome DTT Tweeter

BOOKS

S 803 Monitor

5.25" Polyfiber HCC Woofer
1" Soft Dome DTT Tweeter



S 801 Monitor

4" Polyfiber HCC Woofer
1" Soft Dome DTT Tweeter



CENTERS

S 83 CEN Center

2 x 5.25" Polyfiber HCC Woofers
1" Soft Dome DTT Tweeter



S 81 CEN Center

2 x 4" Polyfiber HCC Woofers
1" Soft Dome DTT Tweeter



SUBS

S 810 SUB

10" Polyfiber HCC Woofer
Front-Firing
150W Amplifier



S 808 SUB

8" Polyfiber HCC Woofer
Front-Firing
100W Amplifier



ATMOS

S 8 ATM

4" Polyfiber HCC Full Range



S 628 HCS là bộ loa 5.0 kênh gồm 2 loa chính S 628, 1 loa centre C62 CEN và 2 loa surround C 622.



S 628 HCS

Thông số kỹ thuật

Bass phản hồi (Bass-reflex) cho âm trầm mạnh hơn
Waveguide: Loa treble với kỹ thuật Waveguide, dải tần từ 2-10kHz nhờ kỹ thuật này tăng độ dynamic và độ chi tiết, giảm méo âm.
Centre-plug: tách rời màng loa và mũi loa, cho màng loa hoạt động nhẹ, đáp ứng nhanh hơn
Tất cả màng loa đều mạ nhôm, cho cứng và nhẹ, đáp ứng tốt dải mid/lower
Bass hông mạnh mẽ, khi quay vào tường sẽ cộng hưởng âm trầm tốt hơn

Hệ thống loa : 3 đường tiếng
Loa Woofer : 1 x 254mm/ bass hông
Loa Mid : 3x 127mm
Loa Treble : 1 x 25mm
Công suất : 150/240W
Độ nhạy : 90dB
Trở kháng : 6 Ohm
Tần số : 37Hz-20kHz
Kích thước : 1134 x 190 x 380
Trọng lượng : 25.5kg

S 62 CEN

(dùng chung cho S 628 HCS và S 626 HCS)

Hệ thống loa : 2 đường tiếng
Loa Woofer/Mid : 2 x 102mm
Loa Treble : 1 x 25mm
Công suất : 80/130W
Độ nhạy : 87dB
Trở kháng : 6 Ohm
Tần số : 75Hz-20kHz
Kích thước : 133 x 400 x 210
Trọng lượng : 5.2kg



S 626 HCS là bộ loa 5.0 kênh, bao gồm 2 loa chính S 626, 1 loa centre (62 CEN) , 2 loa surround (S622)



S 626 HCS3

Đặc tính kỹ thuật

Bass phản hồi (Bass-reflex) cho âm trầm mạnh hơn
Waveguide: Loa treble với kỹ thuật Waveguide, dải tần từ 2-10kHz nhờ kỹ thuật này tăng độ dynamic và độ chi tiết, giảm méo âm.
Centre-plug: tách rời màng loa và mũi loa, cho màng loa hoạt động nhẹ, đáp ứng nhanh hơn
Tất cả màng loa đều mạ nhôm, cho cứng và nhẹ, đáp ứng tốt dải mid/lower
Bass hông mạnh mẽ, khi quay vào tường sẽ cộng hưởng âm trầm tốt hơn

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa : 3 đường tiếng
Loa Woofer : 1 x 203mm/ bass hông
Loa Mid : 2x 127mm
Loa Treble : 1 x 25mm
Công suất : 130/210W
Độ nhạy : 89dB
Trở kháng : 6 Ohm
Tần số : 42Hz-20kHz
Kích thước : 1080 x 190 x 345
Trọng lượng : 24.1kg



S 622
loa surround

Hệ thống loa : 2 đường tiếng
Loa Woofer/Mid : 2 x 102mm
Loa Treble : 1 x 25mm
Công suất : 80/130W
Độ nhạy : 87dB
Trở kháng : 6 Ohm
Tần số : 80Hz-20kHz
Kích thước : 240 x 133 x 210
Trọng lượng : 6.7kg/1 cặp



S 526 HCS3

Bộ loa 5.0 kênh, bao gồm 2 loa chính (S 526), 1 loa centre (S 52 CEN), 2 loa surround (S 522).

Loa được cải tiến từ dòng bộ S 506 HCS trước đây.

Đặc điểm kỹ thuật:

Bass phản hồi (Bass-reflex) cho âm trầm mạnh hơn (Loa S 526)

Waveguide: Loa treble với kỹ thuật Waveguide, dải tần từ 2-10kHz nhờ kỹ thuật này tăng độ dynamic và độ chi tiết, giảm méo âm.

Centre-plug: tách rời màng loa và mũi loa, cho màng loa hoạt động nhẹ, đáp ứng nhanh hơn

Tất cả màng loa đều mạ nhôm, cho cứng và nhẹ, đáp ứng tốt dải mid/lower



S 526

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa	: 3 đường tiếng
Loa Woofer	: 2 x 165mm
Loa Treble	: 1 x 25mm
Công suất	: 130/180W
Độ nhạy	: 89dB
Trở kháng	: 6 Ohm
Tần số	: 45Hz-20kHz
Kích thước	: 1000x195x301
Trọng lượng	: 15.2kg



S 52 CEN

Loa centre

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Woofer	: 2 x 102mm
Loa Treble	: 1 x 25mm
Công suất	: 100/140W
Độ nhạy	: 87dB
Trở kháng	: 6 Ohm
Tần số	: 75Hz-20kHz
Kích thước	: 134 x 400 x 207
Trọng lượng	: 4.7kg



S 522

Loa Surround

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Woofer	: 1 x 102mm
Loa Treble	: 1 x 25mm
Công suất	: 80/130W
Độ nhạy	: 86dB
Trở kháng	: 6 Ohm
Tần số	: 80Hz-20kHz
Kích thước	: 240x134x202
Trọng lượng	: 2.6kg






S 426 HCS3

Bộ loa 5.0 kênh, bao gồm 2 loa chính (S 426), 1 loa centre (S 420 CEN), 2 loa surround (S 420 SUR).

S 420 CEN

S 420 SUR

S 420 CEN

Bộ loa 5.0 kênh, bao gồm 2 loa chính (S 428), 1 loa centre (S 420 Cen) , 2 loa surround (S 420 Sur).

Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Woofer	: 2 x 89mm
Loa Treble	: 1 x 25mm
Công suất	: 80/120W
Độ nhạy	: 87dB
Trở kháng	: 6 Ohm
Tần số	: 90Hz-20kHz
Kích thước	: 118 x 340 x 125
Trọng lượng	: 1.83kg

S 420 SUR

Loa Surround

Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Woofer	: 1 x 89mm
Loa Treble	: 1 x 25mm
Công suất	: 100/140W
Độ nhạy	: 86dB
Trở kháng	: 6 Ohm
Tần số	: 90Hz-20kHz
Kích thước	: 215 x 118 x 125
Trọng lượng	: 1kg

S 426



Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Woofer	: 2 x 140mm
Loa Treble	: 1 x 25mm
Công suất	: 100/140W
Độ nhạy	: 89dB
Trở kháng	: 6 Ohm
Tần số	: 48Hz-20kHz
Kích thước	: 910 x 180 x 238
Trọng lượng	: 8.7kg




Loa Subwoofer

Loa subwoofer của Jamo được thiết kế có nhiều loại. Tùy vào kích thước phòng và hệ thống âm thanh, chúng ta chọn sản phẩm thích hợp




Jamo J 12

Jamo J 10

Đường kính loa	: 308mm
Công suất	: 200W/400W
Tần số	: 27 Hz-120 Hz
Kích thước	: 419 x 355 x 498
Trọng lượng	: 15.2kg

Đường kính loa	: 254mm
Công suất	: 150W/300W
Tần số	: 31 Hz-120 Hz
Kích thước	: 368 x 317x 427
Trọng lượng	: 12kg




Jamo J 112

Jamo J 110

Đường kính loa	: 304 mm
Công suất	: 300W / 600W
Tần số	: 24 - 125Hz
Kích thước	: 431 x 431.8 x 464.
Trọng lượng	: 26kg

Đường kính loa	: 254mm
Công suất	: 200W / 450W
Tần số	: 26 - 125Hz
Kích thước	: 381 x 381 x 406.4
Trọng lượng	: 12kg

Heritage

Dòng Heritage được xem là “cây đa cây đề” trong làng âm thanh hiend. Sản phẩm của nó không những có bề dày lịch sử trên 60 năm mà còn là một trong những dòng loa danh tiếng về chất lượng âm thanh.



Klipsch Horn

Người tiên phong đồng thời nhà sáng lập công ty, Paul W. Klipsch tung ra loa Klipschorn vào năm 1946, đem lại cho mọi người, lần đầu tiên trong đời, có sự trải nghiệm về sự mạnh mẽ, chi tiết và giàu cảm xúc như xem trình diễn nhạc sống của đôi loa này.

Model này cũng được mệnh danh như là sản phẩm có thiết kế độ dẻo nhất, loa còi đặt ở góc tường (Corner-Horn Speaker).

Là một dòng loa duy nhất trên thế giới được sản xuất liên tục trong 60 năm qua, Klipschorn vẫn không thay đổi nhiều kể từ khi ra đời.

Thông số kỹ thuật

Tần số	33Hz-17kHz(+/-) 4dB
Công suất	100 w (400 w peak)
Độ nhạy	105dB @ 1watt/1meter
Trở kháng	8 Ohm
Tần số cắt	HF: 4500 Hz MF: 450 Hz
tweeter	K-77-F1 x 2.54cm Màng loa nén với chất Phenolic
midrange	K-55-X x 5.08cm Màng loa nén với chất Phenolic
woofer	K-33-E x 38.1cm Màng loa bằng sợi composite cone
Kích thước	C 128.91 x R 79.38 x S 71.75 cm
Trọng lượng	78 kg Không thùng

Thông số kỹ thuật

Tần số	54Hz-17kHz(+/-) 4dB
Công suất	100 w (400 w peak)
Độ nhạy	105dB @ 1watt/1meter
Trở kháng	8 Ohm
Tần số cắt	HF: 4500 Hz MF: 400 Hz
tweeter	K-77-F1 x 2.54cm Màng loa nén với chất Phenolic
midrange	K-55-X x 5.08cm Màng loa nén với chất Phenolic
woofer	K-33-E x 38.1cm Màng loa bằng sợi composite cone
Kích thước	C 97.79 x R 61.60 x S 64.14 cm
Trọng lượng	78 kg Không thùng

La Scala II





Cornwall III

Thông số kỹ thuật	
Tần số	34Hz - 20 kHz (+/-) 3db
Công suất	100 w (400 w peak)
Độ nhạy	102dB @ 1watt/1meter
Trở kháng	8 Ohm
Tần số cắt	HF: 5000 Hz LF: 800 Hz
tweeter	K-107-TI x 2.54cm, màng loa Titanium
midrange	K-53-TI x 4.45 cm màng loa Titanium
woofer	K-33-E x 38.1cm Fiber composite
Kích thước	C 90.81 x R 64.29 x S 39.37 cm
Trọng lượng	44 kg Không thùng

Thông số kỹ thuật	
Tần số	58Hz-20kHz (+/-)3dB
Công suất	100 w (400 w peak)
Độ nhạy	99dB @ 1watt/1meter
Trở kháng	8 Ohm
Tần số cắt	HF: 5000 Hz LF: 850 Hz
tweeter	K-107-TI x 2.54cm, màng loa Titanium
midrange	K-53-TI x 4.45 cm màng loa Titanium
woofer	K-28-E x (30.48cm) Fiber-composite
Kích thước	C 60.48 x R 39.37 x S 33.66 cm
Trọng lượng	20 kg Không thùng



Heresy III

Palladium

P-39F là đôi loa lớn nhất thuộc dòng Palladium của hãng loa Klipsch (Mỹ). Đây là đôi loa tâm huyết của người sáng lập Paul W Klipsch, là kết tinh của 60 năm kinh nghiệm làm loa chất lượng cao, sở hữu nhiều đặc tính kỹ thuật cũng như ứng dụng công nghệ vào loại bậc nhất trong ngành công nghiệp chế tạo loa nghe nhạc gia đình



P 3 9 F

Thông số kỹ thuật

Tần số	28Hz-24kHz (+/-3) dB
Công suất	400 w (1600 w peak)
Độ nhạy	99dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	4 Ohm
Tần số cắt	HF: 3200 Hz MF: 500 Hz
tweeter	1.9cm/ titanium/ 90° x 60° Tractrix® Horn
midrange	11.4cm/ aluminum/ 90° x 60° Tractrix® Horn
woofer	3 x 22.9cm/ aluminum/ Rohacell®/ Kevlar®
Kích thước	C 142.2 x R 30.5 x S 62.9 cm
Trọng lượng	74.9kg



P 3 8 F

Thông số kỹ thuật

Tần số	29Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	300 w (1200 w peak)
Độ nhạy	98dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	4 Ohm
Tần số cắt	HF: 3400 Hz MF: 550 Hz
tweeter	1.9cm/ titanium/90° x 60° Tractrix® Horn
midrange	11.4cm/ aluminum/ 90° x 60° Tractrix® Horn
woofer	3 x 20.3cm/ aluminum/ Rohacell®/ Kevlar®
Kích thước	C 127.6 x R 27.3 x S 54.6 cm
Trọng lượng	55.4 kg

P 3 7 F

Thông số kỹ thuật

Tần số	31Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	275w (1100 w peak)
Độ nhạy	96dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	4 Ohm
Tần số cắt	HF: 3400 Hz MF: 550 Hz
tweeter	1.9cm/ titanium/90° x 60° Tractrix® Horn
midrange	11.4cm/aluminum/ 90° x 60° Tractrix® Horn
woofer	3 x 17.8cm/ aluminum/ Rohacell®/ Kevlar®
Kích thước	C 118.1x R 24.8 x S 49.5 cm
Trọng lượng	44.5 kg



Reference Premier

RF 7III được phát triển từ RF 7II và có đường nét của dòng Reference Premier. Loa được sản xuất tại Mỹ với những chất liệu cao cấp nhất, đem đến cho người yêu nhạc và các fan Klipsch đôi loa chất lượng cao nhưng có giá hợp lý.

Thông số kỹ thuật

Tần số	30Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	250w (1000 w peak)
Độ nhạy	101dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	8 Ohm
tweeter	4.45cm/ titanium/ họng loa 200cm/ 90° x 60° Tractrix® Horn
woofer	2 x 25.4cm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	C 1233x R 295 x S 415 mm
Trọng lượng	39.5 kg

RF 7III



RF 7II

Màu sắc vàng của vỏ loa cũng chính là lớp gỗ veneer được đánh bóng nổi vân trông rất đẹp. Bên dưới chân loa là đế chân với 4 trụ hình tròn vững chắc, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn châu Âu.

Công suất danh định loa là 250 W nhưng công suất đỉnh đạt được đến 1000W. Loa có độ nhạy quá lý tưởng, lên đến 101dB, khi đánh với Ampli không cần nhiều công suất vẫn đạt được âm lượng mong muốn.

Thông số kỹ thuật

Tần số	30Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	250w (1000 w peak)
Độ nhạy	101dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	8 Ohm
tweeter	4.45cm/ titanium/ họng loa 200cm/ 90° x 60° Tractrix® Horn
woofer	2 x 25.4cm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	C 1233x R 295 x S 415 mm
Trọng lượng	39.5kg

REFERENCE PREMIERE HD WIRELESS

LOA KHÔNG DÂY KẾT NỐI BẰNG SÓNG WIFI

Cấu hình của hệ thống này gồm 1 bộ xử lý trung tâm và các loa vệ tinh. Người dùng có thể đầu tư từng giai đoạn từ cấu hình 2 kênh với 1 bộ trung tâm, sau đó nâng cấp dần lên 5.1 kênh hoặc 7.2 kênh.



Bộ xử lý trung tâm HD CONTROL CENTER

Xử lý và phát tín hiệu âm thanh đến các loa bằng sóng cao tần không thông dụng từ 5.2 đến 5.8 GHz đảm bảo không bị nhiễu với các tần số khác. Chuyển tải âm thanh HD không nén từ 2 kênh stereo đến 7.1 kênh surround.

Định dạng:

- 2 channel PCM up to 192kHz (HDMI and SPDIF)
- 6 channel PCM up to 192kHz (HDMI)
- 8 channel PCM up to 96kHz (HDMI)
- Dolby® Digital Plus bitstream (HDMI and SPDIF)
- DTS® bitstream (HDMI and SPDIF)
- aptX® (Bluetooth®)

Ngõ vào:

- 4x HDMI với 4k Pass-through
- (1 ngõ HDMI 2.0 và hỗ trợ HDCP 2.2)
- 1x Coaxial, 1x Optical
- 1x Analog Audio
- Bluetooth® wireless technology



RP-440WF

Loa đứng

Tần số	48Hz-25kHz (+/-) 3dB
Công suất	125W/250w
tweeter	1 x Titanium/Tractrix® Horn
woofer	4 x 11.2cm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	C 1042x R 219 x S 297 mm
Trọng lượng	16.5kg



RP-140WM

Loa Bookshelf

RP-140WM có thể làm loa bookshelf nghe nhạc 2 kênh hoặc làm loa surround trong hệ thống 5.1 kênh.	
Tần số	48Hz-25kHz (+/-) 3dB
Công suất	125W/250w
tweeter	1 x Titanium/Tractrix® Horn
woofer	1 x 11.2cm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	C 331x R 181 x S 278 mm
Trọng lượng	13.5kg

RP-440WC

Loa Center

Tần số	48Hz-25kHz (+/-) 3dB
Công suất	125W/250w
tweeter	1 x Titanium/ Tractrix® Horn
woofer	4 x 11.2cm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	C 143x R 660 x S 342 mm
Trọng lượng	12.5kg



RP-110WSW

Loa sub

Tần số	27 Hz - 125 Hz
Công suất	250W/500W
woofer	1 x 25cm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	C 413x R 355 x S 434 mm
Trọng lượng	19kg

DOLBY ATMOS

Dòng loa Dolby Atmos cho phép bạn xây dựng hệ thống loa cho phòng xem phim với chuẩn Dolby Atmos. Nó phù hợp với cấu hình loa Speaker Enabled, theo đó sử dụng các loa hướng lên trên để lấy âm phản xạ tạo hiệu ứng âm thanh vòm trên cao, đúng với nội dung trong phim hơn.

Hệ thống loa Reference Premier Dolby Atmos gồm đôi loa chính RP-280FA, loa surround RP-140SA và loa center RP-450CA. Tất cả đều dùng treble Titan và có kỹ thuật Hybrid Tractrix Horn và màng loa bằng hợp chất gốm, kim loại và mạ đồng (Copper Cerametallic), có đặc tính cứng nhẹ, đáp ứng rất tốt sự thay đổi tần số. Điều đáng chú ý là loa RP-280FA và RP-140SA có loa surround hướng lên trên tần nhà được thiết kế với các thông số đáp chuẩn của Dolby Atmos Enable. Âm tần số cao được tạo ra nhiều năng lượng, hơn hẳn các loại loa surround thông thường. Theo đó tần số và độ nhạy loa có tính linh hoạt đáp ứng chuẩn của Dolby yêu cầu. Tần số của loa RP-140SA cũng như loa bên trên của RP-280FA đều cắt ở 2kHz, hướng tất cả dải tần trên nó lên trên trần và phản xạ xuống khu vực người nghe.



REFERENCE PREMIERE

Klipsch cho ra dòng loa Reference Premiere để thay cho dòng loa rất thành công là Reference II. Với đội ngũ kỹ sư thiên nghệ và một nhà máy to vào hàng bậc nhất, Klipsch luôn đem lại cho người yêu nhạc và yêu thích thương hiệu mình những sản phẩm tốt nhất với mức giá thật hợp lý.



RP-260F

Tần số 34-25kHz (+/-) 3dB
 Công suất 125W/500W
 Độ nhạy 97dB @ 2.83V/1m
 Trở kháng 8 Ohm
 tweeter 1x25mm/ titanium/ Tractrix® Horn
 Mid/Bass 2 x 162mm/ màng loa Cerametallic™
 Kích thước C 1000x R 229 x S 448 mm
 Trọng lượng 22.45kg



RP-250F

Tần số 35-25kHz (+/-) 3dB
 Công suất 125W/500W
 Độ nhạy 96dB @ 2.83V/1m
 Trở kháng 8 Ohm
 tweeter 1x25mm/ titanium/ Tractrix® Horn
 Mid/Bass 2 x 131mm/ màng loa Cerametallic™
 Kích thước C 917x R 200 x S 377 mm
 Trọng lượng 17kg



RP-280F

Tần số 32-25kHz (+/-) 3dB
 Công suất 150W/600W
 Độ nhạy 98dB @ 2.83V/1m
 Trở kháng 8 Ohm
 tweeter 1x25mm/ titanium/ Tractrix® Horn
 Mid/Bass 2 x 200mm/ màng loa Cerametallic™
 Kích thước C 1094 x R 268 x S 465 mm
 Trọng lượng 28.35kg





RP-150M



Tần số	48-25kHz (+/-)3dB
Công suất	75W/300W
Độ nhạy	93dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	8 Ohm
tweeter	1x25mm/ titanium LTS/ Tractrix® Horn
Mid/Bass	1 x 131mm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	C 370x R 195 x S271 mm
Trọng lượng	6.6kg

RP-160M



Tần số	45-25kHz (+/-) 3dB
Công suất	100W/400W
Độ nhạy	96dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	8 Ohm
tweeter	1x25mm/ titanium LTS/ Tractrix® Horn
Mid/Bass	1 x 162mm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	C 424x R 224 x S 327 mm
Trọng lượng	9 Kg



RP-450C

Loa Center

Tần số	58-25kHz (+/-) 3dB*
Công suất	150W/600W
Độ nhạy	97dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	8 Ohm
tweeter	1 x 25mm/ titanium LTS/ Tractrix® Horn
Mid/Bass	4 x 131mm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	C 173x R 791 x S 368 mm
Trọng lượng	16.16kg



RP-440C

Loa Center

Tần số	59-25kHz (+/-) 3dB*
Công suất	150W/600W
Độ nhạy	97dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	8 Ohm
tweeter	1x 25mm/ titanium LTS/ Tractrix® Horn
Mid/Bass	4 x 100mm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	C 144x R 660 x S 344 mm
Trọng lượng	13.11kg



RP-250C

Loa Center

Tần số	58-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	100W/400W
Độ nhạy	95dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	8 Ohm
tweeter	1x25mm/ titanium LTS / Tractrix® Horn
Mid/Bass	2 x 131mm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	C 173x R 470 x S 253 mm
Trọng lượng	8.35 Kg



RP-250S

Loa Surround

Tần số	58-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	100W/400W
Độ nhạy	95dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	8 Ohm
tweeter	2x25mm/ titanium LTS/ Tractrix® Horn
Mid/Bass	2 x 131mm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	C 343x R 305 x S 201 mm
Trọng lượng	7.12kg



RP-240S

Loa Surround

Tần số	62-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	75W/300W
Độ nhạy	93dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	8 Ohm
tweeter	2x25mm/ titanium LTS/ Tractrix® Horn
Mid/Bass	2 x 100mm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	C 295x R 264 x S 176 mm
Trọng lượng	6 Kg

REFERENCE BASE



R-28 F

Thông số kỹ thuật

Tần số	35Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	150W/600W
Độ nhạy	98dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	8 Ohm
Tweeter	1 x 25mm, hống loa 90° x 60° Tracrix® Horn
Woofer	2 x 203mm
Kích thước	C 1066x R 398 x S 241 mm
Trọng lượng	25.86kg



R-26 F

Thông số kỹ thuật

Tần số	38Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	100W/400W
Độ nhạy	97dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	8 Ohm
Tweeter	1 x 25mm, hống loa 90° x 60° Tracrix® Horn
Woofer	2 x 165mm
Kích thước	C 991x R 345 x S 198mm
Trọng lượng	19.2 kg





R-15 M

Thông số kỹ thuật

Tần số 62Hz-24kHz (+/-) 3dB
 Công suất 85W/340W
 Độ nhạy 94dB @ 2.83V/1m
 Trở kháng 8 Ohm
 Tweeter 1 x 25mm, họng loa 90° x 60°
 Tractrix® Horn
 Woofer 1 x 133mm
 Kích thước C 318x R 178x S 206mm
 Trọng lượng 4.67kg



R-14 M

Thông số kỹ thuật

Tần số 64Hz-24kHz (+/-) 3dB
 Công suất 50W/200W
 Độ nhạy 90dB @ 2.83V/1m
 Trở kháng 8 Ohm
 Tweeter 1 x 25mm, họng loa 90° x 60°
 Tractrix® Horn
 Woofer 1 x 102mm
 Kích thước C 248x R 149x S 191mm
 Trọng lượng 3.2kg

R-25 C

Loa centre

Thông số kỹ thuật

Tần số 82Hz-24kHz (+/-) 3dB
 Công suất 100W/400W
 Độ nhạy 98dB @ 2.83V/1m
 Trở kháng 8 Ohm
 Tweeter 1 x 25mm, họng loa 90° x 60°
 Tractrix® Horn
 Woofer 2 x 133mm
 Kích thước C 184x R 476x S 184mm
 Trọng lượng 6.73kg

R-14 S

Loa surround

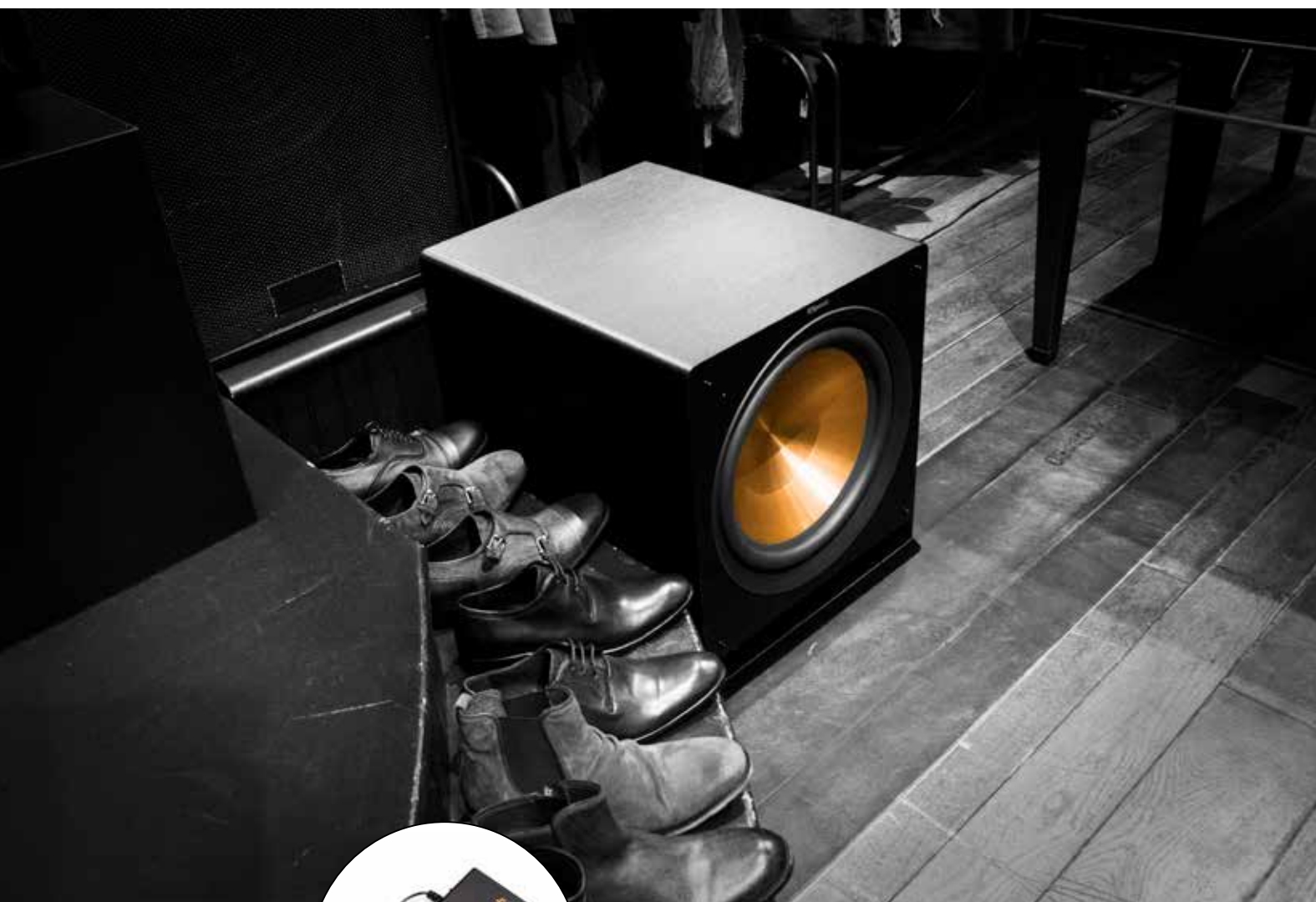


Thông số kỹ thuật

Tần số 83Hz-24kHz (+/-) 3dB
 Công suất 50W/200W
 Độ nhạy 89dB @ 2.83V/1m
 Trở kháng 8 Ohm
 Tweeter 1 x 25mm, họng loa 90° x 60°
 Tractrix® Horn
 Woofer 1 x 102mm
 Kích thước C 196x R 381x S 165mm
 Trọng lượng 3.6kg



Loa Subwoofer



R-12SWi

Loa subwoofer dòng Reference kết nối không dây bằng sóng WiFi

Tần số	19Hz-120Hz (+/-) 3dB
Công suất	200 watts/400 watts
woofer	1 x 305mm
Kích thước	C 406x R 355 x S 470mm
Trọng lượng	15kg



R-10SWi

Loa subwoofer dòng Reference kết nối không dây bằng sóng WiFi

Thông số kỹ thuật

Tần số	32Hz-120Hz (+/-) 3dB
Công suất	150 watts/300 watts
woofer	1 x 245mm
Kích thước	C 350x R 317 x S 398mm
Trọng lượng	11.6kg



R-10SW

Loa subwoofer dòng Reference

Loa sub với loa bass cực lớn, cho tiếng trầm rung chuyển, phù hợp xem phim nghe nhạc, hát Karaoke

Thông số kỹ thuật

Tần số	32Hz-120Hz (+/-) 3dB
Công suất	150 watts/300 watts
woofer	1 x 245mm
Kích thước	C 350x R 317 x S 398mm
Trọng lượng	11.6kg



R-12SW

Loa subwoofer dòng Reference

Loa sub với loa bass cực lớn, cho tiếng trầm rung chuyển, phù hợp xem phim nghe nhạc, hát Karaoke

Thông số kỹ thuật

Tần số	19Hz-120Hz (+/-) 3dB
Công suất	200 watts/400 watts
woofer	1 x 305mm
Kích thước	C 406x R 355 x S 470mm
Trọng lượng	15kg



R-8SW

Loa subwoofer dòng Reference

Thông số kỹ thuật

Tần số	38Hz-120Hz (+/-) 3dB
Công suất	100W/150W
woofer	1 x 200mm
Kích thước	C 330x R 298 x S 298mm
Trọng lượng	6.8kg



R-112SW

Loa subwoofer dòng Reference

Thông số kỹ thuật

Tần số	24Hz-125Hz
Công suất	300 watts/ 600 watts
woofer	1 x 305mm
Kích thước	C 414x R 393 x S 463mm
Trọng lượng	22.1kg



R-115SW

Loa subwoofer dòng Reference

Thông số kỹ thuật

Tần số	18Hz-125Hz
Công suất	400 watts/800 watts
woofer	1 x 380mm
Kích thước	C 546x R 495 x S 655mm
Trọng lượng	34.2kg

R-110SW

Loa subwoofer dòng Reference

Thông số kỹ thuật

Tần số	27Hz-125Hz
Công suất	200 watts/400 watts
woofer	1 x 254mm
Kích thước	C 414x R 373 x S 401mm
Trọng lượng	17.8kg



KW-120-THX

Loa sub hơi dùng với Power KA-1000 THX

Thông số kỹ thuật

Tần số	20Hz-200Hz (+/-) 3dB
Công suất	Dùng với ampli KA-1000THX
woofer	1 x 30.5cm
Kích thước	C 514x R 451 x S 451mm
Trọng lượng	36.3kg

THX Ultra2 Home Theater System

Bộ loa xem phim đạt chuẩn THX Ultra2



Klipsch THX Ultra2 là hệ thống loa xem phim gia đình đạt đẳng cấp của hệ thống Cinema chuyên nghiệp.

Loa được thiết kế có kiểu dáng hiện đại. Loa chính và centre có thể đặt sau màn chiếu mà không suy giảm về chất lượng âm thanh.



KS-525-THX surround

Loa Surround



Thông số kỹ thuật

Tần số	80Hz-20kHz (+/-) 3dB
Công suất	100w (400 w peak)
Độ nhạy	96dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	8 Ohm
tweeter	2x 2.5cm/ Tractrix® Horn
woofer	2 x 13.3cm
Kích thước	C 350x R 330 x S 216 mm
Trọng lượng:	9.1kg

KL-650-THX LCR

Dùng làm loa chính và centre

Thông số kỹ thuật

Tần số	48Hz-20kHz (+/-) 3dB
Công suất	150w (600 w peak)
Độ nhạy	97dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	8 Ohm
tweeter	1x 2.5cm/ Tractrix® Horn
woofer	2 x 16.5cm
Kích thước	C 38.1x R 43.2 x S 31.8cm
Trọng lượng	17.7kg



KL-525-THX LCRs

Dùng làm loa chính và centre

Thông số kỹ thuật

Tần số	80Hz-20kHz +/-3dB
Công suất	100w (400 w peak)
Độ nhạy	94dB @ 2.83V / 1m
Trở kháng	8 Ohm
tweeter	1x 2.5cm/ Tractrix® Horn
woofer	2 x 13.3cm
Kích thước	C 324 x R 406 x S 318 mm
Trọng lượng:	14.5 kg



MÂM ĐĨA THAN



DEBUT CARBON WALNUT TURNTABLE

Mâm đĩa than với tonearm có đường kính 8.6 inch được làm bằng carbon, có đặc tính cứng, giúp giảm cộng hưởng không mong muốn.
Bộ cấp nguồn DC cho motor siêu chính xác giúp tốc độ ổn định
Được làm dưới kỹ thuật của Pro-Ject
Tốc độ: 33, 45 (Chỉnh tốc độ bằng tay)
Mâm đĩa: 300mm bằng kim loại có dán thảm
Mains bearing stainless steel
Wow & flutter: (+/-) 0.10% (Độ méo rung sai tốc âm thanh)
Speed drift (+/-) 0.80%
Signal to noise - 68dB
Tonearm: 8.6", Carbon
Độ dài Effective arm: 218.5mm
Trọng lượng Effective arm: 6.0g
Overhang: 18.5mm Tracking force 10 - 30mN
Power connection 110/120 or 230/240 Volt - 50 or 60Hz
Gồm accessories 15 volts DC/ 0.8A power supply, che bụi
Kích thước: 415 x 118 x 320mm (CxRxS) lid closed
Trọng lượng: 5.6kg net
Bao gồm: Ortofon 2M Red cartridge

PowerGate là thiết tích hợp nhiều tính năng trong một: Power + DAC + Streamer với nhiều ngõ vào và công suất Ampli đến 100W x 2 kênh (4 Ohm)



Power Gate



Công suất: 2 x 100 watt class D, đánh được các loa đứng
Kết nối Wi-Fi để stream nhạc qua App Klipsch Stream, chia sẻ nhạc đa phòng
Ngõ vào USB Audio (Type B Connection)
Bluetooth® wireless connectivity with AAC and apt-X decoding
Ngõ Phono pre-amp/ RCA analog audio
Optical (TOSLINK)
Remote control
192kHz/ 24-bit D/A Converter
Headphone Output (3.5mm)
Ngõ ra Subwoofer
Line level Pre-amp output (RCA analog)
Kích thước: C 25.4 x R 6.35 x S 15.24cm
Trọng lượng: 1.36kg



PRIMARY

Mâm đĩa than Klipsch Primary với kỹ thuật từ hãng Pro-Ject sẽ đem đến cho bạn những giây phút trải nghiệm đĩa than tuyệt vời nhất. Ưu điểm giá tốt, dành cho những ai bắt đầu chơi với tính năng dễ sử dụng và cân chỉnh.
Tốc độ: 33, 45
Mâm đĩa: 300mm bằng kim loại có dán thảm
Mains bearing stainless steel
Wow & flutter: 33: 0.29% 45: 0.27% (Độ méo rung sai tốc âm thanh)
Speed drift (+/-) 0.80%
Signal to noise - 65dB
Tonearm: 8.6"

Độ dài Effective arm: 218.5mm
Trọng lượng Effective arm: 8g
Overhang: 22mm
Power connection 110/120 or 230/240 Volt - 50 or 60Hz
Gồm accessories 15 volts DC/0.8A power supply, che bụi
Kích thước: 420 x 112 x 330mm (WxHxD) lid closed
Trọng lượng: 5 kg net
Bao gồm MM-Cartridge Ortofon OM 5E

Sound bar Klipsch

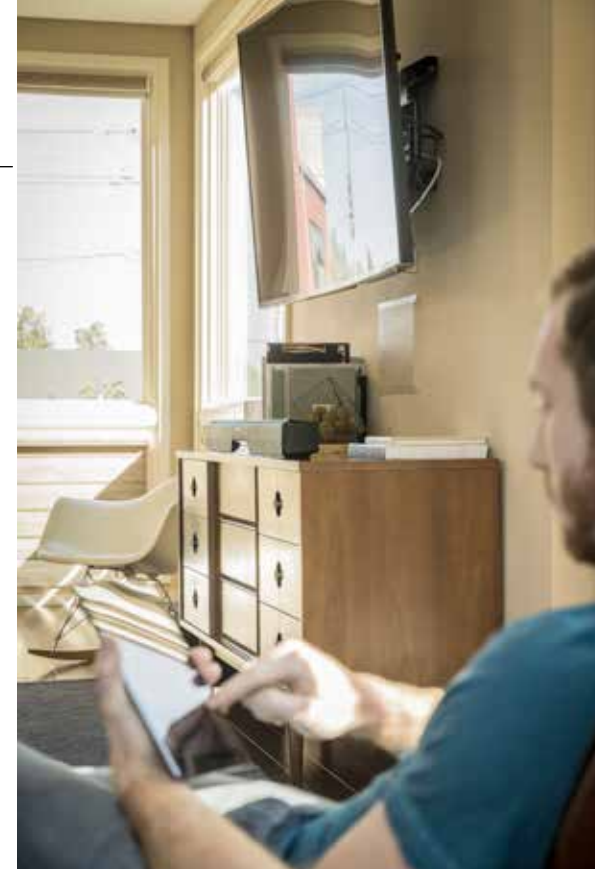
Với sự ra đời của sound bar, giờ đây việc thưởng thức phim ảnh hoặc ca nhạc từ TiVi đạt được chất lượng âm thanh tốt hơn nhờ khả năng mô phỏng âm thanh surround ngày càng chính xác. Hơn thế nữa sound bar giúp ta nghe nhạc một cách thuận lợi nhờ kết nối bluetooth cũng như stream nhạc qua ngõ wifi. Điểm đặc biệt của sound bar là không chiếm không gian phòng, dễ dàng lắp đặt và dễ sử dụng.



RSB - 6

4K Ultra-HD Video pass-through
Kết nối không dây từ loa sub đến sound bar bằng sóng wifi
Hệ thống loa 2 đường tiếng với 2 mạch khuếch đại riêng biệt
Treble x 1 (19mm), Mid x 2 (63.5mm), Subwoofer x 1 (165mm)
Ngõ vào: HDMI 2.0 với HDCP 2.2/ Optical/jack 3.5mm/ Bluetooth® 2.0
Ngõ ra: HDMI 2.0 với HDCP 2.2
Tổng công suất 60W/120W

Kích thước Sound Bar: N 101.6cm x C 9.53cm x S 9.53cm
Kích thước Subwoofer: N 18.74cm x C 26.67cm x S 34.29cm
Trọng lượng Sound Bar: 2.95kg
Trọng lượng subwoofer: 4.35kg
Phụ kiện kèm theo: dây 1.5m HDMI, bộ chân, móc treo tường, remote control



RSB - 8

4K Ultra-HD Video pass-through
Kết nối không dây từ loa sub đến sound bar bằng sóng wifi
Truyền phát nhạc không dây từ smartphone đến sound bar bằng Play Fi
Hệ thống loa 2 đường tiếng với 2 mạch khuếch đại riêng biệt
Treble x 1 (19mm), Mid x 2 (63.5mm), Subwoofer x 1 (165mm)
Ngõ vào: HDMI 2.0 với HDCP 2.2/ Optical/jack 3.5mm/ Bluetooth® 2.0
Ngõ ra HDMI 2.0 với HDCP 2.2 cho DTS Play Fi
Tổng công suất 100W/150W
Kích thước Sound Bar: N 101.6 x C 9.53 x S 9.53cm
Kích thước Subwoofer: N 18.74 x C 26.67 x S 34.29cm
Trọng lượng Sound Bar: 2.95kg
Trọng lượng subwoofer: 4.35kg
Phụ kiện kèm theo: dây 1.5m HDMI, bộ chân, móc treo tường, remote control



RSB - 11

4K Ultra-HD Video pass-through
Kết nối không dây từ loa sub đến sound bar bằng sóng wifi
Truyền phát nhạc không dây từ smartphone đến sound bar bằng Play Fi
Hệ thống loa 2 đường tiếng với 2 mạch khuếch đại riêng biệt
Treble x 1 (19mm), Mid x 4 (63.5mm), Subwoofer x 1 (200mm)
Ngõ vào: 3 x HDMI 2.0 với HDCP 2.2/ Optical/jack 3.5mm/ Bluetooth® 2.0
Ngõ ra: 1x HDMI 2.0 với HDCP 2.2 cho DTS Play Fi
Tổng công suất 135W/200W
Kích thước Sound Bar: N 111.75 x C 8.26 x S 8.26cm
Kích thước Subwoofer: N 17.78 x C 40.64 x S 33.34cm
Trọng lượng Sound Bar: 4.5kg
Trọng lượng subwoofer: 10.8kg
Phụ kiện kèm theo: dây 1.5m HDMI, bộ chân, móc treo tường, remote control



RSB-14

4K Ultra-HD Video pass-through
 Kết nối không dây từ loa sub đến sound bar bằng sóng wifi
 Hệ thống loa 2 đường tiếng với 2 mạch khuếch đại riêng biệt
 Treble x 1 (19mm), Mid x 4 (63.5mm), Subwoofer x 1 (200mm)
 Ngõ vào: 3 xHDMI 2.0 với HDCP 2.2/ Optical/jack 3.5mm/Bluetooth® 2.0
 Ngõ ra: 1x HDMI 2.0 với HDCP 2.2
 Tổng công suất 135W/200W
 Kích thước Sound Bar: N 111.75 x C 8.26 x S 8.26cm
 Kích thước Subwoofer: N 17.78 x C 40.64 x S 33.34cm
 Trọng lượng Sound Bar: 4.5kg
 Trọng lượng subwoofer: 10.8kg
 Phụ kiện kèm theo: dây 1.5m HDMI, bộ chân, móc treo tường, remote control

R-4 B

Kết nối không dây từ loa sub đến sound bar bằng sóng wifi
 Hệ thống loa 2 đường tiếng với 2 mạch khuếch đại riêng biệt
 Treble dome x 1 (19mm), Mid x 2 (62.5mm), Subwoofer x 1 (162mm)
 Ngõ vào: Optical/RCA/Bluetooth®/USB (phát nhạc lossless WAV)
 Tổng công suất 60W/120W
 Kích thước Sound Bar: N 101.6 x C 9 x S 9cm
 Kích thước Subwoofer: N 16 x C 25 x S 36cm
 Trọng lượng Sound Bar: 2.6kg



R-10 B

Kết nối không dây từ loa sub đến sound bar bằng sóng wifi
 Hệ thống loa 2 đường tiếng với 2 mạch khuếch đại riêng biệt
 Treble dome x 1 (19mm), Mid x 2 (76mm), Subwoofer x 1 (203mm)
 Ngõ vào: Optical/RCA/Bluetooth® aptX
 Tổng công suất: 250W
 Kích thước Sound Bar: N 101.6 x C 10 x S 7cm
 Kích thước Subwoofer: N 21cm x C36cm x S 50cm
 Trọng lượng Sound Bar: 3.2kg
 Trọng lượng subwoofer: 11kg



R-20 B

Kết nối không dây từ loa sub đến sound bar bằng sóng wifi
 Hệ thống loa 2 đường tiếng với 2 mạch khuếch đại riêng biệt
 Treble dome x 1 (19mm), Mid x 4 (76mm), Subwoofer x 1 (254mm)
 Ngõ vào: Optical/RCA/Bluetooth® aptX
 Tổng công suất: 250W
 Kích thước Sound Bar: N 101.6 x C 10 x S 7cm
 Kích thước Subwoofer: N 23 x C 45 x S 71cm
 Trọng lượng Sound Bar: 3.9kg
 Trọng lượng subwoofer: 11.8kg



Monitor Audio

Monitor Audio là hãng loa của Anh Quốc. Các dòng loa của Monitor Audio đều có kiểu dáng đẹp, chất lượng từ âm thanh đến kết cấu bên trong.

Loa được rất nhiều các tạp chí chuyên ngành khen tặng và đánh giá cao từ khả năng trình diễn đến giá thành sản phẩm.

PLATINUM II

Platinum II là dòng loa hiend đỉnh cao của Monitor Audio, tích hợp nhiều đặc tính kỹ thuật tiên tiến nhất. Đứng đầu series này là PL 500 II được thiết kế tinh xảo, thẩm mỹ cao và đặc biệt sở hữu đến 7 củ loa bao gồm 4 bass, 2 mid và 1 treble ribbon có tần số cao lên đến 100kHz.

Kỹ thuật: Màng loa RDT®II với C-CAM® loại mới

Màng loa tweeter kỹ thuật MPD (Micro Pleated Diaphragm), thiết kế đặc biệt cho Platinum II
HiVe®II High Velocity reflex port

Kỹ chống cộng hưởng ARC® (Anti-Resonance Composite) cho loa mid-range driver housings và baffle

New patented 'DCF' (Dynamic Coupling Filter) mechanism for more natural sound



GOLD

Gold đứng thứ 2 trong số dòng sản phẩm của Monitor Audio. Dòng loa này có thể đứng vào hàng ngũ loa hiend với thiết kế thật chất lượng về hình thức lẫn âm thanh.



Các đặc điểm đáng chú ý



G-CAM / (Ceramic-Coated Aluminium/Magnesium)

Mô phỏng từ công nghệ trong ngành hàng không. Đó chính là sự kết hợp giữa nhôm và ma-nhê và phủ bên ngoài chất gốm, làm màng loa cứng nhưng cực nhẹ giúp đáp ứng nhanh tần số thấp, đặc biệt cho tiếng bass không bị méo khi trình diễn ở mức âm lượng lớn với các đoạn nhạc có tiết tấu nhanh và thay đổi đột ngột từ cao xuống thấp.



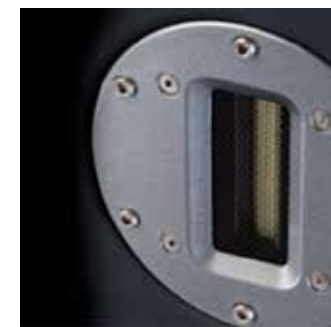
HiVe II Port Technology:

Vành ống của lỗ thoát hơi có các rãnh chia đều nhau, giúp khi thoát nhanh. Điều này giúp âm bass mạnh và nhanh hơn



G-CAM Bass Drivers/ (Ceramic-Coated Aluminium/ Magnesium Bass Drivers)

Ứng dụng kỹ thuật G-CAM vào màng loa bass, cho âm bass sống động, sâu và chính xác



Ribbon Transducer

Màng loa cực mỏng bằng hợp chất G-CAM đặt trong từ trường cực mạnh của nam châm dùng đất hiếm NeFeB có năng lượng từ dồi dào. Màng loa loại ribbon cũng chính là cuộn voice coil. Đặc tính dòng loa treble này là có thể dải tần số cao lên đến 60kHz, phù hợp với các nguồn nhạc HD như SACD, DVD-A, nhạc Lossless.



RST®

Màng loa G-CAM theo công nghệ RST ® có độ nén cao, trên mặt màng loa có lỗ lồi lõm, có đặc tính hạn chế sóng đứng, đáp ứng tần số nhanh hơn.

Gold Series

Gold 300

Đặc điểm loa

Loa mid/bass: C-CAM RST® (Rigid Surface Technology) mới
C-CAM® ứng dụng vào loa treble cho tần số lên 60kHz
Ribbon Transducer ứng dụng vào loa treble
HiVe II Port Technology

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa : 3 đường tiếng
Loa Bass : 2 x 162mm RST
Loa Mid : 1 x 100mm RST
Loa Treble : 1 x C-CAM H.F ribbon transducer
Công suất : 200W
Độ nhạy : 90dB
Trở kháng : 8 Ohm
Tần số : 30Hz-60kHz
Kích thước : 1060 x 210 x 330
Trọng lượng : 27.2kg



Gold 200

Đặc điểm loa

Loa mid/bass: C-CAM RST® (Rigid Surface Technology) mới
C-CAM® ứng dụng vào loa treble cho tần số lên 60kHz
Ribbon Transducer ứng dụng vào loa treble
HiVe II Port Technology

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa : 3 đường tiếng
Loa Bass : 2 x 137mm RST
Loa Mid : 1 x 100mm RST
Loa Treble : 1 x C-CAM H.F ribbon transducer
Công suất : 150W
Độ nhạy : 89dB
Trở kháng : 8 Ohm
Tần số : 35Hz-60kHz
Kích thước : 951 x 170 x 300
Trọng lượng : 22.2kg



Gold 100

Đặc điểm loa

Loa mid/bass: C-CAM RST® (Rigid Surface Technology) mới
C-CAM® ứng dụng vào loa treble cho tần số lên 60kHz
Ribbon Transducer ứng dụng vào loa treble
HiVe II Port Technology

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa : 2 đường tiếng
Loa Mid/Bass : 1 x 162mm RST
Loa Treble : 1 x C-CAM H.F ribbon transducer
Công suất : 120W
Độ nhạy : 88dB
Trở kháng : 8 Ohm
Tần số : 42Hz-60kHz
Kích thước : 362 x 210 x 303
Trọng lượng : 9.9kg



Gold 50

Đặc điểm loa

Loa mid/bass: C-CAM RST® (Rigid Surface Technology) mới
C-CAM® ứng dụng vào loa treble cho tần số lên 60kHz
Ribbon Transducer ứng dụng vào loa treble
HiVe II Port Technology

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa : 2 đường tiếng
Loa Mid/Bass : 1 x 137mm RST
Loa Treble : 1 x C-CAM H.F ribbon transducer
Công suất : 100W
Độ nhạy : 86dB
Trở kháng : 8 Ohm
Tần số : 55Hz-60kHz
Kích thước : 300 x 170 x 290
Trọng lượng : 4.75kg



Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa : 2 đường tiếng
Loa Bass : 1 x 162mm RST
Loa Mid : 2 x 100 mm RST
Loa Treble : 1 x C-CAM H.F ribbon transducer
2 x 25mm gold dome C-CAM
Công suất : 100W
Độ nhạy : 87dB
Trở kháng : 8 Ohm
Tần số : 60Hz-60kHz
Kích thước : 310 x 390 x 160
Trọng lượng : 11.9kg

Đặc điểm loa

Loa mid/bass: C-CAM RST® (Rigid Surface Technology) mới
C-CAM® ứng dụng vào loa treble cho tần số lên 60kHz
Ribbon Transducer ứng dụng vào loa treble
HiVe II Port Technology



Gold FX

Loa surround

Gold C 350

Loa centre

Loa mid/bass: C-CAM RST® (Rigid Surface Technology) mới
C-CAM® ứng dụng vào loa treble cho tần số lên 60kHz
Ribbon Transducer ứng dụng vào loa treble
HiVe II Port Technology

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa : 2 đường tiếng

Loa Mid/Bass 2 x 162mm RST
Mid 1 x 100 mm RST

Loa Treble : 1 x C-CAM H.F ribbon transducer

Công suất : 200W

Độ nhạy : 90dB

Trở kháng : 8 Ohm

Tần số : 40Hz-60kHz

Kích thước : 245 x 581 x 360

Trọng lượng : 19,6kg



Đặc tính kỹ thuật

C-CAM Driver

Thông số kỹ thuật

Loa Bass : 1 x 375 mm

Công suất : 650W-1200W

Trở kháng : 20 K Ohm

Tần số : 18Hz-120Hz

Kích thước : 430 x 400 x 400 mm

Trọng lượng : 35,3kg

Gold C 150

Loa centre

Loa mid/bass: C-CAM RST® (Rigid Surface Technology) mới
C-CAM® ứng dụng vào loa treble cho tần số lên 60kHz
Ribbon Transducer ứng dụng vào loa treble
HiVe II Port Technology

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa : 2 đường tiếng

Loa Bass/Mid 2 x 137 mm RST

Loa Treble : 1 x C-CAM H.F ribbon transducer

Công suất : 150W

Độ nhạy : 89dB

Trở kháng : 8 Ohm

Tần số : 55Hz-60kHz

Kích thước : 172 x 461 x 303

Trọng lượng : 6,9kg



Gold W 15

Loa subwoofer

Silver 6G

Silver 6G là thế hệ thứ 6 của dòng Silver nổi tiếng từ Monitor Audio. Loa cho được thiết kế với kiểu dáng mới, với nhiều thay đổi từ vỏ ngoài và cách điệu vành loa, trông đẹp và nghệ thuật. Loa ứng dụng các công nghệ từ dòng Platinum II hàng đầu với loa tweeter Gold Dome 25 mm được thiết kế lại hoàn chỉnh cho âm tần số cao chính xác
Veneer gỗ thật đẹp bằng sơn mài piano với nhiều màu, đáp ứng nhiều nhu cầu màu sắc khác nhau.



Silver 500

Đặc điểm loa

Kỹ thuật C-CAM® gold dome cho loa treble
HiVe®II port System x2 RST®
Hệ thống loa : 3 đường tiếng
Loa Bass : 2 x 200mm/ RST® Bass drivers
Loa Mid : 1 x 100mm/ RST® Bass/Mid driver
Loa Treble : 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất : 250W
Độ nhạy : 90dB
Trở kháng : 8 Ohm
Tần số : 30Hz-35kHz
Kích thước : 1050 x 230 x 300 mm
Trọng lượng : 22.8kg



Silver 300

Đặc điểm loa

Kỹ thuật C-CAM® gold dome cho loa treble
HiVe®II port System x 2 RST®
Hệ thống loa : 3 đường tiếng
Loa Bass : 2 x 150mm/ RST® Bass drivers
Loa Mid : 1 x 100mm/ RST® Mid driver
Loa Treble : 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất : 200W
Độ nhạy : 90dB
Trở kháng : 8 Ohm
Tần số : 32Hz-35kHz
Kích thước : 1021 x 245 x 360 mm
Trọng lượng : 20kg

Silver 200

Đặc điểm loa

Kỹ thuật C-CAM® gold dome cho loa treble
HiVe®II port System x 2 RST®
Hệ thống loa : 2.5 đường tiếng
Loa Bass : 1 x 150mm/ RST® Bass drivers
Loa Mid : 1 x 150mm/ RST® Mid driver
Loa Treble : 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất : 150W
Độ nhạy : 89dB
Trở kháng : 8 Ohm
Tần số : 35Hz-35kHz
Kích thước : 885 x 185 x 240 mm
Trọng lượng : 14.6kg





Silver 100

Đặc điểm loa

Kỹ thuật C-CAM® gold dome cho loa treble
 HiVe®II port System RST®
 Hệ thống loa : 2 đường tiếng
 Loa Bass/Mid : 1 x 200mm/ RST® Bass drivers
 Loa Treble : 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
 Công suất : 120W
 Độ nhạy : 88dB
 Trở kháng : 8 Ohm
 Tần số : 40Hz-35kHz
 Kích thước : 375 x 230 x 300 mm
 Trọng lượng : 9.3kg

Silver FX

Loa Surround

Đặc điểm loa

Gold C-CAM® ứng dụng vào loa treble RST®
Thông số kỹ thuật
 Hệ thống loa : 2 đường tiếng
 Loa Bass/ Mid : 1 x 150mm/ RST® Bass/Mid driver
 Loa Treble : 2 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
 Công suất : 85W
 Độ nhạy : 87dB
 Trở kháng : 4 Ohm
 Tần số : 60Hz-35kHz
 Kích thước : 250 x 310 x 130 mm
 Trọng lượng : 4.3kg



Silver C350

Loa centre

Đặc điểm loa

Gold C-CAM® ứng dụng vào loa treble RST®

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa : 2 đường tiếng
 Loa Bass/ Mid : 2 x 150mm/ RST®
 Mid : 1 x 100mm/ RST®
 Loa Treble : 1 x 25mm/C-CAM® gold dome
 Công suất : 200W
 Độ nhạy : 90dB
 Trở kháng : 8 Ohm
 Tần số : 40Hz-35kHz
 Kích thước : 235 x 560 x 240 mm
 Trọng lượng : 14.9kg



Silver 50

Đặc điểm loa

Kỹ thuật C-CAM® gold dome cho loa treble
 HiVe®II port System RST®
 Hệ thống loa : 2 đường tiếng
 Loa Bass/Mid : 1 x 100mm/ RST® Bass drivers
 Loa Treble : 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
 Công suất : 100W
 Độ nhạy : 87dB
 Trở kháng : 8 Ohm
 Tần số : 52 Hz-35kHz
 Kích thước : 270 x 165 x 240 mm
 Trọng lượng : 6kg

Silver W12

Loa Subwoofer

Đặc điểm loa

C-CAM® Bass Driver

Thông số kỹ thuật

Loa Bass : 1 x 300mm/ C-CAM Bass driver
 Công suất : 500W/ class D
 Tần số : 40Hz-120 Hz
 Kích thước : 340 x 340 x 380 mm
 Trọng lượng : 20.1kg



Silver

Monitor Audio cho ra đời dòng Silver để thay thế dòng Silver RX trước đây. Đặc điểm kỹ thuật của dòng Silver được thừa hưởng từ dòng 2 dòng Platinum và Gold với những thay đổi về chất liệu đến việc xây dựng thùng loa và hệ thống phân tần. Bề ngoài được thiết kế sang trọng với màu vân gỗ Wanut hoặc màu đen sơn mài bóng loáng. Các củ loa có màng trắng bạc, trông nổi bật trên thùng loa, tạo một điểm nhấn thẩm mỹ khi bạn trưng bày nó trong phòng.



Silver 10

Đặc điểm loa

Kỹ thuật C-CAM® gold dome cho loa treble
HiVe®II port System x2 RST®
Hệ thống loa : 3 đường tiếng
Loa Bass : 2 x 200mm/ RST® Bass drivers
Loa Mid : 1 x 100mm/ RST® Bass/ Mid driver
Loa Treble : 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất : 250W
Độ nhạy : 90dB
Trở kháng : 4 Ohm
Tần số : 30Hz-35kHz
Kích thước : 1050 x 230 x 300 mm
Trọng lượng : 26.3kg

Silver 8

Đặc điểm loa

Kỹ thuật C-CAM® gold dome cho loa treble
HiVe®II port System x 2 RST®
Hệ thống loa : 3 đường tiếng
Loa Bass : 2 x 150mm/ RST® Bass drivers
Loa Mid : 1 x 100mm/ RST® Mid driver
Loa Treble : 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất : 200W
Độ nhạy : 90dB
Trở kháng : 4 Ohm
Tần số : 32Hz-35kHz
Kích thước : 1021 x 245 x 360 mm
Trọng lượng : 23.3kg

Silver 6

Đặc điểm loa

Kỹ thuật C-CAM® gold dome cho loa treble
HiVe®II port System x 2 RST®
Hệ thống loa : 2.5 đường tiếng
Loa Bass : 1 x 150mm/ RST® Bass drivers
Loa Mid : 1 x 150mm/ RST® Mid driver
Loa Treble : 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất : 150W
Độ nhạy : 90dB
Trở kháng : 8 Ohm
Tần số : 35Hz-35kHz
Kích thước : 885 x 185 x 240 mm
Trọng lượng : 16.6kg

Silver 2

Đặc điểm loa

Kỹ thuật C-CAM® gold dome cho loa treble
HiVe®II port System RST®
Hệ thống loa : 2 đường tiếng
Loa Bass/Mid : 1 x 200mm/ RST® Bass drivers
Loa Treble : 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất : 120W
Độ nhạy : 88dB
Trở kháng : 8 Ohm
Tần số : 40Hz-35kHz
Kích thước : 375 x 230 x 300 mm
Trọng lượng : 9.7kg

Silver W12

Loa Subwoofer

Đặc điểm loa

C-CAM® Bass Driver
Thông số kỹ thuật
Loa Bass : 1 x 300mm/ C-CAM Bass driver
Công suất : 500W/ class D
Tần số : 40Hz-120 Hz
Kích thước : 340 x 340 x 410 mm
Trọng lượng : 20.1kg

Silver Centre

Loa centre

Đặc điểm loa

Gold C-CAM® ứng dụng vào loa treble RST®
Thông số kỹ thuật
Hệ thống loa : 2 đường tiếng
Loa Bass/ Mid : 2 x 150mm/ RST® Bass driver
Loa Treble : 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất : 150W
Độ nhạy : 90dB
Trở kháng : 8 Ohm
Tần số : 45Hz-35kHz
Kích thước : 185 x 500 x 200 mm
Trọng lượng : 9.62kg

Silver 1

Đặc điểm loa

Kỹ thuật C-CAM® gold dome cho loa treble
HiVe®II port System RST®
Hệ thống loa : 2 đường tiếng
Loa Bass/Mid : 1 x 100mm/ RST® Bass drivers
Loa Treble : 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất : 100W
Độ nhạy : 87dB
Trở kháng : 8 Ohm
Tần số : 45Hz-35kHz
Kích thước : 312 x 185 x 240 mm
Trọng lượng : 6.95kg

Silver FX

Loa Surround

Đặc điểm loa

Gold C-CAM® ứng dụng vào loa treble RST®
Thông số kỹ thuật
Hệ thống loa : 2 đường tiếng
Loa Bass/ Mid : 1 x 150mm/ RST® Bass/Mid driver
Loa Treble : 2 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất : 85W
Độ nhạy : 87dB
Trở kháng : 8 Ohm
Tần số : 60Hz-35kHz
Kích thước : 250 x 311 x 130 mm
Trọng lượng : 4.69kg



Bronze Series

Dòng loa Bronze mới được thừa hưởng tất cả những đặc điểm kỹ thuật và củ loa từ dòng RX trước đây. Giờ đây series Bronze có một chất âm hoàn toàn khác, vô cùng đặc sắc và thật sự dễ phối ghép với các dòng Ampli cho dù có công suất thấp. Đây là một cải tiến đáng được khen ngợi của Monitor Audio, hãng loa có những phát triển vượt bậc, chịu đầu tư và cải thiện sản phẩm nhất.



Bronze 2

Hệ thống loa : 2 đường tiếng
 Loa Mid/Bass : 1 x 162mm/ C-CAM®
 1 x 25mm gold dome C-CAM® tweeter
 Công suất : 100W
 Độ nhạy : 90dB
 Trở kháng : 8 Ohm
 Tần số : 42Hz-30kHz
 Kích thước : 350 x 185 x 255 mm
 Trọng lượng : 5.3kg



Bronze 6

Hệ thống loa : 3 đường tiếng
 Loa Bass : 2 x 162mm/ C-CAM®
 Loa Mid/Bass : 1 x 162mm/ C-CAM®
 Loa Treble : 1 x 25mm/ gold dome C-CAM®
 Công suất : 150W
 Độ nhạy : 90dB
 Trở kháng : 8 Ohm
 Tần số : 34Hz-30kHz
 Kích thước : 985 x 185 x 315 mm
 Trọng lượng : 16.6kg

Bronze 5

Hệ thống loa : 3 đường tiếng
 Loa Bass : 1 x 137mm/ C-CAM®
 Loa Mid/Bass : 1 x 137mm/ C-CAM®
 Công suất : 120W
 Độ nhạy : 90dB
 Trở kháng : 8 Ohm
 Tần số : 37Hz-30kHz
 Kích thước : 850 x 165 x 248 mm
 Trọng lượng : 11kg



Bronze 1

Hệ thống loa : 2 đường tiếng
 Loa Mid/Bass : 1 x 137mm/ C-CAM®
 Treble : 1 x 25mm gold dome C-CAM® tweeter
 Công suất : 70W
 Độ nhạy : 88dB
 Trở kháng : 8 Ohm
 Tần số : 55Hz-30kHz
 Kích thước : 260 x 165 x 185 mm
 Trọng lượng : 3.5kg

MONITOR REFERENCE

MR6

Hệ thống loa : 3 đường tiếng
 Loa Bass : 2 x 162mm
 Loa Mid : 1 x 162mm
 Loa Treble : 1 x 25mm gold dome C-CAM®
 Công suất : 150W
 Độ nhạy : 90dB
 Trở kháng : 6 Ohm
 Tần số : 33Hz-30kHz
 Kích thước : 970 x 200 x 300mm
 Trọng lượng : 17.2kg



MR4

Hệ thống loa : 3 đường tiếng
 Loa Bass : 1 x 162mm
 Loa Mid : 1 x 162mm
 Loa Treble : 1 x 25mm gold dome C-CAM®
 Công suất : 150W
 Độ nhạy : 91dB
 Trở kháng : 6 Ohm
 Tần số : 33Hz-30kHz
 Kích thước : 850 x 185 x 255mm
 Trọng lượng : 12kg

MR2

Hệ thống loa : 2 đường tiếng
 Loa Mid/Bass : 1 x 162mm
 Loa Treble : 1 x 25mm gold dome C-CAM®
 Công suất : 100W
 Độ nhạy : 90dB
 Trở kháng : 6 Ohm
 Tần số : 42Hz-30kHz
 Kích thước : 350 x 185 x 250mm
 Trọng lượng : 5.6kg





MR1

Loa bookshelf / surround

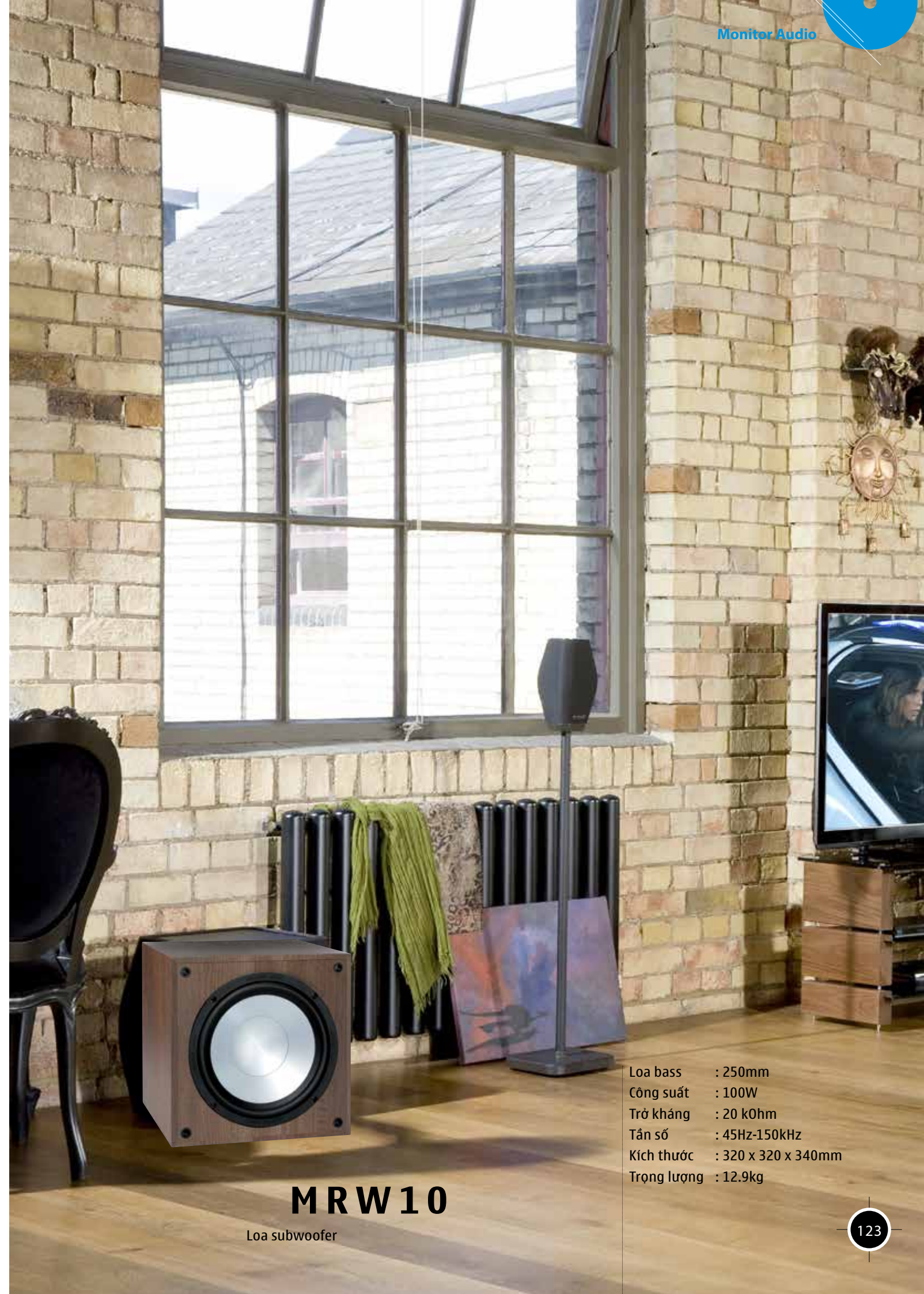
Hệ thống loa : 2 đường tiếng
 Loa Mid/Bass : 1 x 137mm
 Loa Treble : 1 x 25mm gold dome C-CAM®
 Công suất : 70W
 Độ nhạy : 88dB
 Trở kháng : 6 Ohm
 Tần số : 55Hz-30kHz
 Kích thước : 260 x 165 x 180mm
 Trọng lượng : 3.5kg



MR Centre

Loa centre

Hệ thống loa : 2 đường tiếng
 Loa Mid/Bass : 2 x 137mm
 Loa Treble : 1 x 25mm gold dome C-CAM®
 Công suất : 150W
 Độ nhạy : 91dB
 Trở kháng : 6 Ohm
 Tần số : 60Hz-30kHz
 Kích thước : 165 x 460 x 165 mm
 Trọng lượng : 6.2 kg



MRW10

Loa subwoofer

Loa bass : 250mm
 Công suất : 100W
 Trở kháng : 20 kOhm
 Tần số : 45Hz-150kHz
 Kích thước : 320 x 320 x 340mm
 Trọng lượng : 12.9kg

AZUR SERIES



Tính năng kỹ thuật:

Công suất : 200W RMS(8 Ohm)/350W RMS (4 Ohm)
 Nối cầu công suất: mono 500W 8 Ohms 800W 4 Ohms
 Ngõ vào : 2 x balanced XLR/8 x RCA
 Tần số : 5Hz - 80kHz
 Kích thước : 148 x 430 x 365mm (CxNxS)
 Trọng lượng : 19.1Kg

Azur 851W

Power Amplifier



Azur 851A

Integrated Amplifier

Tính năng kỹ thuật:

Ampli tích hợp 2 kênh, mạch công suất class XD cho hiệu suất cực kỳ tốt. Khả năng phối ghép nhiều dòng loa cho âm thanh với tiếng mid trong, rõ, âm bass mềm mại sâu lắng. Màn hình LED hiển thị thông tin.

Công suất : 120W RMS(8 Ohm)/200W RMS (4 Ohm)
 Ngõ vào : 2 x balanced XLR/8 x RCA
 Ngõ ra : Preamp output/Record output
 Kích thước : 430 x 115 x 385mm (CxNxS)
 Trọng lượng : 15.0Kg

Azur 851C

CD Player

Tính năng kỹ thuật:

Azur 851C có thể xem như một đầu phát hiend dùng cho audiophile và cũng có thể hoạt động như một preampli và bộ DAC cao cấp. Bộ chuyển đổi tín hiệu kết hợp kỹ thuật ATF2TM có khả upsampling tần số lấy mẫu lên đến 384kHz, cho âm thanh độ phân giải cao.

Bộ DAC : 2 x Analog Devices AD1955 24 bit
 Ngõ vào : 2 x optical/ 1 x coaxial/ 1 x USB (b)
 Ngõ ra : 1 x balace/ 1 x RCA
 Kích thước : 430 x 115 x 360mm (CxNxS)
 Trọng lượng : 10.0Kg





CXU

Đầu phát Bluray và HD

Network Playback: CXU có thể kết nối network bằng cáp hoặc wireless. Điều này có nghĩa nó có thể kết nối vào mạng nhà bạn và có thể nghe nhạc, xem phim hoặc các file hình bằng phương thức OPnP và DLNA và hệ thống NAS.

Loại đĩa	:Blu-ray (BD) including BD-3D, DVD, DVD-A, AVCHD, SACD, CD, HDCD, Kodak Picture CD, CD-R/RW, DVD+-R/RW, DVD+-R DL, BD-R/RE
Ngõ ra video	:2 x HDMI 1.4a với ARC
Ngõ ra audio	:7.1 RCA/Phono, 1 x coaxial, 1 x optical, 2 kênh stereo RCA/Phono chuyên biệt
Ngõ vào HDMI	:2 x 1.4a (one with MHL compatibility via the front panel)
Ngõ vào audio	:1 x Coaxial, 1 x Optical
D/A converters	:5 x Wolfson WM8740 24-bit/192kHz DACs
Decoder	:Mediatek MTK8580
Audio Up-Sampler	Analog Devices DSP running Anagram Technologies (TM) Q5 up-sampling to 24 bit/192kHz (10 kênh)
Video processor	:DARBE Visual Presence (on primary output)
Ngõ USB gắn ngoài	:3 x USB 2.0
Network: Ethernet	: 100BASE-T, Wi-fi: 802.11 b/g/n dùng ổ dongle. 2.4GHz
Kích thước	: 82 x 430 x 312mm (NxCxS)
Trọng lượng	:5.0kg



CXA60

Integrated Amplifiers

Mạnh mẽ, chính xác và kết nối digital

Tính năng kỹ thuật:

Ampli tích hợp 2 kênh, 80W x2, mạch công suất class A/B. Ngõ vào digital dùng kết nối các thiết bị nghe nhạc số như laptop, đầu phát HD... Bộ xử lý 24 bit/192kHz với chip DA WM8740 của Wolfson

Công suất	: 60W RMS(8 Ohm)/90W RMS (4 Ohm)
DAC	: Wolfson WM8740
Ngõ vào Analog	: 4 x RCA , 1 x 3.5mm MP3
Ngõ vào Digital	: 1 x coaxial, 2 x optical, Bluetooth qua BT100 (không kèm theo máy)
Tương thích	: TOSLINK optical, S/PDIF coaxial, BT100 Bluetooth receiver
Ngõ ra	: Speakers A+B, 3.5mm Headphone, Preamp Output, Subwoofer Output
Kích thước	: 430 x 115 x 341mm (NxCxS)
Trọng lượng	: 8.3Kg

CXA80

Integrated amplifiers

Mạnh mẽ, chính xác và kết nối digital

Tính năng kỹ thuật:

Ampli tích hợp 2 kênh, 80W x2, mạch công suất class A/B. Ngõ vào digital dùng kết nối các thiết bị nghe nhạc số như laptop, đầu phát HD... Bộ xử lý 24 bit/192kHz với chip DA WM8740 của Wolfson

Công suất	: 80W RMS(8 Ohm)/120W RMS (4 Ohm)
DAC	: Wolfson WM8740
Ngõ vào Analog	: 1 x balanced XLR/4 x RCA , 1 x 3.5mm MP3
Ngõ vào Digital	: 1 x coaxial, 2 x optical, 1 x USB audio, Bluetooth qua BT100 (không kèm theo máy)
Tương thích	: TOSLINK optical, S/PDIF coaxial, USB 1.0 and 2.0, BT100 Bluetooth receiver
Ngõ ra	: Speakers A+B, 3.5mm headphone, Preamp Output, Subwoofer Output
Kích thước	: 430 x 115 x 341mm (NxCxS)
Trọng lượng	: 8.7Kg



CXC

CD Transport cao cấp

Cambridge CXC là một CD transport thuộc dòng CX. Nó được thiết kế đặc biệt để có thể đi chung với Ampli stereo CXA60 hoặc CXA80 với bộ giải mã bên trong. Cốt lõi của CXC là bộ servo S3 danh tiếng có hãng Cambridge Audio. Nó được thiết kế để phục hồi hiệu quả dữ liệu digital của CD với bộ chỉnh sửa cao cấp, vốn thiết kế để phát những CD nhạc xuất sắc.

Kết nối với DAC rời hoặc với CXA 80 và CXA 60

Ngõ ra optical	: Coaxial x1, Optical x 1
Kích thước	: 85 x 430 x 315mm (NxCxS)
Trọng lượng	: 4.7kg



Một Ampli với thiết kế công suất vừa đủ cho những ai có nhu cầu nghe nhạc 2 kênh ở mức giá thấp nhất có thể nhưng vẫn đảm bảo chất lượng âm thanh.

Tính năng kỹ thuật:

Công suất : 50W RMS (4 Ohm)
 Ngõ vào : 4 RCA, 1 x 3.5
 Kích thước : 80 x 430 x 340mm (NxCxS)
 Trọng lượng : 5.1Kg

TOPAZ AM5

Entry-Level Integrated Amplifier



Topaz AM10 có mạch cân bằng và điều khiển volume xuất sắc đối với một Ampli tầm giá này là nhờ vào nhãn hiệu hifi uy tín và nghiêm túc trong thiết kế. Công suất 70W (4 Ohm) x 2 kênh đủ để đánh những đôi loa vừa tầm của nó.

Tính năng kỹ thuật:

Biến áp hình xuyên cấp nguồn mạnh mẽ
 Công suất : 70W RMS (4 Ohm)
 Ngõ vào : 4 x RCA, 1 x 3.5
 Kích thước : 80 x 430 x 340mm (NxCxS)
 Trọng lượng : 5.1Kg

TOPAZ AM10

Integrated Amplifier



TOPAZ CD5

Entry-Level Cd Player

Các liên kiện sử dụng trong TOPAZ CD5 là loại dùng trong những đầu CD cao cấp. Bằng cách tập trung vào các thành phần làm tăng chất lượng âm thanh, cắt giảm thêm chi phí và những tính năng không cần thiết, Cambridge có thể cung cấp hiệu suất âm thanh rất cao.

DAC : Wolfson Microelectronics WM8725
 Định dạng : CD-DA/CD-R/CD-RW/CD-ROM; MP3/MP3 Pro/WMA
 Ngõ ra : 1 x RCA
 Kích thước : 80 x 430 x 305mm (NxCxS)
 Trọng lượng : 4.3kg

TOPAZ CD10

Cd Player

Topaz CD10 cung cấp hiệu suất âm thanh tuyệt vời nhờ vào một chip kĩ thuật số Wolfson 8761 để chuyển đổi tín hiệu Analog. Nó có thể chơi tất cả các định dạng đĩa của bạn và tái tạo âm nhạc một cách tuyệt vời nhất.

DAC : Wolfson Microelectronics WM8761
 Định dạng : CD-DA/CD-R/CD-RW/CD-ROM; MP3/MP3 Pro/WMA
 Ngõ ra : 1 x RCA/ Coaxial x 1
 Kích thước : 80 x 430 x 305mm (NxCxS)
 Trọng lượng : 4.3kg



DAC & STREAMER

Azur 851N là một DAC kết hợp đầu phát network đỉnh cao của Cambridge Audio. Nó được tích hợp những đặc điểm của một DAC cao cấp nhất gồm bộ chuyển đổi và upsampling lên 24bit/384kHz từ tất cả các nguồn phát, chơi được các file nhạc 24 bit/192kHz và DSD. Ngõ vào USB và truyền phát qua ngõ wifi gồm phương thức UpnP, NAS, Spotify, Apple AirPlay.

- DAC : 2 x Analog Devices AD1955 24-bit
- Ngõ vào Digital : 1 x AES/EBU, 2 x coaxial, 2 x optical, USB-B, USB- Audio (DSD)
- Ngõ ra Analog : Balanced XLR, RCA
- Có thể cắm BT100 để nhận tín hiệu Bluetooth: A2DP plus aptX
- Định dạng âm thanh : ALAC, WAV, FLAC, AIFF, WMA, MP3, AAC, HE AAC, AAC+, OGG Vorbis
- Kích thước : 115 x 430 x 360mm (NxCxS)
- Trọng lượng : 8.1kg

AZUR 851N

Dac, Preampli & Streamer



Azur851D là chiếc DAC cao cấp nhất của Cambridge với bộ giải mã dùng chip đôi Analog Devices AD1955 có khả năng upsampling lên 24bit/384kHz từ tất cả các nguồn phát, chơi được các file nhạc 24 bit/192kHz

- DAC Upsampling 2 chip xử lý DAC AD1955 24-bit Analog Devices Black Fin ADSP-BF532 32-bit DSP performing 2nd Generation ATF2 upsampling to 24-bit/384kHz. Linear phase, minimum phase or steep modes.
- Ngõ vào digital Coaxial, optical, BNC, AES/EBU, BT100 Bluetooth
- Ngõ vào USB USB - B (1.0/2.0)
- Ngõ ra analog Balanced, RCA, 6.35mm cho headphone (hỗ trợ 600 Ohm headphones, tuy nhiên khuyến khích loại 300 Ohms)
- Sample rates supported USB Audio 1.0 16-24 bit, 32-96kHz USB Audio 2.0 16-24 bit, 32-192kHz,TosLink 16-24 bit, 32-96kHz S/PDIF 16-24 bit, 32-192kHz BNC 16-24 bit, 32-192kHz AES/EBU 16-24 bit, 32-192kHz
- BT100 Bluetooth receiver A2DP plus aptX
- Kích thước 115 x 430 x 360mm (NxCxS)
- Trọng lượng 7.5kg

AZUR 851D

DAC





CXN

DAC, Preampli & Streamer

Trên nền tảng của Stream Magic 6 vốn đã đạt nhiều giải thưởng từ các tạp chí chuyên ngành âm thanh, Cambridge Audio đã thiết kế thành công bộ DAC + Streamer CXN, để phát tất cả các file nhạc từ các file nhạc nén MP3 đến những file lossless 24bit/192kHz như FLAC và WAV với chất âm đầy nhạc tính

Kết nối không dây, tích hợp Spotify, AirPlay, truy xuất nhạc như một máy chủ NAS và UpnP

DAC: 2 x Wolfson WM8740 24-bit DACs

Ngõ vào Digital: Coaxial, Optical, USB-B, USB- Audio (DSD)

Ngõ ra Analog : Balance/ RCA

Ngõ ra Digital: Coaxial/Optical

Có thể cắm BT100 để nhận tín hiệu Bluetooth: A2DP plus aptX

Định dạng âm thanh: ALAC, WAV, FLAC, AIFF, WMA, MP3, AAC, HE AAC, AAC+, OGG Vorbis

Kích thước: 85 x 430 x 305mm (NxCxS)

Trọng lượng: 3.5Kg (7.7lbs)

Phono Stage

CP1

Moving magnet phono preamplifier

Max power consumption : MM: 5W

Gain @ 1kHz: MM : 39dB

Input impedance : MM: 47 kOhm

Kích thước (NxCxS) : 46 x 215 x 133mm

Trọng lượng : 0.8Kg



CP2

Moving magnet and moving coil phono preamplifier

Max power consumption : MM: 5W/ MC: 5W

Gain @ 1kHz: MM : 39dB/ MC: 55dB

Input impedance : MM: 47 kOhm/ MC: 100 Ohm

Kích thước (NxCxS) : 46 x 215 x 133mm

Trọng lượng : 0.9Kg

DacMagic 100

Digital/Analog Converter



DAC: 1 x Wolfson WM8742 24-bit DACs

Ngõ vào Digital: Coaxial, Optical, USB-B

Ngõ ra Analog : RCA

Digital input sampling frequencies supported:

32kHz, 44.1kHz, 48kHz, 88.2kHz, 96kHz, 192kHz

Kích thước: 106 x 46 x 130mm (NxCxS)

Trọng lượng: 0.5Kg

DacMagic XS

DacMagic XS là DAC chuyên dụng cho các bạn nghe tai nhạc bằng tai nghe. Nó kết nối với Laptop, dùng bộ giải mã trong DacMagic XS để cho âm thanh sạch, trong và rõ nhất. Ngoài tính năng DAC cho headmapli, bạn cũng có thể dùng nó cho một DAC của dàn hifi mà âm thanh sẽ được cải thiện rất nhiều so với dùng trực tiếp với laptop



BT100

Bộ thu sóng bluetooth dùng cho sản phẩm Cambridge Audio

Dùng để cắm vào các thiết bị của Cambridge Audio như DAC và Ampli để nhận sóng bluetooth từ các thiết bị phát như smartphone hoặc laptop

Accuphase

Accuphase là một tên tuổi lớn trong làng Hiend thế giới. sản phẩm của Accuphase đa dạng, từ Ampli integrated, đầu phát CD, Pre/Power đến các thiết bị lọc nguồn. Đặc tính của Accuphase là sản phẩm rất bền, chất lượng âm thanh cao, được các audiophile thế giới khen tặng và các tạp chí chuyên ngành đánh giá cao.

Thuật ngữ kỹ thuật

AAVA (Accuphase Analog Vari-gain Amplifier): Mạch kiểm soát âm lượng ở phần tiền khuếch đại. Nguyên lý hoạt động là chuyển nạp tín hiệu âm nhạc vào mạch khuếch đại chuyển đổi điện thế qua dòng (V-I). Sau đó phân thành 16 nấc dòng điện (1/2, 1/4, ..., 1/32, 768, 1/65, 536) và được điều khiển qua mạch On/Off dùng chip xử lý. Cuối cùng của mạch xử lý này là chuyển dòng điện chứa tín hiệu âm thanh về lại điện thế. Khi dòng thay đổi từ thấp đến cao, điện thế đầu ra sẽ thay đổi và điều chỉnh âm lượng âm thanh. Vì không sử dụng chiếc áp bằng điện trở thông thường, nên trở kháng không thay đổi dù tăng volume, loại bỏ hoàn toàn các vấn đề nhiễu nền trên tín hiệu (S/N Ratio) và giữ nguyên chất lượng tín hiệu âm thanh từ ngõ vào đến đầu ra. Nhờ vậy, các ampli của Accuphase được cho là tái tạo âm thanh rõ và rất trung thực.

MDSD(Multiple Double Speed DSD)

Là kỹ thuật mới có tác dụng giảm ồn trong quá trình phát đĩa SACD. Tín hiệu ghi trên SACD (2.822 MHz, 1 bit DSD signal) có đáp tuyến tần số và độ động rất rộng. Tuy nhiên về nguyên lý nó gồm cả thành phần ồn lượng tử vượt ngưỡng tai người nghe khoảng trên 100kHz. Mạch MDSD kết hợp giữa tốc độ gấp đôi và mạch lọc trung bình động để loại bỏ các thành phần nhiễu ở tần số siêu cao. Đây chính là kỹ thuật cốt lõi của Accuphase dành cho đầu phát cao cấp. Trải qua nhiều phiên bản, mạch DAC này được nâng cấp ngày càng hoàn thiện và cho chất âm mượt mà và trung thực hơn.

MCS(Multiple Circuit Summing-up)

MCS Là kỹ thuật cải thiện hiệu suất mạch khuếch đại analog. Nguyên lý cơ bản nó giống như kỹ thuật MMB và MDS. Đơn giản là kết nối nhiều mạch song song để tạo thành một mạch, nhằm tăng hiệu suất hoạt động lên nhiều lần

MDS (Multi Delta Sigma)

Kỹ thuật cải thiện hiệu suất các bộ chuyển đổi D/A bằng cách ghép song song nhiều chip xử lý Sigma để tốc độ chuyển đổi nhanh và giảm nhiễu tốt hơn. Kỹ thuật này cơ bản dựa trên kỹ thuật trước là MMB (Multiple Multi-Bit) và cũng là nền tảng để phát triển các kỹ thuật khác như MDS+, MDS++, MCS và MCS+

Preamplifier

C - 3850

Precision Stereo Preamplifier
Preamplifier đỉnh cao của Accuphase.

Đặc điểm: Mạch kiểm soát âm lượng AAVA. Hai biến áp nguồn riêng cho 2 kênh. Mạch gain có thể hiệu chỉnh. Từng modul bo mạch 2 kênh tách biệt hoàn toàn.

Gain selector : 12dB, 18dB, 24dB
Ngõ vào : 6 x RCA/ 4 x balance
Ngõ ra : 2 x RCA/ 2 x balance
EXT PRE : 1 x RCA/ 1 x balance
Kích thước : 156 x 477x 412
Trọng lượng : 24.8Kg



C - 2850

Precision Stereo Preamplifier

Đặc điểm: Mạch kiểm soát âm lượng AAVA. Hai biến áp nguồn riêng cho 2 kênh. Mạch gain có thể hiệu chỉnh. Từng modul bo mạch 2 kênh tách biệt hoàn toàn.

Gain selector : 12dB, 18dB, 24dB
Ngõ vào : 5 x RCA/ 2 x balance
Ngõ ra : 2 x RCA/ 2 x balance
EXT PRE : 1 x RCA/ 1 x balance
Kích thước : 156 x 477x 412
Trọng lượng : 23.7Kg





C-2450

Precision Stereo Preamplifier

Đặc điểm: Thừa hưởng những đặc điểm kỹ thuật của C-2850. Mạch kiểm soát âm lượng AAVA. Hai biến áp nguồn riêng cho 2 kênh. Mạch gain có thể hiệu chỉnh. Từng modul bo mạch 2 kênh tách biệt hoàn toàn.

Gain selector : 12dB, 18dB, 24dB
 Ngõ vào : 5 x RCA/ 2 x balance
 Ngõ ra : 2 x RCA/ 2 x balance
 EXT PRE : 1 x RCA/ 1 x balance
 Kích thước : 150 x 465x 409
 Trọng lượng : 19.2Kg



C-2120

Precision Stereo Preamplifier

Đặc điểm: Mạch kiểm soát âm lượng AAVA. Hai biến áp nguồn riêng cho 2 kênh. Mạch gain có thể hiệu chỉnh. Từng modul bo mạch 2 kênh tách biệt hoàn toàn.

Gain selector : 12dB, 18dB, 24dB
 Ngõ vào : 5 x RCA/ 2 x balance
 Ngõ ra : 2 x RCA/ 1 x balance
 EXT PRE : 1 x RCA/ 1 x balance
 Kích thước : 150 x 465x 405
 Trọng lượng : 16.8Kg



C-37

Stereo Phono Amplifier

Sản phẩm kỷ niệm 40 năm thành lập hãng.

Đặc điểm: Mạch khuếch đại ngõ vào MM/MC với mức ồn cực thấp. Linh hoạt chuyển đổi trở kháng với ba mức cho MM và sáu mức cho MC. Ba ngõ vào analog với bộ nhớ thiết lập riêng.

MM : 1kΩ, 47kΩ, 100kΩ
 MC : 3Ω, 10Ω, 30Ω, 100Ω, 300Ω, 1kΩ
 Ngõ vào : 3 x RCA
 Ngõ ra : 1 x RCA/ 1 x balance
 Kích thước : 114 x 465x 407
 Trọng lượng : 20Kg



Power Amplifier



Bằng tuyệt kỹ của riêng mình, Accuphase đã tạo ra những sản phẩm để đời đúng nghĩa nhất cho làng audiophile trên toàn thế giới. Những sản phẩm của Accuphase được chắt chiu từ khối óc và con tim của đội ngũ kỹ sư của hãng để đánh đổi lại sự trân trọng của giới yêu nhạc. A250 là chiếc PowerAmpli vào hàng đỉnh cao mà bất kỳ ai cũng mơ ước được sở hữu nó trong đời sống âm nhạc.

A 250

CLASS-A MONOPHONIC POWER AMPLIFIER



Power pure Class A. 100 W (8 Ohm)
Hai mạch khuếch đại riêng biệt nối song song
20 MOS-FET bắt song song trong mạch Push-Pull cho công suất cao chịu được trở kháng siêu thấp đến 1 Ohm
Biến áp nguồn cực lớn với tụ lọc có trị số cao
Công suất: 400 W (2 ohm) /200 W(4 ohm)/100 W (8 ohm)
Tần số: 20 Hz-20kHz
Damping Factor: 1000
S/N: 127 dB
Kích thước: 238 x 565 x 514mm
Trọng lượng: 46Kg

A 70

Class-A 60W/Ch Stereo Power Amplifier



Power pure Class A. 80 W (8 Ohm) x 2 CH
10 MOS-FET bắt song song trong mạch Push-Pull cho công suất cao chịu được trở kháng siêu thấp đến 1 Ohm.
Có thể nối cầu trở thành Power mono có công suất lớn gấp đôi
Biến áp nguồn cực lớn với tụ lọc có trị số cao
Công suất : 240 W (2 ohm) /120 W(4 ohm)/60 W (8 ohm)
Công suất nối cầu Mono : 480 W (4 ohm)/240 W (8 ohm)
Tần số : 20 Hz-20kHz
Kích thước : 238 x 465 x 515mm
Trọng lượng : 43.3Kg

A 47

Class-A 45W/Ch Stereo Power Amplifier



Power pure Class A. 45 W (8 Ohm) x 2 CH
6 MOS-FET bắt song song trong mạch Push-Pull cho công suất cao chịu được trở kháng siêu thấp đến 1 Ohm.
Có thể nối cầu trở thành Power mono có công suất lớn gấp đôi
Biến áp nguồn cực lớn với tụ lọc có trị số cao
Công suất : 180 W (2 ohm) /90 W(4 ohm)/45 W (8 ohm)
Công suất nối cầu Mono: 360 W (4 ohm)/180 W (8 ohm)
Tần số : 20 Hz-20kHz
Kích thước : 211 x 465 x 464mm
Trọng lượng : 31.9Kg

A 36

Class-A 30W/Ch Stereo Power Amplifier



Power pure Class A. 30 W (8 Ohm) x 2 CH
3 MOS-FET bắt song song trong mạch Push-Pull cho công suất cao chịu được trở kháng siêu thấp đến 1 Ohm.
Có thể nối cầu trở thành Power mono có công suất lớn gấp đôi
Biến áp nguồn cực lớn với tụ lọc có trị số cao
Công suất: 120 W (2 ohm) /60 W(4 ohm)/30 W (8 ohm)
Công suất nối cầu Mono: 240 W (4 ohm)/120 W (8 ohm)
Tần số: 20 Hz-20kHz
Kích thước: 171 x 465 x 425mm
Trọng lượng: 22.8Kg



M 6200

Monophonic Power Amplifier

Hai mạch công suất nổi song song
 16 MOS-FET bắt song song trong mạch Push-Pull cho công suất cao
 Có thể nối cầu 2 Power M-6200 để có công suất cao hơn
 Biến áp nguồn cực lớn với tụ lọc có trị số cao
 Công suất : 600 W (2 ohm) /300 W(4 ohm)/150 W (8 ohm)
 Tần số : 20 Hz-20kHz
 Kích thước : 220 x 465 x 500mm
 Trọng lượng : 40 Kg



P 6100

Stereo Power Amplifier

8 MOS-FET bắt song song trong mạch Push-Pull cho công suất cao
 Có thể nối cầu 2 Power M-6000 để có công suất cao hơn
 Biến áp nguồn cực lớn với tụ lọc có trị số cao
 Công suất : 440 W (2 ohm) /220 W(4 ohm)/110 W (8 ohm)
 Công suất nối cầu Mono: 880 W (4 ohm)/440 W (8 ohm)
 Tần số : 20 Hz-20kHz
 Kích thước : 221 x 465 x 499mm
 Trọng lượng : 42.7Kg



P 7300

Stereo Power Amplifier

Công suất:
 Công suất nối cầu Mono:
 Tần số:
 Kích thước
 Trọng lượng:

3 MOS-FET bắt song song trong mạch Push-Pull cho công suất cao
 Có thể nối cầu 2 Power M-6000 để có công suất cao hơn
 Biến áp nguồn cực lớn với tụ lọc có trị số cao
 Công suất : 360 W (2 ohm) /180 W(4 ohm)/90 W (8 ohm)
 Công suất nối cầu Mono: 720 W (4 ohm)/360 W (8 ohm)
 Tần số : 20 Hz-20kHz
 Kích thước : 190 x 465 x 427mm
 Trọng lượng : 28.9Kg

P 4200

Stereo Power Amplifier



Integrated Ampli



Accuphase E 600



Ampli tích hợp Pure Class A
 Mạch AAVA volume control. Tăng ra với 3
 mạch song song Push pull bằng sò MOS-FET
 Công suất : 120 W/ch 2-ohm load
 60 W/ch 4-ohm load
 30 W/ch 8-ohm load
 Kích thước : 191 x 465 x 428
 Trọng lượng : 24.7Kg



E 470

Mạch AAVA volume control. Tăng ra với 3
 mạch song song Push pull bằng sò MOS-FET
 Công suất : 260 W/ch 2-ohm load
 220 W/ch 4-ohm load
 180 W/ch 8-ohm load
 Kích thước : 181 x 465 x 428
 Trọng lượng : 24.5 Kg



E 370

Mạch AAVA volume control. Tăng ra với
 mạch song song Push pull bằng transistor
 Công suất : 140 W/ch 2-ohm load
 120 W/ch 4-ohm load
 100 W/ch 8-ohm load
 Kích thước : 171 x 465 x 422
 Trọng lượng : 21.7Kg



E 270

Mạch AAVA volume control. Tăng ra với 3
 mạch song song Push pull bằng transistor
 Công suất : 115 W/ch 2-ohm load
 105 W/ch 4-ohm load
 90 W/ch 8-ohm load
 Kích thước : 151 x 465 x 420
 Trọng lượng : 20 Kg

CD Player

DP-950

Precision SA-CD transport

Ngõ ra digital SACD/CD với tốc độ siêu cao.
Hệ thống cơ và sườn máy cứng chắc. Học đĩa ra vào êm ái, rất tốt cho vận hành đĩa SACD ở tốc độ cao.
Kỹ thuật xử lý tín hiệu đặc biệt bảo đảm chất lượng tín hiệu cao nhất từ đĩa CD.
Hai mắt đọc laser cho SACD (650nm) và CD (780nm).
Đường kết nối riêng của Accuphase HS-LINK, kết nối với DC-950, cho tín hiệu âm thanh digital chất lượng cao nhất.
Ngõ ra Coaxial (tín hiệu CD)
Bộ cấp nguồn với hai biến áp hình xuyên với hàng tụ lọc 10 cái có trị số 3000^oF, cho phép cấp riêng từng bộ phận trong máy, tránh can nhiễu lẫn nhau.
Hiển thị thông tin bài hát, ca sĩ lên mặt máy.
Chân máy bằng hợp chất gang chống rung cực tốt giúp toàn bộ máy vận hành trong môi trường cực êm.
Kích thước: 156 x 477 x 394mm (N x C x S)
Trọng lượng: 30Kg

DC-950

Precision Digital Processor

Bộ giải mã tín hiệu digital
Accuphase DC-950 là bộ xử lý tín hiệu digital với chất lượng cao nhất.
Thiết kế để dùng chung với DP-950 hoặc có thể dùng riêng với những transport khác.
Ngõ vào: HS-LINK/BALANCED/COAXIAL/OPTICAL/USB-B
Bộ chuyển đổi D/A
Hỗ trợ 11.2896 MHz (1-bit 2-channel DSD) và 384 kHz (32-bit 2-channel PCM)
Kích thước: 156 x 477 x 394mm (N x C x S)
Trọng lượng: 23.4Kg



DP-720

Dạng đĩa tương thích: 2-channel Super Audio CD/CD/DSD disc (DSF file format)
Phương thức đọc dữ liệu: Mắt đọc quang không tiếp xúc
Bước sóng Laser diode: SA-CD: 650 nm/ CD: 780 nm
Ngõ ra EXT DSP HS-LINK dùng như Transport output signal

Ngõ ra COAXIAL
Phần xử lý tín hiệu digital
Ngõ vào: HS-LINK/COAXIAL/OPTICAL/USB 2.0 Hi-Speed (480 Mbps)
32 kHz to 96 kHz)/ HS-LINK: 2.8224 MHz (1-bit 2-channel DSD)
D/A converter : 8 MDS type converters (DSD signal)
8 MDS++ type converters (PCM signal)
Ngõ ra : 1 x balance/ 1 x RCA
Kích thước : 156 x 477 x 394mm (N x C x S)
Trọng lượng : 28.4Kg

DP-560

Đầu phát CD/SACD

Dạng đĩa tương thích: 2-channel Super Audio CD/CD/DSD disc (DSF file format)
Phương thức đọc dữ liệu: Mắt đọc quang không tiếp xúc
Bước sóng Laser diode: SA-CD: 650nm/ CD: 780nm
Ngõ ra EXT DSP HS-LINK dùng như Transport output signal
Ngõ ra COAXIAL/ OPTICAL
Phần xử lý tín hiệu digital
Ngõ vào: HS-LINK /COAXIAL/USB 2.0 Hi-Speed(480 Mbps)
Sampling frequency:
HS-LINK 32 kHz to 192 kHz/24-bit (2-channel PCM)/2.8224 MHz/1-bit (2-channel DSD)
USB, COAXIAL: 32 kHz to 192 kHz/24-bit (2-channel PCM)
OPTICAL: 32 kHz to 96 kHz/24-bit (2-channel PCM)
D/A converter: 4 MDS+ principle
Ngõ ra: 1 x balance/ 1 x RCA
Kích thước: 151 x 465 x 393mm (N x C x S)
Trọng lượng: 18.5 Kg



DP-430

Đầu phát CD

Quantization : 16 bit/Sampling frequency: 44.1 kHz
Tốc độ : 500 - 200 rpm (CLV)
Thời gian scan đĩa : 1.2 - 1.4 m/s
Phương thức đọc dữ liệu : Mắt đọc quang không tiếp xúc
Transport output : COAXIAL/OPTICAL

Phần xử lý tín hiệu digital

Input format : Quantization: 16 - 24 bits, linear
Sampling frequencies : 32 kHz, 44.1 kHz, 48 kHz, 88.2 kHz, 96 kHz,
176.4 kHz, 192 kHz (all 16 - 24 bit 2ch PCM)
(OPTICAL 32 kHz - 96 kHz)
D/A converter : 24 bits, 6MDS++ type
Signal-to-noise ratio : 114 dB hoặc tốt hơn
Dynamic range : 110 dB hoặc tốt hơn (24-bit input)
Ngõ ra : 1 x balance/ 1 x RCA
Kích thước : 151 x 465 x 393mm (N x C x S)
Trọng lượng : 14Kg



DG-58

Digital Voicing Equalizer/ Bộ xử lý tần số phù hợp phòng nghe

Hoàn toàn xử lý tín hiệu bằng kỹ thuật số. Mạch DSP tốc độ cao với 40 bit floating point. Bộ lọc kỹ thuật số riêng biệt cho các bộ phận tiếng và mạch cân chỉnh. Màn hình LCD hiển thị bằng màu. Kích thước rộng, cho phép dùng viết vẽ các biểu đồ tần số bạn ưa thích. Nhớ được 30 chương trình lập sẵn. Bộ phân tích phổ tần real time cho trình diễn tín hiệu âm nhạc và ngõ vào Micro. Ngõ và/Ra Analog và Digital tiêu chuẩn.

Ngõ vào Digital : HS-Link, Coaxial, Optical

Ngõ vào Annalog : Balance, RCA

Ngõ ra Digital : HS-Link, Coaxial, Optical

Ngõ ra Annalog : Balance, RCA

Kích thước : 161 x 465 x 396mm (N x C x S)

Trọng lượng : 22Kg

ỔN ÁP LỌC NGUỒN

PS 530

Biến áp cách ly, lọc nguồn cao cấp

Công suất	: 510VA
Dòng điện	: 40A
Lỗ cắm	: 6
Điện thế ngõ vào	: 230V
Kích thước	: 465 x 181 x 386mm (N x C x S)
Trọng lượng	: 24Kg



PS 1230

Biến áp cách ly, lọc nguồn cao cấp

Công suất	: 1200VA
Dòng điện	: 80A
Lỗ cắm	: 8
Điện thế ngõ vào	: 230V
Kích thước	: 465 x 243 x 500mm (N x C x S)
Trọng lượng	: 41Kg

Kingdom Royal MKII là phiên bản mới nhất của dòng Kingdom Royal, sử dụng vật liệu chất lượng tốt nhất cho thùng loa ngoài và các củ loa và phần tần bên trong. Sản phẩm đầu bảng này như sự tổng kết “gia tài lịch sử” giàu có của hãng với những cải tiến kỹ thuật đỉnh cao và trình độ chế tạo loa chuyên nghiệp của nhà sản xuất loa nổi tiếng Tannoy.

Công suất loa từ 300W đến 600W với đáp tuyến tần số đạt mức tối ưu từ 24Hz đến 61kHz. Độ nhạy là 96 dB, giúp dễ phối ghép với Ampli.

Cấu trúc loa 4 đường tiếng với loa bass có đường kính 380 mm, loa mid, treble đồng trục và 1 loa super treble chuyên trách tần số siêu cao.

“Loa được cho là sự kết hợp trong thiết kế giữa hai trường phái Ý và Anh Quốc. Đó sự phối ghép giữa da và gỗ cùng các chi tiết mạ vàng cho bề ngoài loa”.

Kingdom Royal MK II

Công suất	: 300W -1200W
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 96dB
Đáp tuyến tần số	: 24Hz - 61kHz (-6dB)
Tần số cắt	: 120Hz bass to Dual Concentric™ midrange 700Hz Dual Concentric™ midrange to compression tweeter 17 kHz Dual Concentric™ tweeter to SuperTweeter™
Kích thước (CxRxS)	: 1275 x 585 x 600 mm
Trọng lượng	: 120kg
Ampli đề nghị	: 20-600W



Westminster GR

Sau nhiều năm làm say mê nhiều thế hệ audiophile trên khắp thế giới, nay dòng loa Prestige SE được thay thế bằng thế hệ GR (Gold Reference), tạo ra một chương mới trong lịch sử của dòng sản phẩm danh giá này.

Củ loa mới thuộc dòng Monitor Gold được cải tiến. Màng loa bass với hai gân nhúng, được gia tăng thêm độ cứng bằng chất liệu sợi, có đặc tính nhẹ, dễ dàng đáp ứng nhanh khi tần số thay đổi, cải thiện về độ động (dynamic) cực tốt, giảm tối thiểu độ méo tiếng, giúp tiếng mid tự nhiên hơn rất nhiều.

Loa treble với khả năng tái tạo tần số cao lên 27kHz. Màng loa bằng hợp chất nhôm-ma-nhê, gân nhúng bằng sợi Mylar™, nam châm Alnico và hống hướng sóng hạt tiêu (Pepperpot Waveguide™) cho âm tần số cao vượt trội hẳn so với củ loa treble thế hệ trước.

Công suất	: 175W RMS/700W peak
Trở kháng	: 8 Ohm
Độ nhạy	: 99dB
Đáp tuyến tần số	: 18Hz-27kHz
Loa treble	: 52 mm, loa dome bằng hợp chất aluminium/magnesium
Loa bass/mid	: 380 mm
Kích thước	: 1395 x 980 x 560 mm
Trọng lượng	: 138 kg
Công suất ampli đề nghị:	25W-350W



Canterbury GR

Canterbury GR là phiên bản mới thay thế cho Model Canterbury SE đã thành công gần một thập niên qua. Củ loa Alnico phát triển từ Gold Monitor trước đây, với từ tính mạnh mẽ, tái tạo âm thanh chuẩn xác nhất. Bộ phận tản dùng linh kiện audiophile được xử lý theo công nghệ làm lạnh âm 190 độ (Deep cryogenically), giữ các trị số bất biến theo thời gian.

Công suất	: 150W RMS/600W peak
Trở kháng	: 8 Ohm
Độ nhạy	: 96dB
Đáp tuyến tần số	: 28Hz-27kHz
Loa treble	: 52 mm, loa dome bằng hợp chất aluminium/magnesium, nam châm Alnico
Loa bass/mid	: 380 mm
Kích thước	: 1100 x 680 x 480 mm
Trọng lượng	: 63 kg
Công suất ampli đề nghị	: 20W-300W





GRF

GRF được phát triển trong dịp kỷ niệm 90 năm ngày lập hãng. Củ loa đồng trục 3 tất với kỹ thuật ống hướng âm hạt tiêu PepperPot WaveGuide, thuộc loại Alnico danh tiếng của Tannoy.

Công suất: 140W RMS/560W peak

Trở kháng: 8 Ohm

Độ nhạy: 95dB

Đáp tuyến tần số: 24Hz-27kHz

Loa treble: 52 mm, loa dome bằng hợp chất aluminium/magnesium

Loa bass/mid: 300 mm (12") with paper pulp cone and twin roll impregnated fabric surround

Kích thước: 1240 x 550 x 465 mm

Trọng lượng:

Công suất ampli đề nghị: 20W-280W



Stirling GR

Củ loa Alnico, ống hướng sóng hạt tiêu

Công suất: 90W RMS/300W peak

Trở kháng: 8 Ohm

Độ nhạy: 91dB

Đáp tuyến tần số: 39Hz-46kHz

Loa treble: 25 mm, loa dome bằng hợp chất aluminium, hòng loa tulip

Loa bass/mid: 250 mm

Kích thước: 850 x 397 x 368 mm

Trọng lượng: 23 kg

Công suất ampli đề nghị: 30W-150W

Autograph Mini

Autograph Mini là cặp loa tí hon nhất mà Tannoy từng sản xuất do dòng loa Prestige. Với trọng lượng mỗi loa 4 Kg gồm 1 bass/mid 100 và 1 loa treble Titan 19mm

Công suất :50W RMS

Trở kháng : 8 Ω

Độ nhạy : 88 dB

Đáp tuyến tần số : 68 Hz - 54 kHz

Kích thước (CxRxS) : 345 x 210 x 130 mm

Trọng lượng : 4 Kg

Ampli đề nghị : 15 - 100 W

Kensington GR

Củ loa Alnico, ống hướng sóng hạt tiêu

Công suất: 125W RMS/500W peak

Trở kháng: 8 Ohm

Độ nhạy: 93dB

Đáp tuyến tần số: 29Hz-27kHz

Loa treble: 52 mm, loa dome bằng hợp chất aluminium, nam châm Alnico

Loa bass/mid: 250 mm

Kích thước: 1100 x 406 x 338 mm

Trọng lượng: 37 kg

Công suất ampli đề nghị: 50W-250W

Turnberry GR(1/4 trang)

Củ loa Alnico, ống hướng sóng hạt tiêu

Công suất: 100W RMS/400W peak

Trở kháng: 8 Ohm

Độ nhạy: 93dB

Đáp tuyến tần số: 34Hz-44kHz

Loa treble: 52 mm, loa dome bằng hợp chất aluminium, hòng loa tulip

Loa bass/mid: 250 mm

Kích thước: 950 x 456 x 336 mm

Trọng lượng: 30 kg

Công suất ampli đề nghị: 30W-180W



Gold Reference Super Tweeter



Một thế hệ loa siêu trép mới vừa được Tannoy cho xuất xưởng, thay thế dòng loa cũ và hứa hẹn khai mở được những cung bậc cảm xúc mới cho các audiophile. Với Gold Reference Super Tweeter bạn sẽ bắt gặp những "cảnh giới" của âm thanh mà bạn chưa từng "chạm" đến. Nó giúp nới rộng khoảng cách giữa âm tần số thấp và tần số cao, đồng nghĩa với việc bạn vừa thưởng thức âm tần số siêu cao vừa cảm nhận âm trầm sâu lắng và gọn gàng hơn

Công suất :175W - 700W

Trở kháng : 8 Ω

Độ nhạy : 95 dB

Đáp tuyến tần số : 62kHz, (- 18dB) đến 100kHz

Loa treble: 25 mm diameter 44 micron magnesium alloy dome, with neodymium magnet system

Kích thước (CxRxS) : 130.4 x 146.9 x 206.2 mm



LEGACY

Dòng loa huyền thoại Legacy của Tannoy được sản xuất từ năm 1976. Giờ đây, sau 40 năm chúng sẽ được nâng cấp, cải tiến với một diện mạo mới cùng nhiều đặc tính ưu việt hơn để chinh phục các audiophile và các fan của Tannoy trên toàn thế giới.



Cheviot

Công suất: 125W/500W peak

Trở kháng: 8 Ohm

Độ nhạy: : 91 dB (1 W @ 1 m)

Đáp tuyến tần số: 38 Hz - 30 KHz -6 dB

Loa treble: (33 mm) loa dome bằng hợp chất aluminium/ magnesium

Loa bass/mid: 300 mm. Paper pulp cone with twin roll impregnated fabric surround

Kích thước: 860 x 448 x 260 mm

Trọng lượng: 29Kg

Arden

Công suất: 150W/600W peak

Trở kháng: 8 Ohm

Độ nhạy: 93 dB

Đáp tuyến tần số:

Loa treble: 33 mm, loa dome bằng hợp chất aluminium/ magnesium

Loa bass/mid: 380 mm) Paper pulp cone with twin roll impregnated fabric surround

Kích thước: 910 x 602 x 362 mm

Trọng lượng: 41Kg



Eaton

Công suất: 100W/400W peak

Trở kháng: 8 Ohm

Độ nhạy: 89dB

Đáp tuyến tần số: 40 Hz - 30 KHz -6 dB

Loa treble: 1 x33 mm loa dome bằng hợp chất aluminium/ magnesium

Loa bass/mid: 250 mm, Paper pulp cone with twin roll impregnated fabric surround

Kích thước: 538 x 376 x 250 mm

Trọng lượng: 20Kg

Revolution XT



Revolution XT 8F

Revolution XT 8F là đôi loa đứng lớn nhất thuộc dòng Revolution XT với những thiết kế cải tiến hoàn toàn mới so với dòng Revolution cũ, đem lại người nghe chất lượng âm thanh xuất sắc trong tầm giá. Loa được thiết kế 3 đường tiếng với loa bass 200mm, loa mid/treble đồng trục truyền thống của Tannoy.

Công suất :100W/400W

Trở kháng : 8 Ω

Độ nhạy : 91 dB

Đáp tuyến tần số : 34 Hz - 32 kHz

Loa treble: 25mm, đồng trục, dome với kỹ thuật Torus Ogive WaveGuide và nam châm đa hướng Omnimagnet

Loa mid: 200mm, đồng trục, màng giấy và sợi tổng hợp

Loa bass: 200mm, màng giấy và sợi tổng hợp

Kích thước (CxRxS) : 1080 x 317 x 345 mm

Trọng lượng: 19.9Kg

Ampli đề nghị : 30 - 200 W



Revolution XT 6F

Công suất :75W/300W

Trở kháng : 8 Ω

Độ nhạy : 90 dB

Đáp tuyến tần số : 38 Hz - 32 kHz

Loa treble: 25mm, đồng trục, dome với kỹ thuật Torus Ogive WaveGuide và nam châm đa hướng Omnimagnet

Loa mid: 150mm, đồng trục, màng giấy và sợi tổng hợp

Loa bass: 150mm, màng giấy và sợi tổng hợp

Kích thước (CxRxS) : 1005 x 269 x 317 mm

Trọng lượng: 16.3Kg

Ampli đề nghị : 25 - 150 W



Revolution XT 6

Công suất : 60W/240W
 Trở kháng : 8 Ω
 Độ nhạy : 89 dB
 Đáp tuyến tần số : 46 Hz - 32 kHz
 Loa treble: 25mm, đồng trục, dome với kỹ thuật Torus Ogive WaveGuide và nam châm đa hướng Omnimagnet
 Loa mid/bass: 150mm, đồng trục, màng giấy và sợi tổng hợp
 Kích thước (CxRxS) : 400.5 x 221 x 302 mm
 Trọng lượng: 7.5Kg
 Ampli đề nghị : 25 - 120 W



Revolution XT Mini

Công suất : 60W/200W
 Trở kháng : 8 Ω
 Độ nhạy : 88 dB
 Đáp tuyến tần số : 65 Hz - 52 kHz
 Loa treble: 25mm, đồng trục, dome với kỹ thuật Torus Ogive WaveGuide và nam châm đa hướng Omnimagnet
 Loa mid/bass: 100mm, đồng trục, màng giấy và sợi tổng hợp
 Kích thước (CxRxS) : 272.2 x 152 x 199.3 mm
 Trọng lượng: 3.7Kg

Công suất : 60W/240W
 Trở kháng : 8 Ω
 Độ nhạy : 89 dB
 Đáp tuyến tần số : 62 Hz - 52 kHz
 Loa treble: 20mm, đồng trục, dome với kỹ thuật Torus Ogive WaveGuide và nam châm đa hướng Omnimagnet
 Loa mid/bass: 100mm, đồng trục, màng giấy và sợi tổng hợp
 Kích thước (CxRxS) : 176.9 x 450 x 205.6 mm
 Trọng lượng: 7.9Kg



Revolution XT C

Loa center dùng trong hệ thống xem phim gia đình

Mercury 7

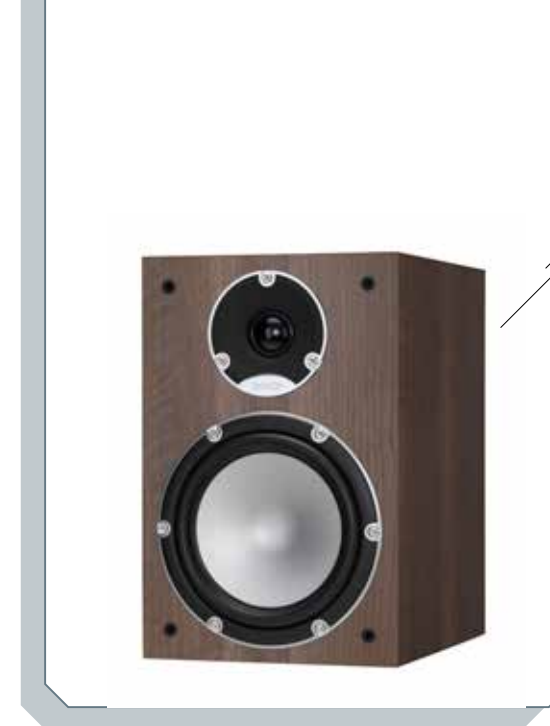
Công suất: 75W/300W
 Trở kháng: 8 Ω
 Độ nhạy: 93 dB
 Đáp tuyến tần số: 32 Hz - 32 kHz
 Loa treble: 28 mm Nitro-urethane damped layer woven polyester dome, nam châm neodymium
 Loa mid/bass: 2x178mm, màng giấy và sợi tổng hợp
 Kích thước (CxRxS) : 955 x 314 x 308mm
 Trọng lượng: 15Kg
 Ampli đề nghị: 20 - 150 W

Mercury 7.4



Mercury 7.2

Công suất: 50W/200W
 Trở kháng: 8Ω
 Độ nhạy: 89dB
 Đáp tuyến tần số: 42Hz - 32kHz
 Loa treble: 28 mm Nitro-urethane damped layer woven polyester dome, nam châm neodymium
 Loa mid/bass: 1x152mm, màng giấy và sợi tổng hợp
 Kích thước (CxRxS) : 292 x 193 x 266.4mm
 Trọng lượng: 5Kg
 Ampli đề nghị : 20-100 W



Mercury 7.1

Công suất: 40W/160W
 Trở kháng: 8Ω
 Độ nhạy: 87dB
 Đáp tuyến tần số: 53Hz - 32kHz
 Loa treble: 28 mm Nitro-urethane damped layer woven polyester dome, nam châm neodymium
 Loa mid/bass: 1x127mm, màng giấy và sợi tổng hợp
 Kích thước (CxRxS) : 270 x 160x 194mm
 Trọng lượng: 2.7Kg
 Ampli đề nghị: 20-80 W



Mercury 7 C

Công suất: 60W/240W
 Trở kháng: 8Ω
 Độ nhạy: 91dB
 Đáp tuyến tần số: 62Hz - 32kHz
 Loa treble: 28 mm Nitro-urethane damped layer woven polyester dome, nam châm neodymium
 Loa mid/bass: 2x127mm, màng giấy và sợi tổng hợp
 Kích thước (CxRxS): 160 x 420 x 167mm
 Trọng lượng: 4.4Kg
 Ampli đề nghị: 20 - 120W



Reference Pre

Pre-Ampli đèn Stereo thuộc hàng thượng hạng của Unison Research
 Mạch Class A với 2 biến áp nguồn cấp cho khối tách biệt (Dual Mono)
 Tầng ra dùng 2 bóng 300B cho độ méo tiếng cực thấp
 Chiết áp volume của hãng ALPS thuộc dòng sản phẩm HQPro
 Loại bóng (line): 2 x 300B, 2 x ECC 82, 2 x ECC83, 2 x C45P
 Loại bóng (phono): 4 x 6C45P, 2 x ECC83
 Ngõ vào: 4 line RCA, 2 line Balance, 1 tape, 2 phono
 Ngõ ra: 1 RCA, 1 Balance, 1 tape (active), 1 sub woofer (active)
 Thiết kế mạch có đáp tuyến tần số rộng từ 10Hz-100Kz phù hợp
 với các nguồn âm thanh HD Ampli để nghe: Reference



Reference

Power đèn Mono, class A, mạch đôi single-end parallel
 Thiết kế hình dáng tuyệt đẹp, kết hợp giữa gỗ và thép, với đường
 nét thẩm mỹ cao
 Mạch điện hoàn toàn class A với công suất thực sự mạnh mẽ
 Thiết kế mạch có đáp tuyến tần số rộng từ 20Hz-30Kz phù hợp
 với các nguồn âm thanh HD như SACD,DVD-A
 Công suất : 100 W
 Loại bóng : 4 x 845, 1 x ECC82, 1 x ECC83
 Ngõ vào : Balance và RCA
 Pre-Ampli để nghe : Reference Pre
 Loa để nghe : Tannoy Westminster Royal, Kingdom Royal





Performance

S9

Ampli integrated Dual Mono, single end parallel, class A
 Công suất : 45W/1 ch, mỗi kênh 3 bóng 6550/KT88
 Trở kháng ngõ ra : 4 - 8ohm
 Đáp tuyến tần số : 20Hz-30kHz
 Loại bóng : 6 x 6550/KT88, 2 x ECC82, 2 x ECC83
 Kích thước : 235 x 600 x 480mm (NxCxS)
 Trọng lượng : 50kg

Ampli integrated Dual Mono, single end parallel, class A
 Công suất : 30W/1 ch, mỗi kênh 2 bóng SV572
 Trở kháng ngõ ra : 6ohm
 Đáp tuyến tần số : 20Hz-50kHz
 Loại bóng : 4 x SV572-10, 4 x ECC82
 Kích thước : 250 x 410 x 570mm (NxCxS)
 Trọng lượng : 54kg



Sinfonia



S6

Ampli integrated Dual Mono, single end parallel, class A
 Công suất : 25W/1 ch, mỗi kênh 2 bóng 6550/KT88
 Trở kháng ngõ ra : 4 - 8 ohm
 Đáp tuyến tần số : 20Hz-30kHz
 Loại bóng : 4 x 6550/KT88, 2 x ECC82, 2 x ECC83
 Kích thước : 210 x 440 x 420mm (NxCxS)
 Trọng lượng : 27kg

Ampli integrated Dual Mono, single end parallel, class A
 Công suất : 35W/1 ch, mỗi kênh 3 bóng EL34
 Trở kháng ngõ ra : 6ohm
 Đáp tuyến tần số : 20Hz-50kHz
 Loại bóng : 6 x EL34, 2 X ECC82
 Kích thước : 210 x 350 x 490mm (NxCxS)
 Trọng lượng : 27kg



Triode 25

Ampli integrated Puspull, class AB
 Công suất : 23W (Triode)/ 45(Pentode)/ 1 ch, mỗi kênh 2 bóng EL34
 Trở kháng ngõ ra : 6ohm
 Đáp tuyến tần số : 20Hz-30kHz
 Loại bóng : 2 x ECC83 (12AX7) 1 x ECC82 (12AU7) 4 x EL34 (6CA7)
 Kích thước : 200 x 300 x 450mm (NxCxS)
 Trọng lượng : 23Kg

Symply Italy

Ampli integrated, single end, class A
 Công suất : 12W/1 ch, mỗi kênh 1 bóng EL34
 Trở kháng ngõ ra : 6ohm
 Đáp tuyến tần số : 20Hz-50kHz
 Loại bóng : 2 x ECC82 (12AU7) 2 x EL34 (6CA7)
 Kích thước : 190 x 260 x 350mm (NxCxS)
 Trọng lượng : 15 kg



Preludio

Ampli integrated Dual Mono, single end parallel, class A
 Công suất : 14W/1 ch, mỗi kênh 1 bóng 6550/KT88
 Trở kháng ngõ ra : 4 - 8ohm
 Đáp tuyến tần số : 15Hz-50kHz
 Loại bóng : 2 x 6550/KT88, 2 x ECC82
 Kích thước : 180 x 375 x 400mm (NxCxS)
 Trọng lượng : 20kg



SH

Head Ampli cao cấp
 DAC tương thích PCM 32 bit/384kHz và DSD 128.
 Input stage: Pure Class A, ECC83/12AX7
 Output stage: Class A, EL84 triode connected
 Ngõ vào : 1 line RCA, 1 USB
 Ngõ ra : 2 cho tai nghe jack 6.5
 Kích thước : 225 x 126 x 322mm (NxCxS)
 Trọng lượng : 6kg



Đầu phát CD Hybrid

UNICO DUE

Unico CDDue là chiếc CD cao cấp tích hợp bộ DAC với 3 ngõ vào gồm USB B, Optical, Coaxial và Coaxial balance. Đặc biệt đầu CD Due có thể nhận tín hiệu bluetooth từ các thiết bị nghe nhạc cầm tay. Bộ DAC tương thích với DSD64, DSD128, DSD256. Âm thanh trung thực, xuất sắc. Đầu CD này có mạch Hybrid với chế độ class A, 4 bóng 12AX7/ECC83. Ngõ ra RCA và Balance

Ngõ vào digital	: 1 x USB, 1 x Coaxial, 1x Coaxial balance, 1x Optical, 1 x Bluetooth Standard: BT 3.0
Profiles	: A2DP, SSP (HID supported with Android smartphones through SPP)
Ngõ ra digital	: 1 x S/PDIF, 1 x AES/EBU, 1 x Toslink™
Transport	: 8829CD - KHM DVD - Loader, Only audio CD
Digital to Analogue Stage	
PHẦN DAC	
Chip chuyển đổi	: AD8597/ AD8599 độ méo và nhiễu cực thấp
Output stage	: Duple Triode, pure class A differential Totem-pole
Valve complement	: 4 x 12AX7/ECC83
Ngõ ra Analog	: 1 x RCA stereo, 1 x XLR stereo
Kích thước	: 450 x 380 x 130mm (NxCxS)
Trọng lượng	: 10Kg



Unico CDE

Đầu phát CD Hybrid

Unico CDE là đầu phát CD hi-end của Unison Research. Với cặp đôi bóng ECC83/12AX7 cho âm thanh chi tiết giàu nhạc tính và âm hình rộng mở. Có ngõ ra balance.

Loại bóng	: 4 x ECC83/12AX7
Transport	: TEAC CD5010A
Bộ chuyển đổi D/A	: CRYSTAL CS4392/ 24bit/ 96kHz, CRYSTAL CS8420
Kích thước (NxSxC)	: 345 x 430 x 130mm
Trọng lượng	: 12.5Kg

UNICO UNO

CD player + DAC



Ngõ vào Digital	: 1 x USB, 1x Optical, 1 x Bluetooth
Ngõ ra digital	: 1x Coaxial
Transport	: 8829CD-KHM DVD-Loader, Only audio CD
Digital to Audio stage	
PHẦN DAC	: ESS Sabre ES9018K2M with jitter eliminator
Chip chuyển đổi	: NE5532AD, dùng linh kiện chất lượng cao
Ngõ ra Analog	: 1 x RCA stereo
Kích thước	:
Trọng lượng	:

Mạch Class-A không hồi tiếp cho âm thanh tự nhiên

Loại bóng	: ECC 82 x 1
Bộ chuyển đổi D/A	: Chip Wolfson WM 8524 Micro
Kích thước (N x S x C)	: 435 x 340 x 95mm
Trọng lượng	: 9Kg

Unico CD Primo

Đầu phát CD Hybrid



Unico 50

Ampli tích hợp Hybrid



Công suất : 120W RMS 8 (8Ω)/ 200 W RMS (4Ω)/
350W RMS (2Ω)/ Class-A
Tần số : 10 Hz - 0.5 dB @ 100 kHz
Tiền khuếch đại : Pure Class-A dùng đèn ECC83/12AX7
Mạch công suất : Dynamic Class-A dùng 2 POWER MOSFET
Ngõ vào : RCA x 5 (phono optional x 1), Balanced x 1
Ngõ ra : Tape x 1, Sub x 1
Kích thước : 435 x 430 x 130 mm (NxSxC)
Trọng lượng : 25Kg

Unico 100

Ampli tích hợp Hybrid



Công suất : 180 W RMS (8Ω)
Trở kháng ngõ vào : $47k\Omega$
Tiền khuếch đại : Class-A. Đèn ECC83/ 12AX7
Khuếch đại ngõ ra : Class-A, 3 POWER MOSFET
Ngõ vào : RCA x 4, Balance x 1
Ngõ ra : Tape x 1, sub (volume controlled) x 1
Kích thước (N x S x C) : 435 x 440 x 180 mm
Trọng lượng : 25 Kg

Unico DM

Power Hybrid



Power công suất Unico DM với tầng ngõ vào bằng mạch Class-A với bộ đôi bóng đèn ECC82/12AU7.
Công suất : 160 W (8Ω) Stereo/ 650 W (8Ω) Mono
Loại bóng : ECC82/12AU7
Tầng khuếch đại : 3 cặp MOSFET
Ngõ vào : 1 x RCA/1 x balance
Kích thước : 435 x 430 x 459mm (N x S x C)
Trọng lượng : 29Kg
Loa đề nghị : Sonus Faber Cremona M

Unico PRE

Pre-Amplifier Hybrid

Pre-amplifier với ngõ vào mạch Class-A dùng bộ đôi bóng đèn ECC82/12AU7 cho 2 bên trái phải. Tầng ra dùng transistor ráp theo mạch Class-A.

Loại bóng (line) : (ECC82/12AU7)
Ngõ vào : 4 x RCA, 4 x Balance, 1 Tape
Ngõ ra : 1 RCA, 1 Balance, 1 RCA (phase selectable)
Kích thước (N x S x C) : 435 x 430 x 137mm
Trọng lượng : 13Kg
Power đề nghị phối ghép : Unico DM

Ampli tích hợp hybrid

Công suất : 150+150 W RMS at 8Ω / 220+220 W RMS at 4Ω
Tần số : -1dB @ 12Hz & 45kHz, -3 dB @ 6Hz & 80 kHz
Tiền khuếch đại : pure Class-A dùng đèn 2 x ECC83/ 2 x 6H30
Mạch công suất : Class-AB dùng 4 cặp sò mỗi bên
Ngõ vào : RCA x 3 (phono optional x 1), Balanced x 2, bypass x 1
Kích thước : 435 x 180 x 440mm (N x C x S)
Trọng lượng : 25Kg

Unico 150



Unico Secondo

Ampli tích hợp Hybrid

Công suất : 100W RMS (8 Ω)/200 W RMS (4 Ω)/
Class-A
Tần số : 10 Hz - 0.5 dB @ 100 kHz
Tiền khuếch đại : Class-A dùng đèn ECC83/12AX7
Mạch công suất : Class-A dùng 2 POWER MOSFET
Ngõ vào : RCA x 5 (phono optional x 1),
Balanced x 1
Kích thước : 435 x 430 x 130 mm (N x S x C)
Trọng lượng : 15 Kg

Unico 90

Công suất : 100+100 W RMS at 8 Ω / 160+160
W RMS at 4 Ω
Tần số : -1dB @ 12Hz & 45kHz
Tiền khuếch đại : pure Class-A dùng đèn 2 x
ECC83/2 x ECC81
Mạch công suất : Class-AB dùng 3 cặp sò mỗi bên
Ngõ vào : RCA x 3 (phono optional x 1),
Balanced x 2, bypass x 1
Kích thước : 435 x 180 x 440mm (NxSxC)
Trọng lượng : 20Kg

Unico Primo

Ampli tích hợp Hybrid

Công suất : 85 W RMS 8 Ω /Class-A
Tiền khuếch đại : Class-A, Tube stage (1 x ECC83/12AX7)
Tăng công suất : Class-A, POWER MOSFET
Ngõ vào : RCA x 5 (phono optional x 1)
Ngõ ra : Tape x 1, sub (volume controlled) x1
Kích thước : 435 x 430 x 95 mm (N x S x C)
Trọng lượng : 15 Kg

Unico Nuovo

Ampli tích hợp Hybrid

Công suất : 80 W RMS (8 Ω)
Trở kháng ngõ vào : 50 k Ω
Tiền khuếch đại : Class-A. Đèn ECC83/ 12AX7
Khuếch đại ngõ ra : Class-A, 2 POWER MOSFET
Ngõ vào : RCA x 5 (phono optional x 1)
Ngõ ra : Tape x 1, sub (volume controlled) x 1
Kích thước : 435 x 430 x 95mm (NxSxC)
Trọng lượng : 16Kg



PATHOS ACCOUSTICS



INPOL HERITAGE

Trên nền tảng của chiếc Ampli Inpol với bộ khuếch đại Inpol nổi tiếng, Pathos đã trang bị thêm cho Inpol Heritage một hình dáng khác kết hợp với nhiều kỹ thuật và công nghệ theo xu hướng mới. Sự kết hợp giữa vẻ đẹp và chất lượng bên trong. Công suất 80W x 2 kênh pure class A, cho âm thanh trung thực và tự nhiên. Tần tiền khếch đại dùng đèn cho âm thanh ấm áp. Phối ghép được nhiều dòng loa nhờ công suất mạnh mẽ.

Ampli còn tích hợp cổng vào Digital để bạn chọn lựa có thể gắn bo DAC trong hoặc ngoài.

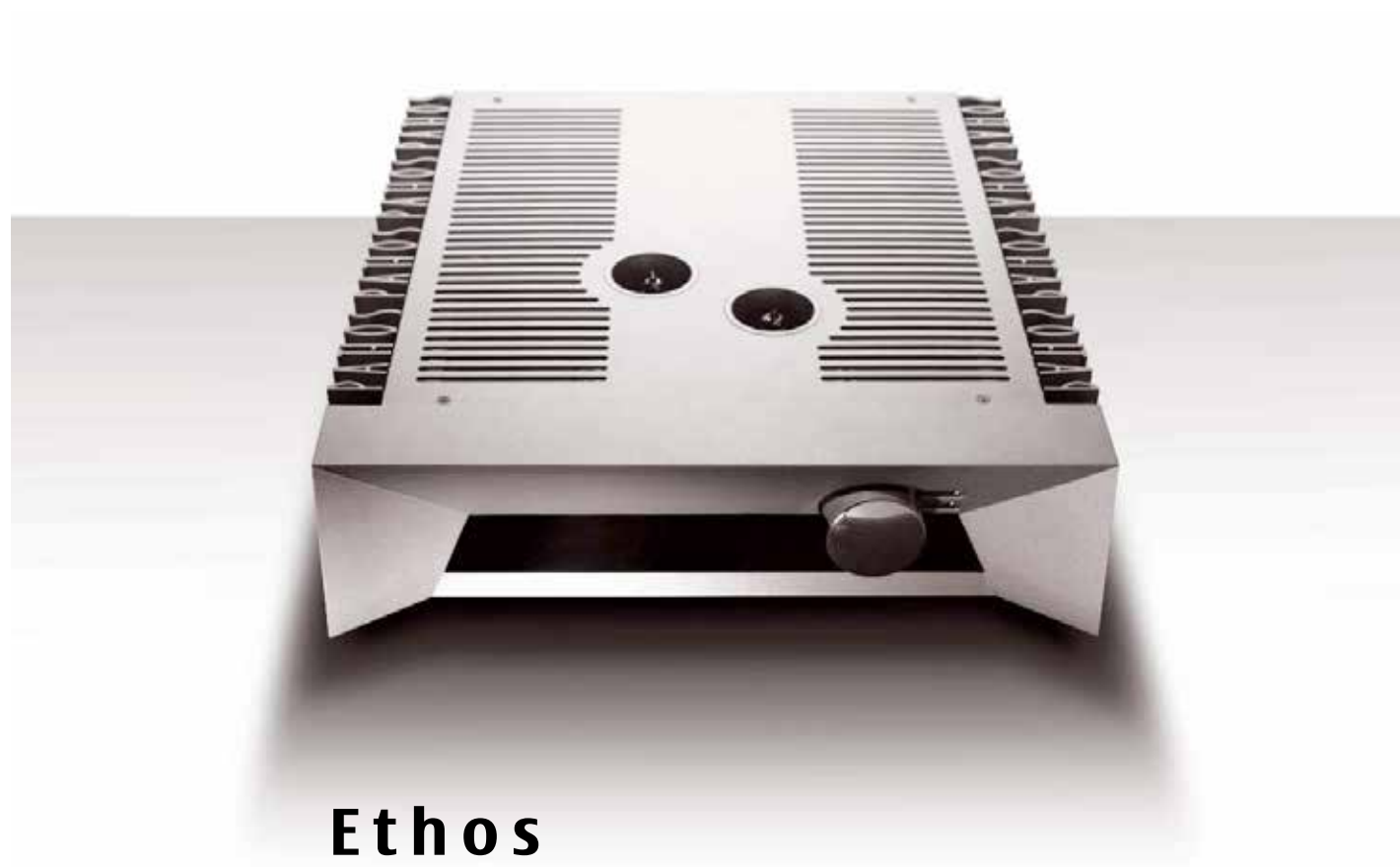
Công suất : 80W x 2 kênh - pure class A
 Tần số : 2Hz - 200KHz (+/-) 0.5db
 Ngõ vào analog : 2 x Balanced XLR, RCA x 4
 Ngõ vào digital : 1 x USB-B, 1x coaxial, 1 x optical, 3 x USB -A
 Ngõ ra : 1 x balance 1 x RCA, sub-out x 1
 D/A converter : 24 bit/96 kHz
 Kích thước : 555 x 230 x 450mm (NXCXS)
 Trọng lượng : 58Kg



INPOL²

Hoạt động chế độ pure Class-A theo mạch INPOL®. Zero feedback
 Giàu nhạc tính, âm thanh ấm áp, chính là nhờ sự kết hợp tuyệt vời giữa tầng khuếch đại bằng đèn và công suất dùng transistor.

Công suất : 45W x 2 kênh - pure class A
 Tần số : 100Hz - 80KHz
 Ngõ vào analog : 5 x RCA, 1 x Balance
 Ngõ ra : 1 x balance 1 x RCA, , sub-out x 1
 Kích thước (NXCXS) :
 Trọng lượng :



Ethos

Không biết lấy cảm hứng từ đâu nhưng với hình dáng của Ethos ta đoán rằng có thể từ tranh vẽ của Picasso. Những xuất phẩm theo trường phái trừu tượng với hình vẽ lập thể, phải chăng đó là ý tưởng để Pathos mô phỏng sáng tạo cho mặt trước của ampli này. Công suất của Ethos là 100W cho mỗi kênh khi đánh loa 8 Ohm/200W(4 Ohm), nối cầu để biến thành một ampli mono có công suất 270W

Công suất	: 100W RMS @ 8 Ohm, 200W RMS @4 Ohm
Tần số	: 2Hz-200KHz (+/-) 0.5dB
Ngõ vào Analog	: 2x balanced, 5 x RCA
Ngõ vào analog Digital	: USB-B, Coaxial (tùy chọn)
Ngõ ra	: 1 stereo pre-out, 1 mono sub-out
Kích thước(NXCXS)	:
Trọng lượng	:

Amplifier tích hợp, Hybrid, Class A/AB, mạch hybrid có thể bridge thành mono để tăng công suất.

Công suất: 2 x 70W @ 8 Ohm, 2 x 130W @ 4 Ohm, 270W in bridged mode (mono)

Tần số: 2 Hz-100 kHz

Ngõ vào analog: 4 x RCA, 1 x Balance

Kích thước (NXCXS): 230 x 90 x 540 mm

Trọng lượng:



Classic One MKIII



Classic Remix

Classic Remix thuộc dự án "Di Sản" của Pathos, là một bước đột phá về thiết kế và kiểu dáng. Đây là chiếc Ampli tích hợp dòng Hybrid độc đáo của Pathos với nhiều ngõ vào Analog và Digital, kết hợp DAC bên trong và có thể làm HeadAmpli cao cấp. Hình dáng không trùng nhau giữa các Model là một nỗ lực sáng tạo để người dùng không bị đụng hàng cũng như có niềm hứng khởi khi sử dụng.

Công suất: 2x70 W RMS @ 8 Ω

Tầng Preamplifier: Tube (2x6922 ECC88)

Tần số: 1.5Hz - 200KHz (+/-) 0.5dB

Ngõ vào Analog: 1x balanced, 4 x RCA

Ngõ vào analog Digital: USB-B, Coaxial, Optical (tùy chọn)

Ngõ ra: 1 stereo pre-out, 1 jack headphone 6.3mm

Hi DAC (Tùy chọn): 44.1, 48, 88.2, 96, 176.4, 192, 384.0kHz, DSD64, DSD128

Native DSD Capability: DSD over PCM standard 1.0

Kích thước (NXCXS): 280 x 170 x 370mm

Trọng lượng: 14kg

CD Player



Endorphin

Thiết kế đẹp mắt, mô phỏng hình ảnh của một chiếc đĩa bay.

Âm thanh cực kỳ trung thực và tự nhiên.

- Bộ chuyển đổi D/A : Dual differential 24-bit delta-sigma
- Analog stage : Dual, fully balanced, tube, class A, zero feedback
- Bộ cấp nguồn : 2 biến áp nguồn độc lập cho mạch điều khiển và âm thanh
- Ngõ ra analog : Balance x 1, RCA x 1
- Ngõ ra digital : Coaxial x 1, Optical x 1
- Kích thước : 480 x 400 x 100 mm (NxCxS)



Digit

Đầu CD Digit được thiết kế đẹp mắt và có kích thước cùng với Ampli Classic One của Pathos. Hộc đĩa nắp đậy cực đẹp và tăng khuếch đại ngõ vào bằng bóng đèn.

- Bộ chuyển đổi D/A : Crystal DAC - 192 KHz
- Ngõ ra : Balance x 1 RCA x 1
- Ampli đề nghị : Classic One
- Kích thước : 230R x 90C x 540S mm



In The Groove

phono pre-amplifie

In The Groove là một bộ giải mã Phono (phono pre-amplifie) cao cấp của Pathos được phát triển bởi các kỹ sư của hãng. In The Groove được thiết kế để phù hợp với bất kỳ đầu kim nào. Khả năng tương thích với bộ dàn cao nhờ có các nút chọn lựa về trở kháng ngõ vào và ngõ ra.

Bộ cấp nguồn riêng, chống nhiễu cao

GAIN: Selectable in 4 positions, 62dB, 56dB, 50dB, 43dB Input impedance:

Selectable in 6 settings of resistance and 6 settings of capacitance

Max output level : Unbalanced 5.5VRMS Balanced 5.5+5.5VRMS

Analog output : 1 stereo unbalanced RCA 1 stereo balanced

Output impedance : Unbalanced 75 Ohm Balanced 40 Ohm

Power consumption : 10 W max < 0.5W standby mode

Kích thước phần Pre : Preamplifier 260mm (D) x 200mm (W) x 70mm (H)

Kích thước bộ nguồn : 230mm (D) x 60mm (W) x 70mm (H)

Trọng lượng : Net Preamplifier 2.3Kg Net Power supply 1.2Kg

HiDac EVO

Bo mạch DAC gắn trong hoặc ngoài



- Digital conversion : ESS SABRE 9018K2M 32Bit 384KHz
- Processor : Atmel MPU SAMA5D31 Cortex-A5 @ 536MHz
- USB audio codec : XHRA-2HPA
- Kết nối : USB type "B" /USB type "A" / wifi stick/ ethernet RJ45 /Coaxil/Airplay
- Digital input sample rate: NAS, external storage and Spdif 32bit up to 384 KHz
- USB from Pc - PCM 32bit up to 384kHz, DSD 64, DSD128
- Analog output : 1 Stereo Balanced



Callas Diva là đôi loa đứng lớn nhất thuộc dòng Callas. Nó là kết quả của sự tiến bộ vượt bậc trong nghiên cứu kỹ thuật tiên tiến vào cách thức sáng tạo mà Opera (Một hãng sản xuất loa thủ công của Italia) đã đem đến cho người yêu âm nhạc trên toàn thế giới. Sự giao thoa hài hòa của bốn củ loa phía trước và hai củ loa phía sau giúp Callas Diva tái hiện một sân khấu rộng lớn tràn đầy sắc màu âm nhạc. ngoài ra loa có thể thích ứng nhiều kết cấu phòng nghe khác nhau qua nút điều chỉnh EQ phía sau. Với thiết kế mang đậm phong cách Ý hiện đại Callas Diva có thể thích hợp với mọi nội thất.

Hệ thống loa	: 3 đường tiếng + 2 loa phía sau
Công suất	: 200W - 400W
Loa Treble	: 25 mm scanspeaker 9700
Mid	: 178 mm Polypropylene
Bass	: 1 x 200 mm đáp ứng nhanh, mạnh mẽ
Loa treble sau	: 2 x 25 mm (vị trí đặt tối thiểu 20 cm từ tường sau loa)
Đáp tuyến tần số	: 32 - 25000Hz
Crossover	: 200 - 2000Hz
Độ nhạy	: 90dB
Trở kháng	: 40hm
Công suất ampli đề nghị:	10 - 240W
Kích thước	: 130 x 31 x 55cm (HxWxD)
Trọng lượng	: 75kg/ cái



Callas Diva

Callas



Đôi loa Callas là loa bookshelf thuộc dòng Callas. Callas thừa thừa hưởng sự tinh túy của Grand Callas nhưng nhỏ gọn và dễ đặt để cho phòng nghe có kích thước khiêm tốn. Thể hiện giọng ca và các nhạc cụ dây rõ ràng mạch lạc. Đặc biệt với độ sâu và góc vát về phía sau giúp callas trình diễn âm trầm mạnh mẽ và đầy đủ. Loa Callas thích ứng nhiều kết cấu phòng nghe khác nhau qua nút điều chỉnh EQ phía sau.

Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Treble	: 25 mm scanspeaker 9700
Bass	: 178 mm đáp ứng nhanh, mạnh mẽ
Đáp tuyến tần số	: 40 - 25000 Hz
Crossover	: 2000Hz
Độ nhạy	: 89 dB Trở kháng: 4 0hm
Công suất ampli đề nghị:	10 - 100 W
Kích thước	: 42 x 24.5 x 42cm (HxWxD)
Trọng lượng	: 15kg/ cái



Quinta SE

Hệ thống loa : 3 đường tiếng
Công suất : 200W - 400W
Loa Treble : 25mm D26
Mid : 1 x 178mm Aluminium
Bass : 2 x 175mm đáp ứng nhanh, mạnh mẽ
Đáp tuyến tần số: 30 - 30kHz
Crossover : 300-2000Hz
Độ nhạy : 91dB
Trở kháng : 4 Ohm
Công suất ampli đề nghị: 10 - 200 W
Kích thước : 110 x 24.5 x 43 cm (HxWxD)
Trọng lượng : 51kg

Seconda SE

Hệ thống loa : 2.5 đường tiếng
Công suất : 140W
Loa Treble : 25mm D26
Mid/Bass : 2 x 175mm đáp ứng nhanh, mạnh mẽ
Đáp tuyến tần số: 30 - 30kHz
Crossover : 2200Hz
Độ nhạy : 89dB
Trở kháng : 4 Ohm
Công suất ampli đề nghị: 10 - 200W
Kích thước : 102 x 24.5 x 43 cm (HxWxD)
Trọng lượng : 45kg

Prima

Hệ thống loa : 2 đường tiếng
Công suất : 70W
Loa Treble : 25mm D26
Mid/Bass : 1 x 162mm đáp ứng nhanh, mạnh mẽ
Đáp tuyến tần số: 40 - 20kHz
Độ nhạy : 89dB
Trở kháng : 4 Ohm
Công suất ampli đề nghị: 10 - 200W
Kích thước : 33 x 20 x 28 cm (HxWxD)
Trọng lượng : 19kg

Centrale

Hệ thống loa : 2 đường tiếng
Công suất : 140W
Loa Treble : 25mm D26
Mid/Bass : 2 x 125mm đáp ứng nhanh, mạnh mẽ
Đáp tuyến tần số: 40 - 20kHz
Độ nhạy : 89dB
Trở kháng : 8 Ohm
Công suất ampli đề nghị: 10 - 200W
Kích thước : 19 x 49 x 33cm (HxWxD)
Trọng lượng : 11kg



Quinta SE

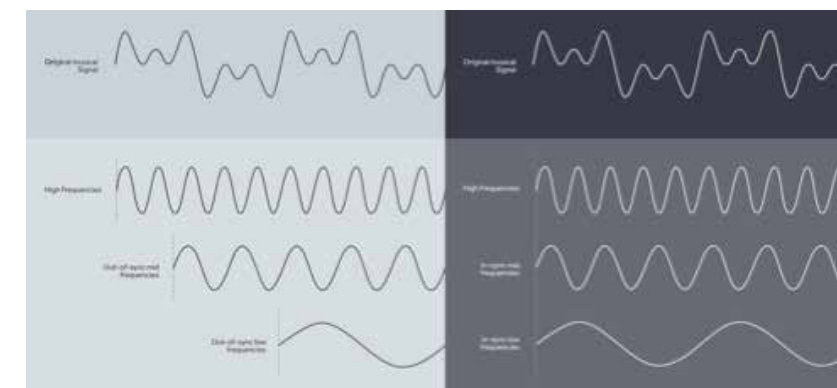
Seconda SE

Prima

Centrale



Kỹ thuật



Exakt

Là một kỹ thuật riêng của LINN, có khả năng làm các tần số trong loa đến tai người nghe cùng một lúc. Nhờ vậy âm thanh không bị lệch pha và ta thưởng thức âm nhạc thật tự nhiên.

Exakt làm trễ lại các dải tần số cao trong hệ thống loa. Khi âm nhạc đến tai nghe cùng thời gian, nốt gốc và các hài âm đến cùng một lúc, giúp giữ lại đặc tính chất âm của mỗi nhạc cụ

Space Optimisation

Xử lý âm học phòng nghe, giúp loa được bố trí dễ dàng trong phòng nghe nhưng đem lại âm thanh chính xác, điểm ngọt rộng hơn



2K Driver Array

Hai củ loa tần số cao đặt riêng trên một chassis cứng. Bằng cách làm tối thiểu khoảng cách giữa hai loa, nguồn âm thanh chỉ phát ra từ một điểm, tạo thành một phễu âm học cho góc phát âm tần số cao chính xác và rộng hơn.



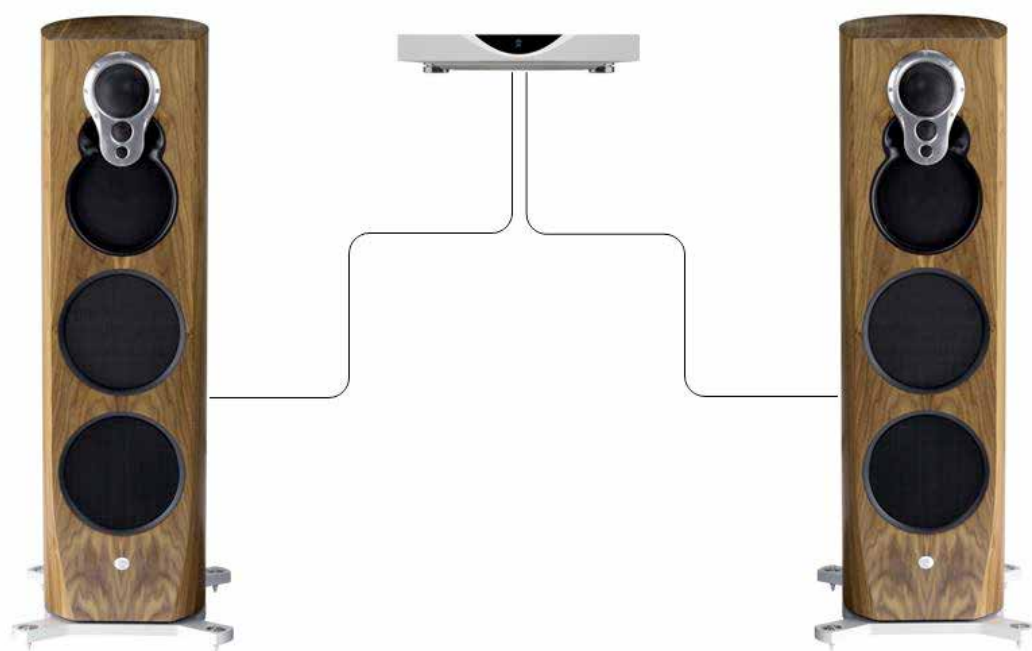
Powered by Dynamik

LINN tiên phong trong việc dùng nguồn Switch Mode Power cho các thiết bị âm thanh, phát triển trên nền tảng kỹ thuật riêng của LINN để cho một bộ cấp nguồn ổn định, nhiễu thấp.

Dynamik là sự cải tiến lớn trong bộ cấp nguồn, độ cách ổn càng cao, càng nhiều công suất và đáp tuyến nhanh hơn bao giờ hết.

Klimax System

Klimax System làm một hệ thống âm thanh hoàn chỉnh bao gồm loa Klimax 350 và đầu phát network Klimax Exakt DSM. Đây là hệ thống âm thanh hiend của Linn được tạo ra với những tiêu chí cao nhất, đem lại cho người nghe chất âm tự nhiên nhất chưa từng có nhờ thiết kế đồng bộ cho tất cả các thiết bị từ loa, ampli và đầu phát.



Loa Klimax 350

Đây là đôi loa active được trang bị Ampli khuếch đại 6 kênh bên trong cho mỗi bên loa, tương thích với hệ thống loa 6 đường tiếng của Klimax 350.

Đặc điểm chính:

Kỹ thuật Exakt

Ampli bên trong loa : 100W x 2/ 400W x 2/ 1000W x 2

Phân tần bằng kỹ thuật Exakt

Hệ thống loa : 6 đường tiếng

Kỹ thuật Space Optimisation

Kết nối : ngõ Exakt Link

Drivers :

Super Tweeter : 13mm Silk Dome

Tweeter: 25mm PU Dome

Mid : 75mm PU Dome

Upper Bass : 165mm glass fiber composite

Lower Bass : 200mm servo x 2

Kích thước : 404 x 1130 x 482mm (NxCxS)

Trọng lượng : 71,2kg



Klimax Exakt DSM

Được thiết kế để đi chung với loa Klimax 350, Klimax Exakt DSM có tính năng như một đầu phát Stream nhạc, một bộ giải mã đầu vào với tất cả các ngõ vào digital và analog HDMI, optical, coaxial, RCA và Balance.

Stream tất cả nguồn nhạc từ cloud đến phòng nghe nhà bạn với chất lượng độc nhất vô nhị. Exakt DSM sẽ xử lý tất cả từ các bản ghi Master đến Tidal streaming hoặc internet radio.

Ngoài khả năng streaming, phía sau đầu phát này là tất cả ngõ vào bạn cần kết nối mọi thứ vào phòng nghe, từ TV đến Turnable. Mọi nguồn kết nối lợi ích từ mạch âm thanh tốt nhất và cách ly âm thanh cung cấp bởi Klimax machined từ solid aluminium.

Stream tất cả các nguồn digital qua ngõ network

Hỗ trợ bất kỳ định dạng nào lên đến 24-bit 192 kHz

Tích hợp Tidal & Qobuz lossless streaming

Phát được internet radio từ TuneIn

9 ngõ vào digital và analog

HDMI 2.0 (4K compatible)

Exakt Link kết nối với speaker hỗ trợ tín hiệu lossless

Tất cả các nguồn kết nối có lợi điểm từ Space

Optimisation

Định dạng : FLAC, Apple lossless, WAV, MP3, WMA, AIFF, AAC, OGG

Độ phân giải : 24bit/192kHz

Ngõ vào : Ethernet x 1, HDMI 2.0 x 3, optical x 2, Coaxial x 2, Balance x 1, RCA phono x 2

Ngõ ra : Exakt Link x 4, HDMI x 1

Kích thước : 380 x 90 x 380 mm (NxCxS)

Trọng lượng : 5,8kg

Akubarik System

Speakers + Network Player

Akubarik Speakers

Đặc điểm chính:

Kỹ thuật Exakt

Ampli bên trong loa : 100W x 4/ 200W x 1

Phân tần bằng kỹ thuật Exakt digital

Hệ thống loa : 5 đường tiếng

Kết nối : ngõ Exakt Link

Kỹ thuật Space Optimisation+

Drivers:

Super Tweeter : 13mm Silk Dome

Tweeter : 25mm PU Dome

Mid : 75mm PU Dome

Upper Bass : 165mm glass fiber composite

Lower Bass : 200mm servo x 2

Kích thước : 351 x 1050 x 450mm (NxCxS)

Trọng lượng : 46,2kg



Akurate Exakt DSM

Stream tất cả các nguồn digital qua ngõ network

Hỗ trợ bất kỳ định dạng nào lên đến 24-bit 192 kHz

Tích hợp Tidal & Qobuz lossless streaming

Phát được internet radio từ TuneIn

13 ngõ vào digital và analog

HDMI 2.0 (4K compatible) hỗ trợ 4K @ 60 Hz 4:4:4; HDCP

2.2; HDR; ARC; CEC

Exakt Link kết nối với speaker hỗ trợ tín hiệu lossless

Tất cả các nguồn kết nối có lợi điểm từ Space Optimisation

Định dạng: FLAC, Apple lossless, WAV, MP3, WMA, AIFF, AAC, OGG

Độ phân giải: 24bit/192kHz

Ngõ vào: Ethernet x 1, HDMI 2.0 x 4, optical x 3, Coaxial 3, Balance x 1, RCA phono x 2

Ngõ ra: Exakt Link x 4, HDMI x 1, Optical x 1, Coaxial x 1

Tích hợp giải mã phono (MM/ MC/ line level)

Kích thước: 380 x 90 x 380 mm (NxCxS)

Trọng lượng: 5,8kg



Akudorik System



Akudorik Speakers

Đặc điểm chính:

Kỹ thuật Exakt

Ampli bên trong loa : 100W x 4

Phân tần bằng kỹ thuật Exakt digital

Hệ thống loa : 4 đường tiếng

Kết nối : ngõ Exakt Link

Kỹ thuật Space Optimisation+

Drivers:

Super Tweeter : 13mm Silk Dome

Tweeter : 25mm PU Dome

Mid : 75mm PU Dome

Bass : 165mm glass fiber composite

Kích thước : 304 x 958 x 388mm (NxCxS)

Trọng lượng : 23kg

Akurate Exakt DSM

Series 5

530 System



Loa 530

Đôi loa 530 tích hợp kỹ thuật Exakt với công suất 300W và hệ thống loa bass Isobarik. Loa cũng sở hữu kỹ thuật Space Optimisation+ làm tối ưu khả năng trình diễn âm thanh trong phòng bạn

Exakt technology built in

Connects via Exakt Link to any Exakt-enabled Linn networked music player

Aktiv Isobarik Bass system for powerful accurate bass

Fully Aktiv integrated Chakra power amplification

Choice of 6 standard Fabrik covers plus special designer collections

Cut glass stand and top plate in choice of three finishes

- Đặc điểm chính:**
- Kỹ thuật Exakt
 - Ampli bên trong loa : 100W x 3
 - Phân tần bằng kỹ thuật Exakt digital
 - Hệ thống loa : 3 đường tiếng
 - Kết nối : ngõ Exakt Link
 - Kỹ thuật Space Optimisation+
 - Hệ thống bass : Isobarik
 - Drivers:**
 - Tweeter : Silk dome, chống cộng hưởng thùng
 - Mid : 2 layer sliced
 - Bass : 2 x Isobarik
 - Kích thước : 232 x 954 x 325mm (NxCxS)
 - Trọng lượng : 30kg
 - Akurate Exakt DSM

520 System



Loa 520

- Đặc điểm chính:**
- Kỹ thuật Exakt
 - Ampli bên trong loa : 100W x 2
 - Hệ thống loa : 2 đường tiếng
 - Kết nối : ngõ Exakt Link
 - Kỹ thuật Space Optimisation+
 - Hệ thống bass : Isobarik
 - Drivers** :
 - Tweeter : Silk dome, chống cộng hưởng thùng
 - Mid : 2 layer sliced
 - Kích thước : 224 x 892 x 218mm
 - Trọng lượng : 18 kg
 - Akurate Exakt DSM
- Exakt technology built in
- Connects via Exakt Link to any Exakt-enabled Linn networked music player
- Fully Aktiv integrated Chakra power amplification
- Choice of 6 standard Fabrik covers plus special designer collections
- Cut glass stand and top plate in choice of three finishes

Majik 140 System

Majik 140 Speakers



Mặc dù là dòng Entry, nhưng Majik có bề dày một thập niên tồn tại với những ưu điểm vượt trội của dòng loa nghe nhạc xuất sắc. Loa có 4 loa con với kết cấu 2 đường tiếng được đánh với mạch khuếch đại kỹ thuật Exakt.

Đặc điểm chính:

Hệ thống loa : 4 đường tiếng
Space Optimisation dùng với Exakt box
Hệ thống bass: reflex
Drivers :
Tweeter : 16mm, Silk dome
Mid : 30mm PU dome
Upper bass : 160mm
Lower bass : 160mm
Kích thước : 250 x 975 x 335mm
Trọng lượng : 21.3kg



Majik DSM

Streaming và Ampli

Stream tất cả các nguồn digital qua ngõ network
Hỗ trợ bất kỳ định dạng nào lên đến 24-bit 192 kHz
Tích hợp Tidal & Qobuz lossless streaming
Phát được internet radio từ TuneIn
15 ngõ vào digital và analog
HDMI 2.0 (4K compatible) hỗ trợ 4K @ 60 Hz 4:4:4; HDCP 2.2; HDR; ARC; CEC
Giải mã âm thanh surround
Kết nối loa với Linn Exaktbox hoặc integrated speakers
90W mỗi kênh với Chakra power amp
Space Optimisation

Định dạng: FLAC, Apple lossless, WAV, MP3, WMA, AIFF, AAC, OGG
Độ phân giải: 24bit/192kHz
Ngõ vào: Ethernet x 1, HDMI x 4, optical x 3, Coaxial x 3, RCA phono x 4, 3.5mm x 1
Ngõ ra: Exakt Link x 2, HDMI x 1, Optical x 1, Coaxial x 1, RCA Phono x 2, 3.5mm headphone x 1
Tích hợp giải mã phono (MM)
Kích thước: 381 x 91 x 355 mm
Trọng lượng: 4.9kg



Majik speakers
Loa bookshelf
Đặc điểm chính:
Hệ thống loa: 3 đường tiếng
Space Optimisation dùng với Exakt box
Hệ thống bass: reflex
Drivers:
Tweeter: 16mm, Silk dome
Mid: 30mm PU dome
Bass: 150mm
Kích thước: 192x 327 x 256mm
Trọng lượng: 5.9kg

Majik 109 System



Majik 112

Loa Center

Đặc điểm chính:
Hệ thống loa: 3 đường tiếng
Space Optimisation dùng với Exakt box
Hệ thống bass: reflex
Drivers:
Tweeter: 16mm, Silk dome
Mid: 30mm PU dome
Bass: 150mm
Kích thước: 510 x 169 x 176mm
Trọng lượng: 6.5kg

Kiko System



Đặc điểm chính:
Hệ thống loa:

Hệ thống bass:
Drivers:
Tweeter:
Mid:
Bass:
Kích thước: 146 x 260 x 187 mm
Trọng lượng:

Kiko Speakers



Kiko DSM

Kiko DSM has everything you need to make your digital music, TV, movies or games sound better. It may be small but packs a fully-fledged Linn DS player, pre- and power amp, all in one. Connecting to your home network, and anything else in your living room, it makes many bigger separates systems seem bloated and slow in comparison.

Ngõ vào: Ethernet x 1, RCA phono x 1, Optical x 1, Coaxial x 1, , HDMI 1.3 x 1, 3.5mm x 1

Kích thước: 381 x 91 x 355 mm

ĐẦU ĐĨA THAN CAO CẤP TURNTABLE



Akurate LP12



Deck	: Sondek LP12
Sub - Chassis	: Kore
Baseboard	: Trampolin
Power Supply	: Lingo
Speed	: 33/ 45 rpm
Tonearm	: Akito
Cartridge	: Krystal MC
Phono Stage	: không bao gồm
Kích thước	: 445 x 140 x 356mm

Klimax LP12

Our flagship Klimax LP12 turntable offers the pinnacle of vinyl reproduction today, setting the benchmark worldwide for all other turntables on the market.

Over 40 years' worth of research and development has gone into this latest evolution of the turntable that turned the hi-fi industry on its head back at the beginning of Linn's journey to make better sound. Each precision-engineered upgrade has uncovered more music from the depths of the record groove.

Deck: Sondek LP12
Sub - Chassis: Keel, đúc từ khối nhôm cứng,
Baseboard: Trampolin
Power Supply: Radikal
Speed: 33/ 45 rpm
Motor Type
Tonearm: Ekos SE
Cartridge: Kandid MC
Phono Stage: Urika
Kích thước: 445 x 140 x 356mm



Majik LP12

Deck	: Sondek LP12
Sub - Chassis	: Majik
Baseboard	: Solid Base
Power Supply	: Majik
Speed	: 33rpm (45 rpm dùng apator)
Tonearm	: Pro Ject 9cc
Cartridge	: Adikt
Phono Stage	: không bao gồm
Kích thước	: 445 x 140 x 356mm





HiDiamond

Thuật ngữ kỹ thuật:

Copper (4VRC): kỹ thuật làm chất dẫn điện với độ nung gấp 4 lần so với 2 lần đối với dây đồng thường của hàng khác. Công nghệ này giúp dây đồng tinh khiết hơn, dẫn tín hiệu tốt hơn rất nhiều.

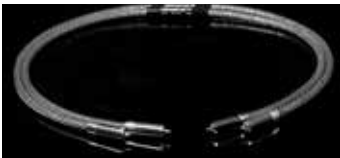
Chất liệu XLPE cách ly tốt hơn 100 lần so với teflon thường dùng. Điều này làm giảm ngưỡng thoát tăng đột biến, triệt tiêu sự ảnh hưởng giữa các dây dẫn bên trong và do đó độ rộng của tín hiệu âm nhạc đảm bảo tuyến tính hơn.

Graphite/Copper (4VRC): Chất Graphite than chì kết hợp với đồng 4VRC© là giải pháp cho phép ngăn nhiễu ồn bên trong dây từ sự truyền dẫn của tín hiệu điện từ (không có tín hiệu âm nhạc), để cho ra một tín hiệu hoàn chỉnh, không có bất kỳ sự nhiễu ồn nào dây hại đến âm thanh

Dây tín hiệu



Diamond 9
Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 4 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 8
Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 7
Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 6
Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 5
Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 4
Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn



Diamond 3
Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn



Diamond 2
Copper (4VRC), ruột 2 sợi dẫn



Diamond 1
Copper (4VRC), ruột 2 sợi dẫn



Phono 0
Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, 2 sợi dẫn, dây nối đất

Dây loa



Diamond 8
Độ dày vỏ ngoài: 270mm, Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 12 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 7
Độ dày vỏ ngoài: 160mm, Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 8 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 6
Dây loa Bi-Wire, Độ dày vỏ ngoài: 140mm, Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 6 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 5
Độ dày vỏ ngoài: 140mm, Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 6 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 4
Độ dày vỏ ngoài: 130mm, Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 8 sợi dẫn



Diamond 3
Độ dày vỏ ngoài: 120mm, Copper (4VRC), ruột 4 sợi dẫn



Diamond 2
Độ dày vỏ ngoài: 100mm, Copper (4VRC), ruột 2 sợi dẫn



Diamond 1
Độ dày vỏ ngoài: 86mm, Copper (4VRC), ruột 2 sợi dẫn



Dây cuộn
Độ dày vỏ ngoài: 86mm, Copper (4VRC), ruột 2 sợi dẫn

Dây tín hiệu Digital



AES EBU BIG ONE
Dây coaxial balance. Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 10 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



USB BIG ONE
Dây USB A-B, Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 12 sợi dẫn



DIGITAL REFERENCE AES
Dây coaxial balance-RCA. Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 3 sợi dẫn, jack mạ bạc



DIGITAL REFERENCE RCA
Dây coaxial RCA. Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



DIGITAL REFERENCE USB
Dây USB A-B, Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 6 sợi dẫn



DIGITAL CARBON MKII
Dây Coaxial. Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn



DIGITAL DGT+MK2
Dây Coaxial. Copper (4VRC), ruột 2 sợi dẫn



DIAMOND HID USB
Dây USB A-B, Copper (4VRC), đầu cảm mạ vàng



HDMI EVOLUTION
Dây HDMI 2.0, 4k/2160p, Copper (4VRC)



FIBER 1
Dây Optical, sợi quang cao cấp

HiDiamond

Hidiamond - Dòng Genesis

Các sản phẩm của dòng Genesis đạt tới đẳng cấp cao, tạo ra các giá trị mang tính tham chiếu. Dòng này gồm có dây tín hiệu, dây loa, dây nguồn

DÂY LOA



Genesis Big Với Đầu WBT



Genesis Big Với Đầu Rhodium Carbon Fiber



Genesis Small Với Đầu WBT



Genesis Small Với Đầu Bằng Sợi Carbon Mạ Rhodium

DÂY TÍN HIỆU



Genesis Big Với Đầu Carbon Mạ Rhodium



Genesis Big Với Đầu WBT



Signal Cable Genesis Small Đầu Cắm Bằng Sợi Carbon Mạ Rhodium



Signal Cable Genesis Small Với Đầu Cắm WBT

Xlr Cable Genesis



Dây nguồn



Dây tín hiệu XLR CABLE GENESIS Big với độ dày của jacket là 18mm, sử dụng nhiều chất liệu và kỹ thuật cao cấp. Đầu cắm loại sợi Carbon mạ Rhodium bảo đảm truyền dẫn tín hiệu tốt nhất.

Power Cable Genesis

Dây nguồn dòng Genesis là loại cao cấp dùng cho các thiết bị âm thanh hiend. Dây được dùng loại dẫn điện bằng Graphite/ Copper/ Silver 4VRC999%AG©, tốt hơn nhiều lần với loại đồng khác.



www.ezacoustics.com

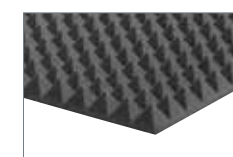
AnhDuy Audio xin giới thiệu một sản phẩm trọn gói cho phòng nghe nhạc, phòng thu âm và home cinema: “absolute sound pack” của nhà sản xuất chuyên nghiệp về các sản phẩm xử lý âm học EZ Acoustics- Tây Ban Nha. “Absolute sound pack” gồm tất cả những gì cần thiết để cải thiện tính âm học cho phòng nghe của bạn. Để dàng lắp đặt, hiệu quả cao.

Các bộ phận của “absolute sound pack” cải thiện hiệu quả tiếng bass, âm hình rõ ràng hơn, triệt tiêu các sóng cộng hưởng rối loạn ở các góc phòng. Hãy trang bị ngay để tận hưởng 100% khả năng trình diễn của dàn máy.

AnhDuy Audio chuyên tư vấn cải thiện âm học, cách âm phòng nghe nhạc, cinema, chống vang, chống ồn cho các công trình, hội trường, phòng họp, phòng học, nhà hàng, vũ trường, karaoke, Club, Gym, show room.



Hút âm



EZ Foam Pyramidal



EZ Foam Wedges



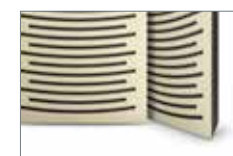
EZ Foam Flat



EZ Fabric Panel



EZ Art Panel



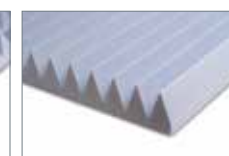
EZ Wood Panel



EZ Suede Wedges



EZ Foam Pyramidal FR



EZ Foam Wedges FR

Tán âm



EZ Diffuser 1QR

Bẫy âm bass

Tiêu, tán âm, bẫy bass hiệu quả, âm thanh trung thực và tuyệt hơn



EZ Foam Bass Trap



EZ Wood Corner Trap



EZ Suede Bass Trap



EZ Foam Bass Trap FR



EZ Foam Cube

ELIACOUSTIC

HÚT ÂM - ABSORPTION

Phòng nghe dùng hút âm Curve Panel 60 First, Surf Premier và bass trap



Vật liệu hút âm giải quyết các âm vang trở vồn gây ồn trong phòng nghe, giúp âm thanh đến tai người nghe rõ, chính xác và trung thực hơn

Sóng phản xạ vào các bề mặt tường xung quanh phòng:

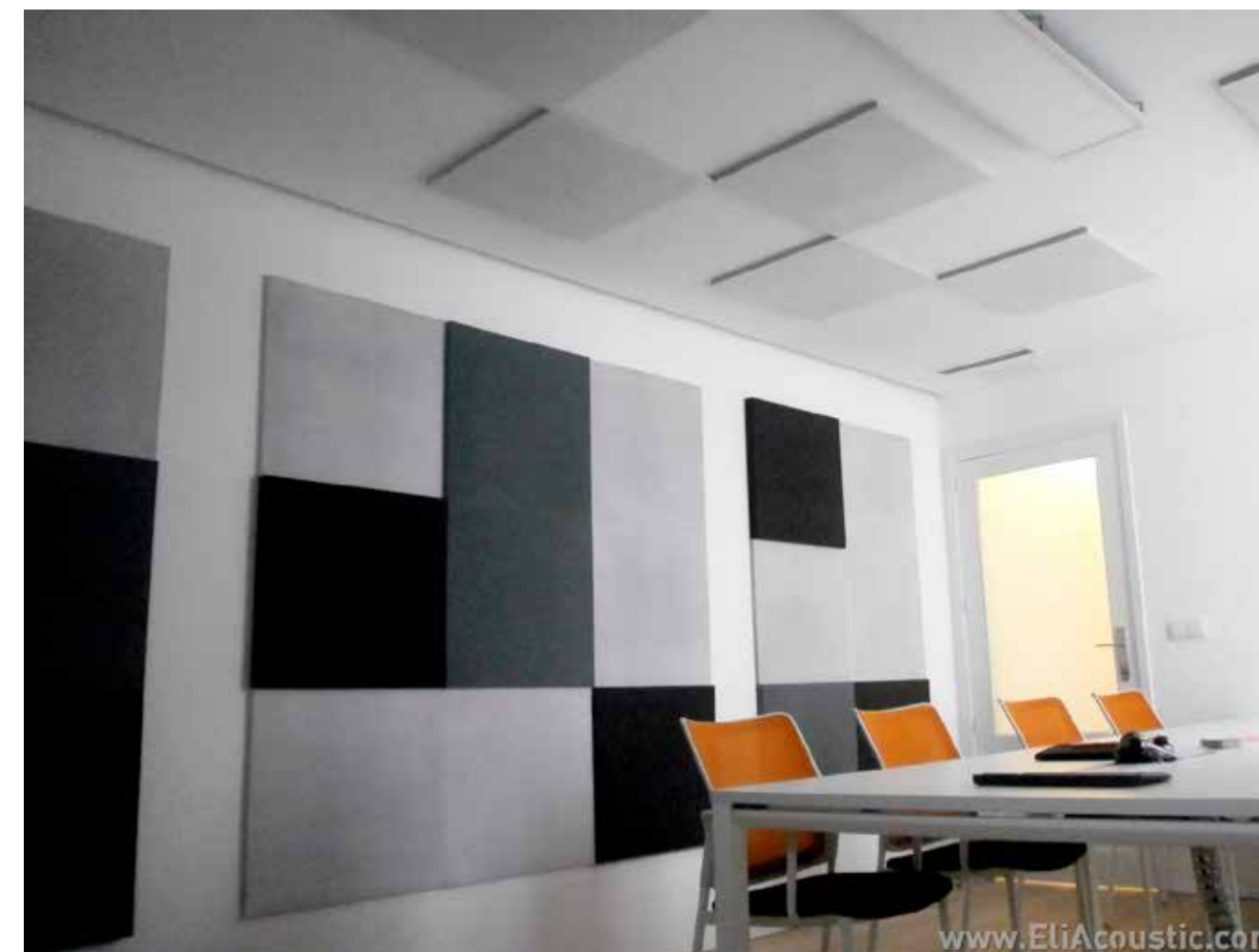
Các phản xạ âm vào tường xung quanh tạo nên những nguồn âm thanh không mong muốn làm giảm chất lượng của nguồn âm thanh chính. Hình minh họa cho thấy các âm thanh phản xạ tới tai người nghe sẽ chậm hơn âm thanh phát ra từ nguồn chính do quãng đường dài hơn. Điều này sẽ làm âm hình mờ nhạt, độ trong trẻo không còn...

Đây là vấn đề ảnh hưởng rất nhiều tới chất lượng âm nhạc, đặc biệt khi sử dụng những hệ thống âm thanh chất lượng cao.

+ Âm vang trễ (reverberation time):

Vấn đề âm vang trễ xảy ra với hầu hết mọi loại phòng như phòng nghe, phòng họp, văn phòng, hội trường, nhà hàng, sảnh, phòng học, phòng tập... Nơi không có sự quan tâm về tính âm học của công trình. Âm vang trễ tạo nên sự ồn ào rất khó chịu, người nghe rất khó phân biệt được nguồn âm chính, tiếng nói nghe không được rõ ràng, lẫn lộn với các tiếng ồn xung quanh... Công trình công cộng không được xử lý vấn đề âm vang trễ sẽ bị ảnh hưởng của tiếng ồn, độ ồn sẽ bị tăng cường rất nhiều gây nên cảm giác khó chịu cho người nghe. Ở nhiều công trình độ ồn cao tới mức ảnh hưởng tới sức khỏe và sự tập trung làm việc cũng như học tập, giải trí...

Một nhà hàng dùng hút âm Circle Pure dán trần



Phòng họp dùng Regular Panel

Phòng họp dùng Regular Panel



TÁN ÂM - DIFFUSION



Kiến thức về tán âm:

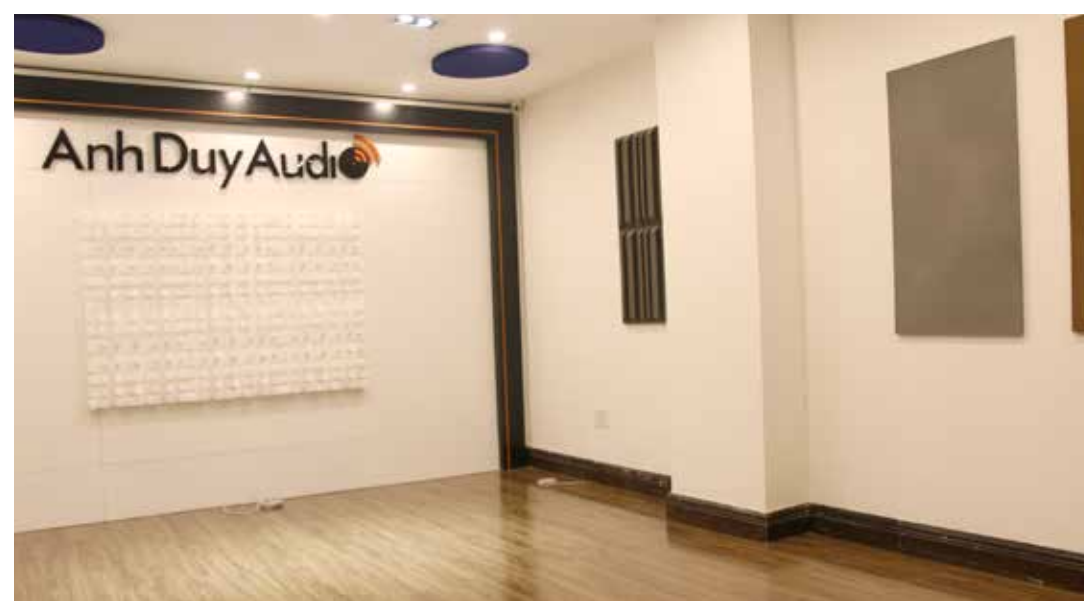
Giúp âm thanh tán xạ ra nhiều hướng và không va đập vào tường song song gây âm vang.

Tấm tán âm có nhiệm vụ chính là phát tán sóng âm theo nhiều hướng tùy theo tần số của chúng, chứ không chỉ đơn thuần là điều hướng tất cả các sóng theo cùng một hướng khác. Đây là điểm phân biệt quan trọng bởi một bề mặt phẳng nhẵn được đặt xéo góc hay lượn cong vẫn chỉ là để thay đổi các sóng âm theo cùng một hướng và chỉ nên là giải pháp kết hợp cùng tán âm.

Tán âm tránh được các phản xạ trực tiếp đồng thời và do đó, mang lại âm thanh tự nhiên hơn so với âm thanh va đập vào mặt phẳng hay mặt cong. Ngoài ra, tán âm còn có mục đích quan trọng trong phòng thu là giảm sự chổng chéo nốt của các nhạc cụ đang được thu đồng thời.

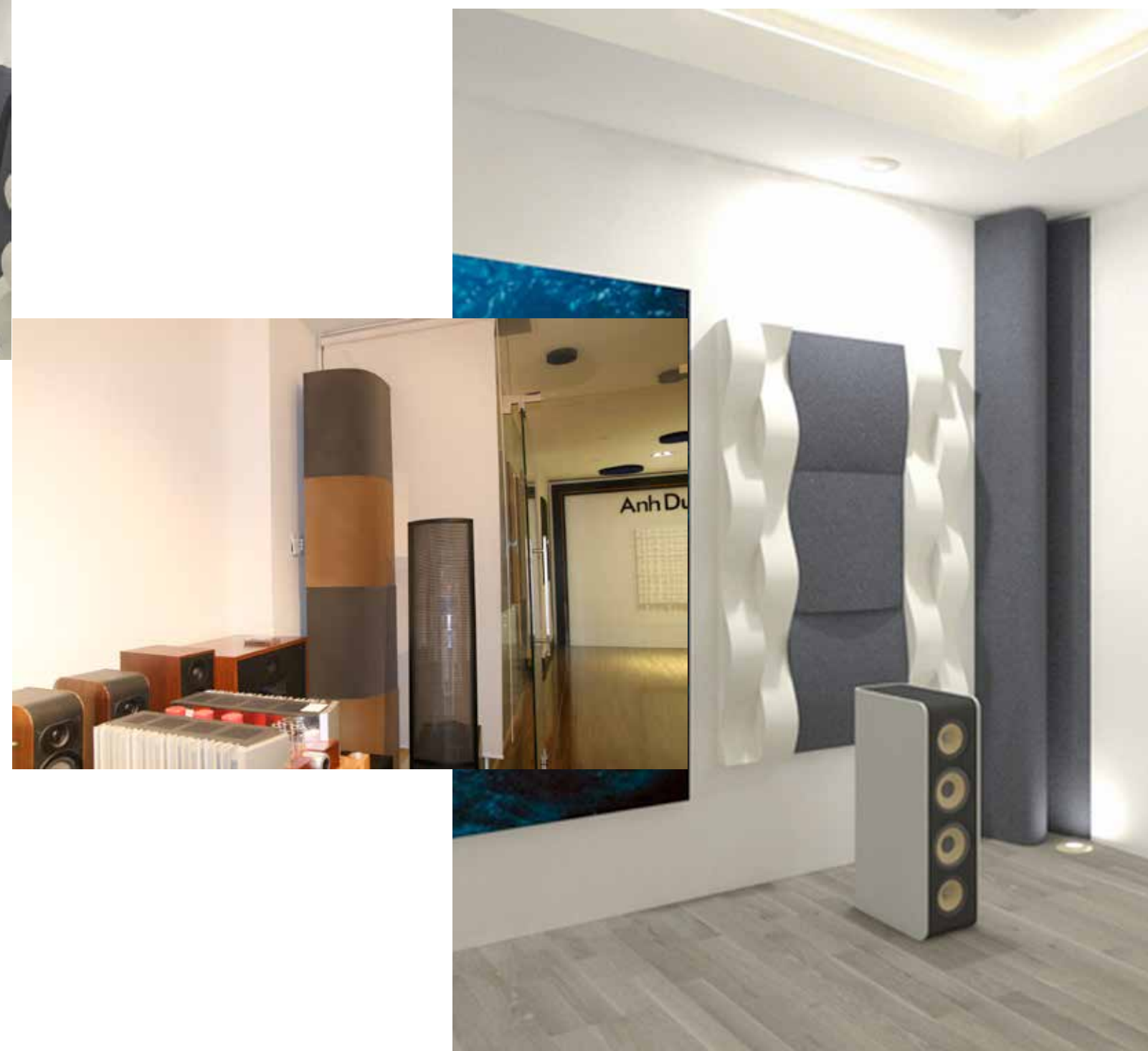
Model: Fussor 2D First, Fussor 3 D First

Tấm tán âm 3D 60x60 dày 166mm. Giá bán theo tấm. Giúp âm thanh tán xạ ra nhiều hướng và không va đập vào tường song song gây âm vang. Thiết kế nhẹ với chất liệu EPS high density và đặc biệt là dễ dàng lắp lên trần hoặc tường. Người dùng mua về tự làm.



BASS TRAP (BẦY ÂM TRẦM)

Lợi ích của việc dùng bass trap (bẫy âm tần số thấp) trong phòng nghe là nó giúp hút tần số thấp, giảm bass thừa, âm thanh ở dải tần số thấp rõ và nét hơn





Home cinema, Hi-Fi, Hi-End
Ampli, Loa, dàn máy, Karaoke

Âm thanh nhà hàng quán bar, sân vườn, trường học
Tư vấn lắp đặt

AnhDuyAudio
Thế giới nghe nhìn

Công ty TNHH Quốc Tế Anh Duy
Nhà phân phối chính thức các nhãn hiệu Audio hàng đầu thế giới
170 Ung Văn Khiêm, Phường 25,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
www.anhduy.vn